

**BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG 1**

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
CỦA CƠ SỞ**

**“BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG 1”**

Địa điểm: Xã Thường Tín, Hà Nội

Hà Nội, năm 2026

BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG 1

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
CỦA CƠ SỞ  
“BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG 1”**

Địa điểm: Xã Thường Tín, Hà Nội



GIÁM ĐỐC  
TS.BS Nguyễn Mạnh Phát

Hà Nội, năm 2026

## MỤC LỤC

<b>MỤC LỤC</b> .....	<b>3</b>
<b>DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT</b> .....	<b>6</b>
<b>DANH MỤC BẢNG</b> .....	<b>8</b>
<b>DANH MỤC HÌNH</b> .....	<b>9</b>
<b>CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ</b> .....	<b>10</b>
1. Thông tin về chủ cơ sở .....	10
2. Thông tin về cơ sở .....	10
2.1. Thông tin về vị trí, hồ sơ pháp lý và phân loại quy mô .....	10
2.2. Hạng mục các công trình của cơ sở .....	15
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở .....	17
3.2. Quy trình khám chữa bệnh của cơ sở.....	17
3.1. Công suất và sản phẩm của cơ sở .....	18
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở .....	20
4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng.....	20
4.2. Nguồn cung cấp điện, nước: .....	23
5. Thông tin khác liên quan đến cơ sở .....	27
5.1. Danh mục máy móc, thiết bị .....	27
5.2. Cơ cấu tổ chức của bệnh viện .....	30
<b>CHƯƠNG 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG</b> .....	<b>31</b>
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường .....	31
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường .....	31
<b>CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ</b> .....	<b>32</b>
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	32
1.1. Thu gom, thoát nước mưa .....	32
1.2. Thu gom, thoát nước thải .....	33
1.3. Xử lý nước thải .....	37
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	43

2.1. Nguồn khí thải phát sinh không thường xuyên từ máy phát điện dự phòng sử dụng dầu DO .....	43
2.2. Hệ thống thông gió, điều hòa .....	44
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường .....	44
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt .....	44
3.2. Chất thải rắn thông thường .....	45
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	47
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	51
6. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác – chống ô nhiễm bức xạ và hạt nhân .....	52
7. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường .....	53
7.1. Sự cố tại hệ thống XLNT tập trung .....	53
7.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất .....	55
7.3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ .....	55
7.4. Phòng chống nhiễm khuẩn, lây lan dịch bệnh .....	56
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Giải pháp bảo vệ môi trường .....	57

#### **CHƯƠNG 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .....59**

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải .....	59
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải .....	60
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung .....	60
4. Yêu cầu về quản lý chất thải.....	62
4.1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh: .....	62
4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:.....	63

#### **CHƯƠNG 5. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....64**

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường.....	64
1.1. Tóm tắt tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường .....	64
1.2. Tóm tắt các vấn đề liên quan đến môi trường.....	64
2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải .....	64
3. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải .....	66
4. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở.....	66

<b>CHƯƠNG 6. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>67</b>
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của cơ sở .....	67
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật .....	67
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ .....	67
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục .....	67
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở .....	67
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	67
<b>CHƯƠNG 7. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....</b>	<b>68</b>

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

### **B**

BOD : Nhu cầu oxy sinh hóa

BVMT : Bảo vệ môi trường

### **C**

CBCNV : Cán bộ công nhân viên

COD : Nhu cầu oxy hóa học

CTNH : Chất thải nguy hại

CTR : Chất thải rắn

CTRSH : Chất thải rắn sinh hoạt

### **D**

DO : Oxy hòa tan

### **Đ**

ĐABVMT : Đề án bảo vệ môi trường

ĐTM : Đánh giá tác động môi trường

### **G**

GPMT : Giấy phép môi trường

### **H**

HTXL : Hệ thống xử lý

### **K**

KT : Khí thải

KT-XH : Kinh tế - Xã hội

### **M**

MT : Môi trường

### **N**

NM : Nước mặt

NN : Nước ngầm

NT : Nước thải

NTSH : Nước thải sinh hoạt

NTYT : Nước thải y tế

### **P**

PCCC : Phòng cháy chữa cháy

### **Q**

QCVN : Quy chuẩn Việt Nam

**T**

TNHH : Tiêu chuẩn Việt Nam

TCVS : Tiêu chuẩn vệ sinh

TSS : Chất rắn lơ lửng

TW1 : Trung ương 1

**U**

UBND : Ủy ban nhân dân

**X**

XLNT : Xử lý nước thải

XLKT : Xử lý khí thải

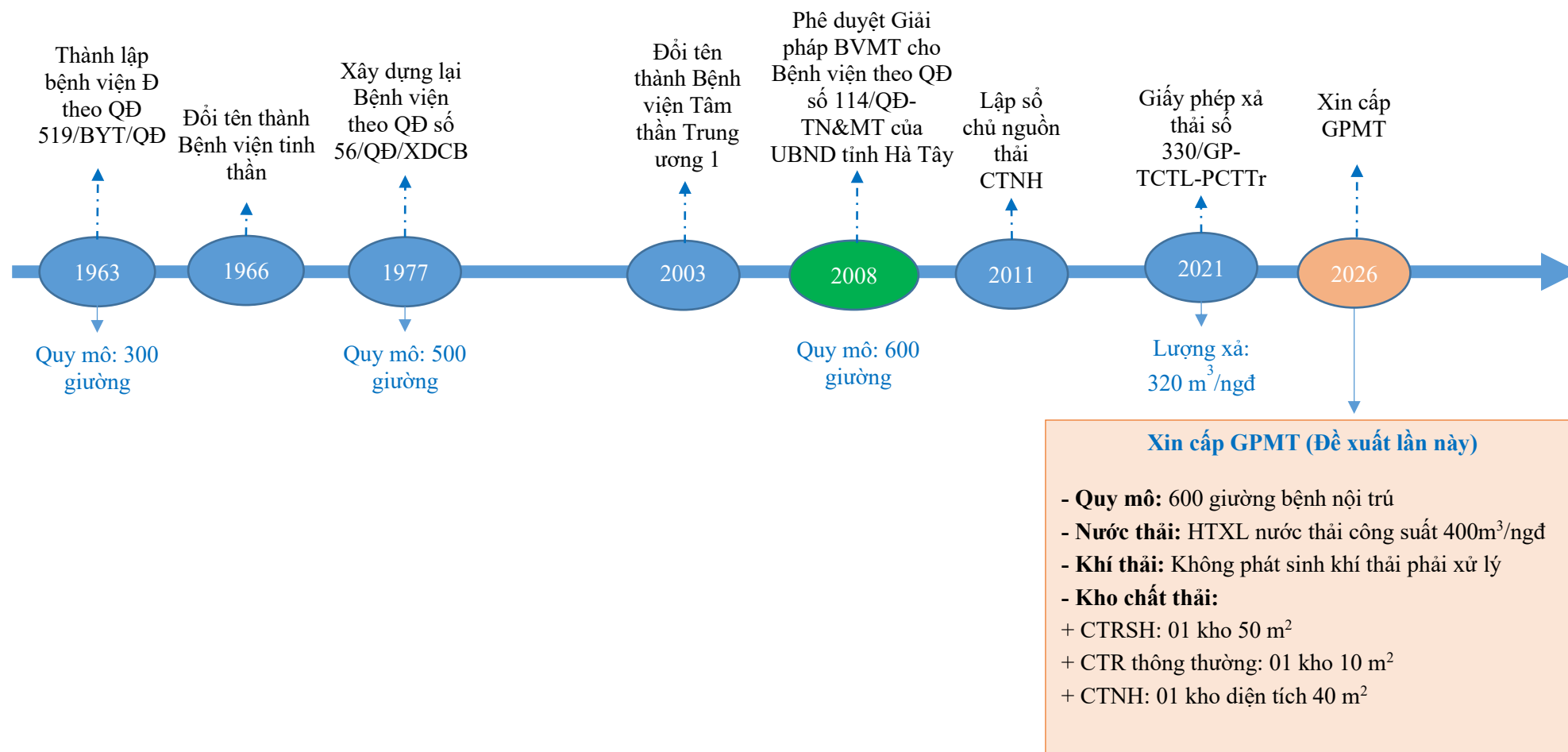
## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1-1. Các hồ sơ pháp lý của cơ sở .....	13
Bảng 1-2. Các hạng mục công trình của cơ sở .....	16
Bảng 1-3. Hiện trạng hoạt động và công suất khám chữa bệnh của Bệnh viện .....	18
Bảng 1-4. Bảng tổng hợp hoá chất sử dụng tại bệnh viện trong 01 năm .....	20
Bảng 1-5. Nguyên vật liệu, vật tư y tế của Bệnh viện sử dụng trong 01 năm.....	22
Bảng 1-6. Bảng cân bằng nước tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của cơ sở.....	25
Bảng 1-7. Danh mục máy móc, trang thiết bị sử dụng tại Bệnh .....	27
Bảng 1-8. Cơ cấu tổ chức bệnh viện .....	30
Bảng 3-1. Thông kê các hạng mục của hệ thống thoát nước mưa chảy tràn.....	33
Bảng 3-2. Thông tin các bể tự hoại tại Bệnh viện.....	37
Bảng 3-3. Thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống xử lý nước thải tập trung .....	42
Bảng 3-4. Thông tin nguồn thải máy phát điện.....	43
Bảng 3-5. Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh.....	44
Bảng 3-6. Bảng tổng hợp biện pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt.....	45
Bảng 3-7. Thành phần và khối lượng CTR thông thường.....	45
Bảng 3-8. Bảng tổng hợp biện pháp quản lý chất thải y tế thông thường.....	46
Bảng 3-9. Thành phần và khối lượng từng loại CTNH phát sinh .....	47
Bảng 3-10. Bảng tổng hợp biện pháp quản lý chất thải nguy hại .....	51
Bảng 3-11. Một số hư hỏng thường gặp và biện pháp khắc phục.....	54
Bảng 3-12. Khắc phục các sự cố ảnh hưởng đến hiệu quả của hệ thống XLNT .....	54
Bảng 3-13. Các nội dung thay đổi so với nội dung phê duyệt trong Giải pháp bảo vệ môi trường của cơ sở .....	57
Bảng 5-1. Kết quả quan trắc nước thải đầu ra của hệ thống XLNT tập trung 400 m <sup>3</sup> /ngày đêm .....	65
Bảng 5-2. Khối lượng chất thải năm 2023, 2024 và 05 tháng đầu năm 2025.....	66
Bảng 5-3. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở .....	66
Bảng 6-1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm của cơ sở .....	67

## DANH MỤC HÌNH

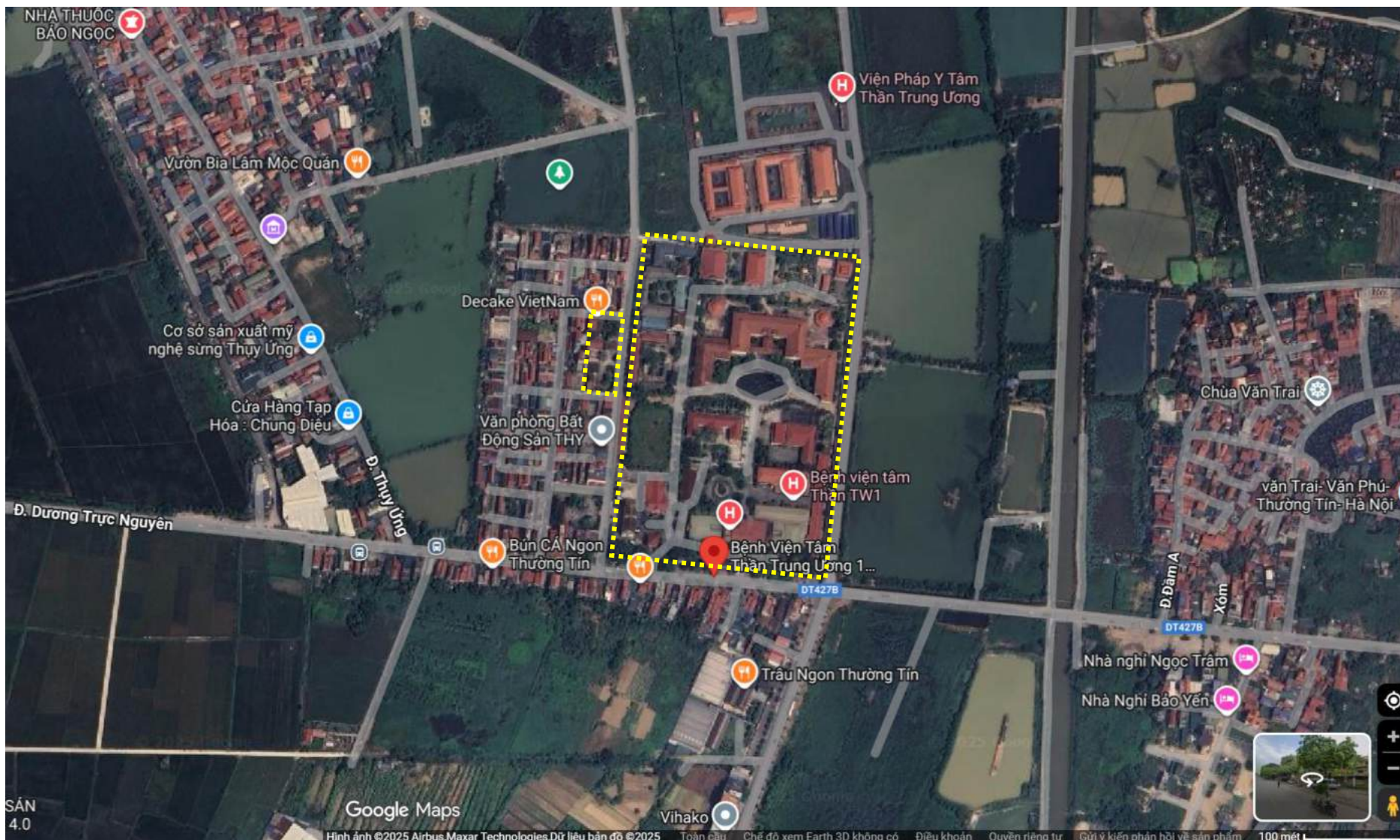
Hình 1-1. Quá trình phát triển quy mô và các hồ sơ pháp lý về môi trường của Bệnh viện .....	11
Hình 1-2. Vị trí của cơ sở .....	12
Hình 1-3. Mặt bằng tổng thể Bệnh viện .....	15
Hình 1-4. Quy trình khám chữa bệnh tại Bệnh viện.....	17
Hình 1-5. Trạm cấp nước sạch 320 m <sup>3</sup> /ngày sử dụng nước giếng khoan của Bệnh viện .....	24
Hình 1-6. Sơ đồ quy trình xử lý nước của Trạm cấp nước của Bệnh viện.....	24
Hình 1-7. Sơ đồ cân bằng nước của Bệnh viện .....	26
Hình 3-1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở .....	32
Hình 3-2. Kênh tiêu Bệnh viện Tâm thần – nguồn tiếp nhận nước mưa và nước thải của Bệnh viện .....	33
Hình 3-3. Sơ đồ quy trình thu gom, thoát nước thải của Viện .....	34
Hình 3-4. Khu vực 02 máy giặt của bệnh viện.....	35
Hình 3-5. Sơ đồ đường thoát nước thải sau xử lý ra kênh tiêu Bệnh viện Tâm thần....	36
Hình 3-6. Hệ thống XLNT tập trung công suất 400 m <sup>3</sup> /ngày đêm của cơ sở .....	38
Hình 3-7. Sơ đồ quy trình xử lý của hệ thống XLNT tập trung 400 m <sup>3</sup> /ngày đêm.....	39
Hình 3-8. Mặt bằng khu trạm xử lý nước thải.....	40
Hình 3-9. Kho chứa rác thải y tế thông thường.....	46
Hình 3-10. Hướng dẫn phân loại chất thải của Bệnh viện .....	49
Hình 3-11. Kho chứa và các thiết bị chứa bên trong kho CTNH của Bệnh viện.....	51





Hình 1-1. Quá trình phát triển quy mô và các hồ sơ pháp lý về môi trường của Bệnh viện

Địa điểm:



Hình 1-2. Vị trí của cơ sở

Bệnh viện có địa chỉ tại xã Thường Tín, thành phố Hà Nội. Ranh giới tiếp giáp:

+ Phía Bắc: Giáp Viện Pháp Y Tâm Thần Trung Ương

+ Phía Đông: Giáp kênh tiêu Bệnh viện tâm thần (nơi tiếp nhận nước thải và nước mưa của Bệnh viện, cạnh đó là đường giao thông và ao hồ khu vực xã Thường Tín.

+ Phía Tây: Giáp đường giao thông và đối diện bên kia đường là khu dân cư.

+ Phía Nam: Giáp đường Dương Trục Nguyên (đường tỉnh 427B).

✚ **Cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư:** Bộ y tế (theo Quyết định số 519/BYT-QĐ ngày 7/6/1963 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Quyết định số 3143/QĐ-BYT ngày 21/8/2014)

✚ **Cơ quan thẩm định xây dựng:** Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Sơn Bình  
(Theo Quyết định số 56/QĐ/XDCB ngày 19/01/1977 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Sơn Bình về việc cấp giấy phép xây dựng lại bệnh viện tinh thần Trung ương)

Tổng hợp các hồ sơ pháp lý của Bệnh viện như Bảng dưới đây:

**Bảng 1-1. Các hồ sơ pháp lý của cơ sở**

TT	Loại hồ sơ	Nội dung
1	Quyết định thành lập Viện và quy chế tổ chức	- Quyết định số 519/BYT-QĐ ngày 7/6/1963 của Bộ trưởng Bộ Y tế thành lập Bệnh viện Đ (nay là Bệnh viện tâm thần Trung ương 1) quy mô 300 giường trực thuộc Bộ Y tế. - Quyết định số 7293/QĐ-BYT ngày 07/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1.
2	Pháp lý về việc đổi tên	Văn bản số 6303/YT-TCCB ngày 18/6/2003 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện Nghị định số 49/20023/NĐ-CP của Chính phủ (trong đó có nêu việc đổi tên thành Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1)
3	Giấy phép xây dựng	- Quyết định số 56/QĐ/XDCB ngày 19/01/1977 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Sơn Bình về việc cấp giấy phép xây dựng lại bệnh viện tinh thần Trung ương. - Quyết định số 3143/QĐ-BYT ngày 21/8/2014 về việc phê duyệt lại dự án đầu tư Xây dựng, cải tạo, mở rộng Bệnh viện Tâm thần trung ương 1.
4	Chỉ tiêu về số giường bệnh	Quyết định số 2244/QĐ-BYT ngày 04/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao chỉ tiêu kế hoạch giường bệnh năm 2018 cho các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế.
5	Giấy tờ đất	Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp ngày 15/8/2003 của Sở Tài chính vật giá.

TT	Loại hồ sơ	Nội dung
6	Phê duyệt giải pháp bảo vệ môi trường	Quyết định số 114/QĐ-TN&MT ngày 31/3/2008 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Tây về việc phê duyệt giải pháp bảo vệ môi trường Bệnh viện tâm thần Trung ương 1
7	Văn bản thỏa thuận xả thải	Văn bản số 727/CTSN-QLN.CT ngày 20/4/2021 của Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi sông Nhuệ về việc thỏa thuận xả nước thải sau xử lý của Bệnh viện Tâm Thần Trung Ương 1 vào công trình thủy lợi.
8	Giấy phép xả thải	Giấy phép xả thải số 330/GP-TCTL-PCTTr ngày 05/7/2021 của Tổng Cục thủy lợi.
9	Sổ chủ nguồn thải	Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 01.000860.T do Sở TNMT Hà Nội cấp ngày 12/08/2011.
10	Giấy tờ về PCCC	Giấy xác nhận nghiệm thu PCCC số 289/NT-PCCC-P3 ngày 11/11/2016
11	Giấy phép khai thác nước	Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 263/GP-UBND ngày 23/7/2021 của UBND thành phố Hà Nội.

✚ **Loại hình sản xuất, kinh doanh:** Y tế (Khám bệnh, chữa bệnh).

✚ **Quy mô của cơ sở:**

- Diện tích cơ sở: 70.393 m<sup>2</sup> (Diện tích được lấy theo Trích đồ hiện trạng của Bệnh viện năm 2008 đã được Phòng TNMT huyện Thường Tín và Chủ tịch UBND xã Hoà Bình công nhận (đính kèm Phụ lục 2), không lấy theo diện tích 71.350 m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất năm 2003 (đính kèm Phụ lục 1) do thời điểm này phép đo chưa chính xác bằng năm 2008).

- Quy mô khám chữa bệnh: 600 giường bệnh nội trú và 20 giường điều trị ban ngày (Theo Báo cáo Giải pháp môi trường đã được phê duyệt và Quyết định số 3143/QĐ-BYT ngày 21/8/2014 về việc phê duyệt lại dự án đầu tư Xây dựng, cải tạo, mở rộng Bệnh viện Tâm thần trung ương 1, Quyết định số 2244/QĐ-BYT ngày 04/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao chỉ tiêu kế hoạch giường bệnh năm 2018 cho các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế (đính kèm Phụ lục 1)).

- Quy mô theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công: Nhóm B (theo Quyết định số 3143/QĐ-BYT ngày 21/8/2014, Bệnh viện có tổng mức đầu tư 145.352.643.000 VND nên thuộc mục 5 khoản 4 Điều 10 của Luật đầu tư công 2024).

✚ **Yếu tố nhạy cảm về môi trường:** Không.

✚ **Phân nhóm dự án đầu tư:** nhóm III (Bệnh viện thuộc STT 2 mục II Phụ lục V của Nghị định Nghị định 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi bởi Nghị định 05/2025/NĐ-CP)

✚ **Cơ quan có thẩm quyền cấp GPMT cho Bệnh viện:**

Cơ sở có quy mô tương đương dự án nhóm III, đồng thời trước đây cơ sở được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Tây phê duyệt giải pháp bảo vệ môi trường. Do đó, theo khoản 3, điều 41 Luật Bảo vệ môi trường, UBND thành phố Hà Nội là cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường cho cơ sở.

## 2.2. Hạng mục các công trình của cơ sở

Các hạng mục công trình chính của cơ sở được thể hiện trên sơ đồ và thống kê tại bảng dưới đây:



Hình 1-3. Mặt bằng tổng thể Bệnh viện

**Bảng 1-2. Các hạng mục công trình của cơ sở**

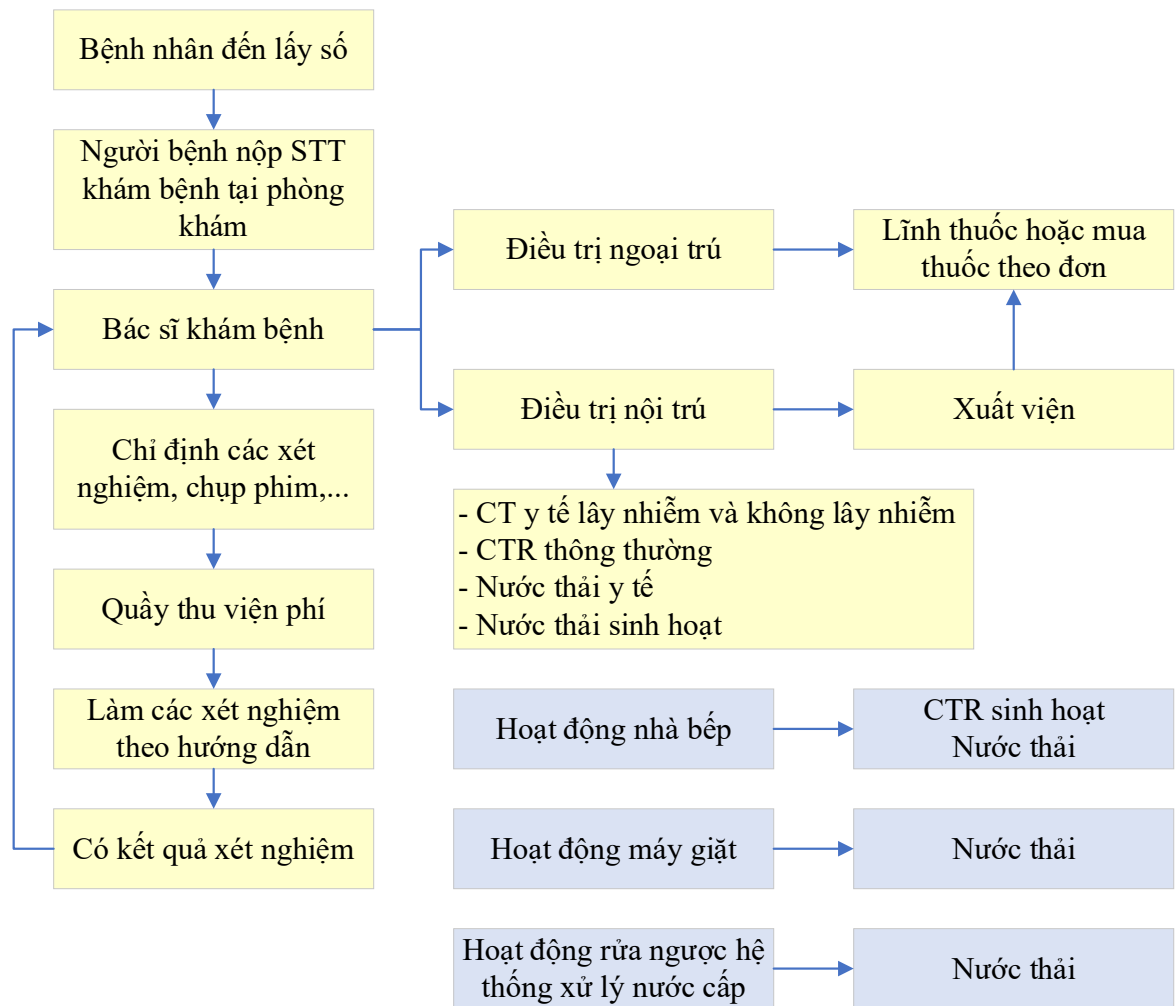
STT	Hạng mục	Số tầng	Diện tích xây dựng	Tổng diện tích sàn sử dụng
<b>I</b>	<b>Các công trình chính và phụ trợ</b>			
1	Nhà khám nghiệp vụ	2	2396,2	4902
2	Phòng Công nghệ thông tin	1	109	109
3	Nhà chỉ đạo tuyến	3	86,98	260,98
4	Nhà phòng đào tạo, nghiên cứu khoa học	4	380	1520
5	Nhà Ban giám đốc	4	672,52	2690,08
6	nhà hoạt động liệu pháp và phục hồi chức năng, vật lý trị liệu	1	451,2	451,2
7	Khoa Tâm thần nhi	2	822,43	1644,86
8	Nhà Khoa chẩn đoán hình ảnh và xét nghiệm	2	708,38	1418
9	Nhà khoa điều trị tự nguyện 1, 5	2	924,73	2066
10	Nhà liên khoa điều trị, 1, 7, 8, 2, 4, 6, người cao tuổi, Tâm căn, Y học cổ truyền	4	4523,5	14938
11	Khoa hoạt động liệu pháp	2	962,31	1650
12	Khoa điều trị nghiện	2	776,18	1552,36
13	Khoa Dinh dưỡng	2	726,1	1515
14	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	596,6	1318
15	Nhà trạm xử lý nước thải	1	54,15	54,15
16	Nhà thu gom và phân loại rác thải	1	225,31	225,31
17	Nhà tang lễ	1	257,6	257,6
18	Nhà kho HCQT	2	267,83	535,66
19	Nhà để máy phát điện	1	56,40	56,40
20	Nhà thuốc Bệnh viện	1	23,655	23,655
21	Nhà để tủ điều khiển điện khoa KSNK & Dinh Dưỡng	1	2	2
22	Nhà để gas khoa Dinh Dưỡng	1	17	17
23	Nhà để xe ô tô BV	1	531,36	531,36
24	Nhà trạm bơm xử lý nước sạch	2	116,64	233,28
25	Dãy nhà ngang khoa điều trị bệnh nhân bắt buộc và hạng mục hạ tầng	1	278,27	278,27
26	Nhà điều trị bệnh nhân khoa pháp Y	1	1.200	1.200
27	Sảnh chờ Bệnh nhân, nhà để xe nhân viên, hệ thống vườn hoa cây xanh	1	1.507,41	1.507,41
28	Nhà tiếp linh (tang lễ)	1	75,62	75,62
29	Nhà đông Y	1	366,46	366,46
30	Nhà xét nghiệm	1	284,27	284,27

II	Các công trình BVMT			
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400 m <sup>3</sup> /ngày đêm	Nửa ngầm	814	814
2	Nhà kho CTR sinh hoạt	1	50	50
3	Nhà kho CTNH và CTR thông thường	1	50	50
	<i>Gian chứa CTR thông thường</i>		10	10
	<i>Gian chứa CTNH</i>		40	40
III	Khác (cây xanh, ao hồ, sân đường nội bộ, ao hồ)		50.993	
IV	Tổng cộng (m <sup>2</sup> )		70.393	

### 3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

#### 3.2. Quy trình khám chữa bệnh của cơ sở

Quy trình khám chữa bệnh chung tại Bệnh viện được thể hiện trên sơ đồ sau:



**Hình 1-4. Quy trình khám chữa bệnh tại Bệnh viện**

**Thuyết minh quy trình:**

Quy trình thăm khám tại Bệnh viện Tâm thần Trung Ương 1 diễn ra như sau:

1. Tiếp đón & đăng ký khám ngoại trú tại khoa khám - bạn cần khai báo thông tin cá nhân, lý do khám, nếu có thẻ BHYT nên mang theo để được hỗ trợ chi phí.
2. Khám sàng lọc ban đầu - bác sĩ tâm thần hoặc chuyên khoa sẽ tư vấn, hỏi bệnh sử, đánh giá tình trạng tâm lý/triệu chứng để chỉ định các xét nghiệm, kiểm tra cần thiết hoặc nhập viện nếu cần điều trị.
3. Xét nghiệm / thăm dò cận lâm sàng nếu được chỉ định - BV có khoa cận lâm sàng gồm xét nghiệm, thăm dò chức năng, chẩn đoán hình ảnh, nếu cần.
4. Điều trị / theo dõi - tùy theo chẩn đoán: có thể là theo dõi ngoại trú, điều trị nội trú, phục hồi chức năng, tâm lý trị liệu, dùng thuốc, kết hợp nhiều chuyên khoa nếu cần.
5. Tái khám / theo dõi lâu dài - BV có khoa phục hồi chức năng, tâm lý lâm sàng, giúp bệnh nhân tái hòa nhập, phục hồi sức khỏe tâm thần sau điều trị.

Một số lưu ý về hoạt động của Viện:

- Dịch vụ siêu âm, chụp phim X-quang: hiện nay Bệnh viện áp dụng công nghệ chụp phim kỹ thuật số nên không phát sinh nước thải từ hoạt động rửa phim.

**3.1. Công suất và sản phẩm của cơ sở**

Bệnh viện tâm thần Trung ương 1 là hiện có quy mô 600 giường bệnh nội trú và 20 giường điều trị ban ngày. Số lượt khám chữa bệnh của Bệnh viện trong các năm gần đây như sau:

**Bảng 1-3. Hiện trạng hoạt động và công suất khám chữa bệnh của Bệnh viện**

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025	Ước tính tối đa
1	Quy mô giường bệnh	600	600	600
2	Tổng số lượt khám chữa bệnh hàng năm	17.213	16.108	20.000

Phân chia chức năng gồm 09 phòng, 18 khoa lâm sàng, 02 khoa cận lâm sàng, 03 khoa hỗ trợ và 05 phòng trung tâm đào tạo và chỉ đạo tuyến. Chi tiết như sau:

**1. Các phòng ban (09 phòng):**

- a) Phòng Tổ chức cán bộ;
- b) Phòng Tài chính – Kế toán;
- c) Phòng Vật tư – Trang thiết bị y tế;
- d) Phòng Điều dưỡng;
- e) Phòng Kế hoạch tổng hợp;
- f) Phòng Công nghệ thông tin;
- g) Phòng Hành chính quản trị;

h) Phòng Quản lý chất lượng bệnh viện;

i) Phòng Công tác xã hội.

**2. Các khoa lâm sàng (gồm 18 khoa):**

a) Khoa Khám bệnh Đa khoa;

b) Khoa Cấp tính nam;

c) Khoa Bán cấp tính nam;

d) Khoa Mạn tính nam và người bệnh xã hội;

đ) Khoa Cán bộ nam và người nước ngoài;

e) Khoa Cấp tính nữ;

g) Khoa Bán cấp tính nữ;

h) Khoa Mạn tính nữ và người bệnh xã hội;

i) Khoa Cán bộ nữ và người nước ngoài;

k) Khoa Điều trị tự nguyện;

l) Khoa Tâm thần người cao tuổi;

m) Khoa Tâm lý lâm sàng;

n) Khoa Điều trị nghiện;

o) Khoa Phục hồi chức năng và Y học cổ truyền;

p) Khoa Tâm căn;

q) Khoa Tâm thần thực tồn;

r) Khoa Tâm thần nhi;

s) Khoa Hồi sức cấp cứu.

**3. Các khoa cận lâm sàng (gồm 02 khoa):**

a) Khoa Xét nghiệm tổng hợp;

b) Khoa Chẩn đoán hình ảnh và Thăm dò chức năng.

**4. Các khoa hỗ trợ (gồm 03 khoa)**

a) Khoa Dược;

b) Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn;

c) Khoa Dinh dưỡng tiết chế

**5. Trung tâm Đào tạo và Chỉ đạo tuyến (gồm 05 phòng)**

a) Văn phòng Trung tâm;

b) Phòng Chỉ đạo tuyến và Luân phiên cán bộ;

c) Phòng Đào tạo;

- d) Phòng Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế;
- đ) Phòng Truyền thông và Giáo dục sức khỏe tâm thần.

#### 4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

##### 4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng

Danh mục hóa chất sử dụng trong Bệnh viện chủ yếu gồm các loại hóa chất phục vụ hoạt động xét nghiệm, tẩy rửa thiết bị:

**Bảng 1-4. Bảng tổng hợp hoá chất sử dụng tại bệnh viện trong 01 năm**

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
1	Hoá chất định lượng Acid Uric	Hộp	30
2	Hóa chất định lượng Albumin	Hộp	1
3	Hóa chất định lượng Cholesterol toàn phần	Hộp	30
4	Hóa chất định lượng Protein toàn phần	Hộp	1
5	Hoá chất đo hoạt độ GPT/ALT	Hộp	30
6	Hoá chất đo hoạt độ GOT/AST	Hộp	30
7	Hoá chất định lượng Triglycerid	Hộp	20
8	Hoá chất định lượng Urea	Hộp	36
9	Que thử nước tiểu 10 thông số	Hộp	12
10	Hóa chất kiểm tra độ chuẩn âm tính	Hộp	2
11	Hóa chất kiểm tra độ chuẩn dương tính	Hộp	2
12	Hóa chất kiểm chuẩn sinh hóa thông thường mức N	Hộp	8
13	Hóa chất kiểm chuẩn sinh hóa thông thường mức P	Hộp	8
14	Hóa chất hiệu chuẩn sinh hóa thông thường	Hộp	2
15	Hóa chất định lượng Creatinine	Hộp	30
16	Hoá chất đo hoạt độ GAMMA GT	Hộp	24
17	Hóa chất định lượng Glucose	Hộp	24
18	Hoá chất rửa máy sinh hoá (tính kiềm)	Hộp	5
19	Hoá chất rửa máy sinh hoá (tính axit)	Hộp	5
20	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học dùng để nội kiểm mức thường	Lọ	8
21	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức cao	Lọ	8
22	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	Can	30
23	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học để tách bạch cầu	Can	30
24	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học loại đậm đặc	Can	15
25	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Can	30

26	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	Can	60
27	HbsAg Test	Test	1.000
28	HIV (test nhanh)	Test	1.000
29	Test ma túy tổng hợp 4 chân	Test	500
30	Test thử Morphine / Heroin	Test	700
31	Test thử Amphetamine	Test	700
32	Test nhanh sốt xuất huyết	Test	500
33	Cồn 70 độ	Chai	800
34	Nước cất	Lít	1.000
35	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Axit Uric	Hộp	18
36	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALT	Hộp	18
37	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST	Hộp	18
38	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GGT	Hộp	12
39	Thuốc thử xét nghiệm HbA1C	Hộp	1
40	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Urea Nitrogen	Hộp	12
41	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL	Hộp	1
42	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LDL	Hộp	1
43	Thuốc thử xét nghiệm định lượng cholesterol	Hộp	18
44	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinine	Hộp	18
45	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp	Hộp	1
46	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Glucose	Hộp	12
47	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần	Hộp	1
48	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Triglyceride	Hộp	18
49	Cuvet dùng cho máy sinh hoá	Hộp	12
50	CUP/LID 1.5ML ES/AR/STAR	Hộp	12
51	Dimension CHK Flex	Hộp	1
52	RXL CHEMISTRY WASH	Hộp	1
53	RXL PROBE CLEANER	Hộp	1
54	RXL SAMPLE PROBE CLEANER	Hộp	1
55	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm tuyến giáp	Hộp	1
56	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa	Hộp	6
57	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa magie, photpho, Triglyceride	Hộp	3
58	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HDL	Hộp	1
59	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm LDL	Hộp	1
60	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Cholesterol	Hộp	2
61	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Bilirubin trực tiếp và Bilirubin toàn phần	Hộp	1
62	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm ALT	Hộp	4
63	Chất xác minh hiệu suất xét nghiệm sinh hoá	Hộp	4
64	HM REACTION VESSELS	Túi	1
65	DM HM FREE T4 RXL	Hộp	1

66	DM HM TSH RXL	Hộp	1
67	DM T4/THYROXINE	Hộp	1
68	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT3	Hộp	1
69	DM T4 CALIBRATOR	Hộp	1
70	DM FREE T4/TSH CALIBRATOR RXL	Hộp	1

**Bảng 1-5. Nguyên vật liệu, vật tư y tế của Bệnh viện sử dụng trong 01 năm**

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
1	Đầu côn trắng	Cái	10.000
2	Đầu côn vàng	Cái	20.000
3	Đầu côn xanh	Cái	10.000
4	Ống nghiệm nhựa chống đông (EDTA)	Ống	15.000
5	Ống nghiệm nhựa chống đông (Heparin)	Ống	5.000
6	Ống nghiệm nhựa chống đông (Chimigly)	Ống	15.000
7	Ống nghiệm nhựa đựng nước tiểu	Ống	2.000
8	Cốc đựng mẫu 1.5 ml	Cái	15.000
9	Giấy in nhiệt 11 cm	Cuộn	120
10	Thông tiểu các cỡ	Cái	100
11	Dây ăn sòng các cỡ	Sợi	1.000
12	Dây truyền dịch	Bộ	6.800
13	Dây thở oxy gọng kính	Chiếc	100
14	Mask thở oxy	Cái	100
15	Mũ y tế	Cái	5.000
16	Băng dính miếng	Hộp	60
17	Khẩu trang y tế	Cái	30.000
18	Băng cuộn 10 cm x 5 m	Cuộn	3.000
19	Bông hút	Kg	150
20	Bông cắt	Gói	50
21	Gạc y tế	Túi	2.000
22	Băng dính y tế 2.5 cm x 5 m	Cuộn	2.000
23	Bơm tiêm 1 ml	Cái	500
24	Bơm tiêm nhựa 5 ml	Cái	42.000
25	Bơm tiêm nhựa 10 ml	Cái	20.000
26	Bơm cho ăn 50 ml	Cái	1.000
27	Kim bướm	Cái	5.000
28	Kim lấy thuốc	Cái	5.000
29	Kim lùn	Cái	4.000
30	Găng tay cao su	Đôi	50.000
31	Gel siêu âm	Can	10

32	Huyết áp	Cái	20
33	Ổng nghe	Cái	20
34	Kéo thẳng to (16 cm)	Cái	20
35	Kéo cắt chỉ cong	Cái	20
36	Kẹp phẫu tích (16 cm)	Cái	20
37	Panh cõse (Panh thẳng)	Cái	20
38	Nước muối sinh lý	Chai	500
39	Chỉ phẫu thuật	Sợi	60
40	Chỉ phẫu thuật	Sợi	60
41	Phim XQ 25x30	Hộp	20
42	Phim CT 35x43	Hộp	40
43	Phim XQ 20x25	Hộp	30
44	Phim XQ 25x30	Hộp	50
45	Giấy in máy điện tim (210mm x 30m x 140mm)	Tập	30
46	Giấy in máy điện tim	Tập	60
47	Nạp khí bình oxy 40 lít	Lít	800

#### **4.2. Nguồn cung cấp điện, nước:**

##### **4.2.1. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện**

- Nguồn cung cấp điện: Bệnh viện sử dụng điện lưới quốc gia cấp cho khu vực.
- Nhu cầu sử dụng điện: Theo hoá đơn sử dụng điện thực tế năm 2025, lượng điện tiêu thụ trung bình tháng của Bệnh viện khoảng 65.000 kWh.

##### **4.2.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước**

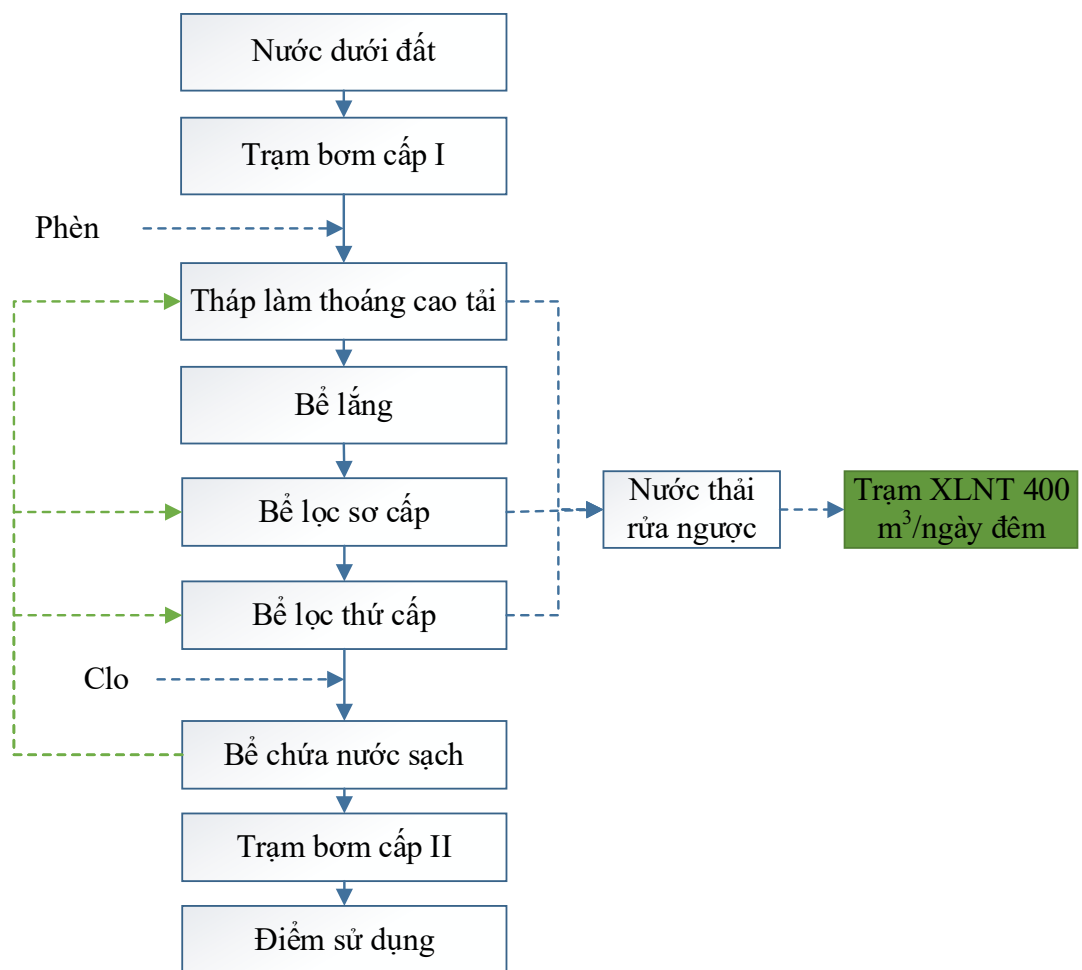
- Nguồn cung cấp nước: Trước kia, do khu vực chưa có nguồn nước sạch nên từ năm 2015 đến nay, Bệnh viện sử dụng nguồn nước được cấp từ Trạm cấp nước của Bệnh viện. Trạm cấp nước này có trang bị hệ thống xử lý nước giếng khoan công suất 320 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- + Tầng chứa nước khai thác: Pleistocen.
- + Tổng số giếng khai thác: 01 giếng.
- + Tổng lượng nước khai thác: 320 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- + Chiều sâu đoạn thu nước: 45 - 60m.

*(Ghi chú: Thời gian tới, sau khi hoàn thiện đấu nối với nguồn nước sạch của khu vực, Bệnh viện sẽ dừng sử dụng nước giếng khoan, chỉ sử dụng nước sạch của khu vực)*



**Hình 1-5. Trạm cấp nước sạch 320 m<sup>3</sup>/ngày sử dụng nước giếng khoan của Bệnh viện**



**Hình 1-6. Sơ đồ quy trình xử lý nước của Trạm cấp nước của Bệnh viện**

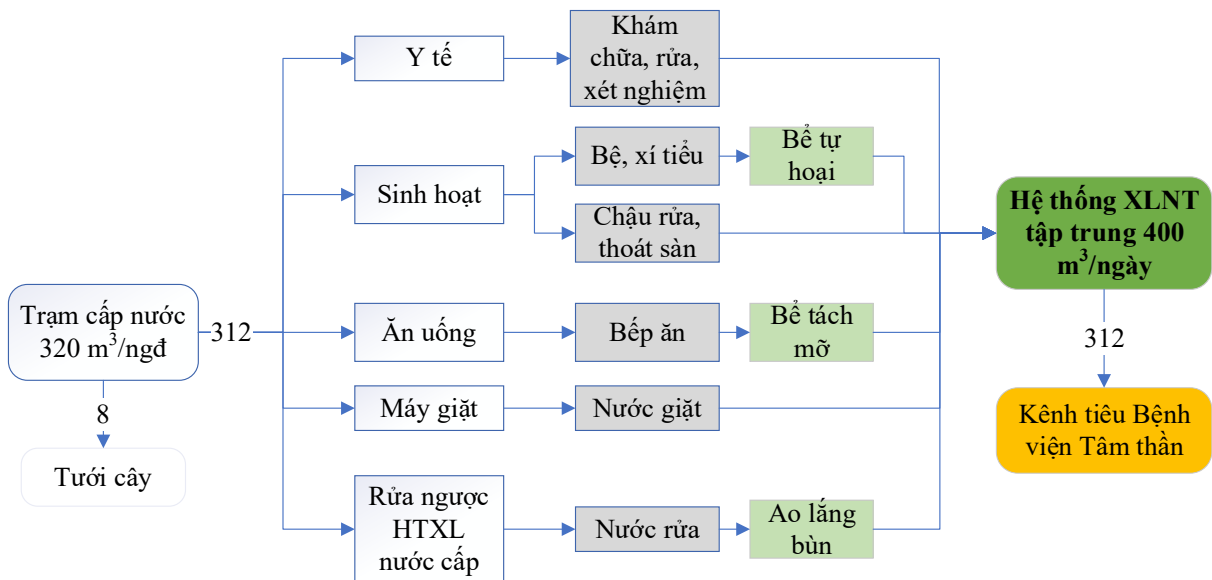
Trong quá trình xử lý nước giếng, công đoạn rửa ngược các bể lọc có phát sinh nước thải được đưa về trạm XLNT công suất 400 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

- Nhu cầu sử dụng: Theo báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất hàng năm của Bệnh viện, trong suốt quá trình khai thác từ năm 2015 đến nay, trạm cấp nước đã khai thác với lưu lượng dao động từ 215 - 320 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Với trường hợp sử dụng nước tối đa là 320 m<sup>3</sup>/ngày đêm, lượng nước cấp cho các mục đích sử dụng như sau:

**Bảng 1-6. Bảng cân bằng nước tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của cơ sở**

TT	Mục đích sử dụng	Quy mô/đối tượng sử dụng	Định mức	Đầu vào sử dụng (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Đầu ra (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	
					Nước thải	Thất thoát (bay hơi, thấm đất)
1	Nước cấp y tế	Xét nghiệm, rửa dụng cụ	Theo thực tế	1	1	0
2	Nước cấp cho hoạt động sinh hoạt	600 giường nội trú	300 lít/giường/ngày	180	180	0
		20 giường ngoại trú	100 lít/giường/ngày	2	2	0
		628 CBCNV	75 lít/người/ngày	47	47	0
		100 lượt khám/ngày	15 lít/người/ngày	1,5	1,5	0
3	Nước cấp nhà ăn	1600 suất ăn/ngày	25 lít/suất ăn	40	40	0
4	Nước cấp máy giặt	02 máy giặt công nghiệp 50kg, hoạt động 6 lần/ngày	0,75 m <sup>3</sup> /lần/máy giặt	9	9	0
5	Nước cấp rửa ngược hệ thống xử lý nước cấp	Rửa ngược các bể lọc	Lượng nước rửa ngược = 10% công suất khai thác	32	32	0
6	Tưới cây	-		8	0	8
<b>Tổng (làm tròn)</b>				<b>320</b>	<b>312</b>	<b>8</b>

(Ghi chú: do Bệnh viện không có đồng hồ đo lượng nước sử dụng cho từng mục đích nên sẽ áp dụng định mức theo thực tế hoạt động trong nhiều năm qua, kết hợp định mức theo các TCVN về cấp nước).



**Hình 1-7. Sơ đồ cân bằng nước của Bệnh viện**

Thuyết minh nhu cầu sử dụng nước:

**- Nước cấp hoạt động y tế:**

Bệnh viện chủ yếu khám chữa bệnh bằng thuốc, không có hoạt động phẫu thuật, tiểu phẫu nên nước phục vụ mục đích y tế chủ yếu chỉ là nước cho hoạt động xét nghiệm, rửa dụng cụ y tế, theo ước tính thực tế của Bệnh viện tối đa chỉ khoảng 1 m<sup>3</sup>/ngày.

**- Nước cấp sinh hoạt:**

+ Nước cấp cho bệnh nhân nội trú: Với số lượng giường bệnh là 600 giường và tiêu chuẩn cấp nước 300 lít/giường/ngày (Theo TCVN 4513:1988). Lượng nước sử dụng là 600 giường x 300 lít/giường/ngày = 180 m<sup>3</sup>/ngày.

+ Nước cấp cho bệnh nhân điều trị ban ngày: Với số lượng giường điều trị ban ngày là 20 giường và tiêu chuẩn cấp nước 100 lít/giường/ngày (lấy bằng 1/3 giường nội trú). Lượng nước sử dụng là 20 giường x 100 lít/giường/ngày = 2 m<sup>3</sup>/ngày.

+ Nước cấp cho cán bộ công nhân viên bệnh viện: số lượng CBCNV Bệnh viện là 628 người, định mức sử dụng là 75 lít/người/ngày (Theo TCVN 13606:2023). Lượng nước sử dụng là 628 người x 75 lít/người/ngày = 47 m<sup>3</sup>/ngày.

+ Nước cấp cho người đến khám bệnh: tối đa 100 lượt khám/ngày x định mức sử dụng là 15 lít/người/ngày (Theo TCVN 4513:1988) = 1,5 m<sup>3</sup>/ngày.

**- Nước cấp cho nhà ăn:**

Số lượng suất ăn tối đa bệnh viện cung cấp là 1600 suất ăn/ngày x định mức 25 lít/suất ăn (Theo TCVN 4513:1988) = 40 m<sup>3</sup>/ngày.

**- Nước cấp cho máy giặt:**

Bệnh viện sử dụng 02 máy giặt công nghiệp công suất 50 kg. Khối lượng đồ vải cần giặt 01 ngày theo thống kê thực tế tối đa khoảng 600 kg/ngày, như vậy mỗi ngày 02

máy giặt hoạt động khoảng 6 lần, mỗi lần thải 0,75 m<sup>3</sup>/lần/máy (theo định mức kỹ thuật của máy giặt). Lượng nước sử dụng là 6 lần x 0,75 m<sup>3</sup>/lần/máy x 02 máy = 9 m<sup>3</sup>/ngày.

**- Nước cấp để rửa ngược hệ thống xử lý nước cấp:**

Công suất khai thác nước dưới đất là 320 m<sup>3</sup>/ngày, 10% được sử dụng để rửa ngược hệ thống, tương đương 320 x 10% = 32 m<sup>3</sup>/ngày.

**- Nước cấp tưới cây:** Căn cứ theo thực tế sử dụng khoảng 8 m<sup>3</sup>/ngày. Nước sau sử dụng được ngấm đất, không hình thành nước thải.

Như vậy, tổng lượng nước sử dụng của Bệnh viện tối đa là 320 m<sup>3</sup>/ngày. Sau sử dụng sẽ phát sinh nước thải với lượng thải tối đa khoảng 312 m<sup>3</sup>/ngày, được thu gom đưa về hệ thống XLNT tập trung công suất 400 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**5. Thông tin khác liên quan đến cơ sở**

**5.1. Danh mục máy móc, thiết bị**

Danh mục máy móc thiết bị chính phục vụ hoạt động của Bệnh viện:

**Bảng 1-7. Danh mục máy móc, trang thiết bị sử dụng tại Bệnh**

TT	Tên thiết bị	Xuất xứ	Số lượng	Tình trạng hoạt động	Khoa, phòng sử dụng
1	Máy phân tích sinh hóa lâm sàng	Đức	1	Hoạt động bình thường	K XN
2	Máy phân tích huyết học tự động	Nhật Bản	2	Hoạt động bình thường	K XN
3	Máy xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tự động	Mỹ	1	Hoạt động bình thường	K XN
4	Máy phân tích nước tiểu	Anh	1	Hoạt động bình thường	K XN
5	Máy lắc trộn mẫu máu	Israel	1	Hoạt động bình thường	K XN
6	Máy ly tâm lạnh	Mỹ-Đức	1	Hoạt động bình thường	K XN
7	Máy ly tâm	Nhật Bản	2	Hoạt động bình thường	K XN
8	Máy lắc	Mỹ	1	Hoạt động bình thường	K XN
9	Kính hiển vi 2 mắt	Nhật Bản	1	Hoạt động bình thường	K XN
10	Kính hiển vi nền đen	Phiippin	1	Hoạt động bình thường	K XN
11	Kính hiển vi thường	Phiippin	1	Hoạt động bình thường	K XN
12	Hệ thống chụp cắt lớp vi tính	Nhật Bản	1	Hoạt động bình thường	CĐHA-TDCN
13	Máy chụp X-quang	Mỹ	1	Hoạt động bình thường	CĐHA-TDCN
14	Hệ thống X-quang kỹ thuật số DR	Nhật Bản	1	Hoạt động bình thường	CĐHA-TDCN

15	Máy in phim khô	Trung Quốc	1	Hoạt động bình thường	CĐHA-TDCN
16	Máy điện não	Nhật Bản	2	Hoạt động bình thường	CĐHA-TDCN
17	Máy siêu âm màu 4D	Hàn Quốc	1	Hoạt động bình thường	CĐHA-TDCN
18	Máy siêu âm doppler xuyên sọ	Pháp	1	Hoạt động bình thường	CĐHA-TDCN
19	Máy đo lưu huyết não	Đức	2	Hoạt động bình thường	CĐHA-TDCN
20	Máy điện tim	Nhật Bản	2	Hoạt động bình thường	CĐHA-TDCN
21	Đèn đọc phim	Trung Quốc	1	Hoạt động bình thường	CĐHA-TDCN
22	Cáng cứu thương	Trung Quốc	1	Hoạt động bình thường	CĐHA-TDCN
23	Máy sốc điện tâm thần	Mỹ	1	Hoạt động bình thường	K8
24	Máy sốc gây mê	Mỹ	1	Hoạt động bình thường	K ĐTB
25	Máy sốc điện	Nhật Bản	6	Hoạt động bình thường	K ĐTB, K2, K3, K4, K5, K6
26	Máy kích thích từ xuyên sọ	Nga	2	Hoạt động bình thường	K TLLS
27	Máy kích thích từ xuyên sọ	Anh	2	Hoạt động bình thường	K TLLS, K TTNCT
28	Máy hút dịch	Mỹ	5	Hoạt động bình thường	K8, K7, K4, K2, K5
29	Máy hút dịch điện	Italia	2	Hoạt động bình thường	K PHCN, K6
30	Máy hút dịch điện	Đài Loan	1	Hoạt động bình thường	K CN
31	Máy theo dõi bệnh nhân	Nhật Bản	4	Hoạt động bình thường	K ĐTB, K5, K6
32	Máy tạo oxy di động	Mỹ	8	Hoạt động bình thường	K ĐTB, K2, K CN, K KB, K6, K PHCN, K5, K3
33	Máy sốc tim	Nhật Bản	5	Hoạt động bình thường	K5, K2, K3, K CN, K7
34	Máy tạo oxy di động	Mỹ	3	Hoạt động bình thường	K7, K8, K TTNCT
35	Ghế massage trị liệu	Trung Quốc	3	Hoạt động bình thường	K PHCN
36	Máy tập chạy bộ đa năng	Trung Quốc	4	Hoạt động bình thường	K PHCN

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường “Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1”

37	Ghế tập tạ đa năng	Trung Quốc	2	Hoạt động bình thường	K PHCN
38	Máy điều trị laser	Đức	1	Hoạt động bình thường	K TLLS
39	Máy điều trị siêu âm	Nhật Bản	1	Hoạt động bình thường	K TLLS
40	Máy kích thích điện kết hợp siêu âm	Nhật Bản	1	Hoạt động bình thường	K TLLS
41	Hệ thống máy kéo giãn cột sống	Italia	1	Hoạt động bình thường	K TLLS
42	Bàn điều trị kéo giãn cột sống và cổ	Bỉ	1	Hoạt động bình thường	K TLLS
43	Máy điều trị sóng ngắn	Séc	1	Hoạt động bình thường	K TLLS
44	Máy điều trị vi sóng	Séc	1	Hoạt động bình thường	K TLLS
45	Máy điện phân thuốc	Italia	1	Hoạt động bình thường	K TLLS
46	Giường nằm massage	Trung Quốc	2	Hoạt động bình thường	K TLLS
47	Ghế và máy khám chữa răng	Brazil	1	Hoạt động bình thường	K KB
48	Máy đo thị lực	Nhật Bản	1	Hoạt động bình thường	K KB
49	Hệ thống nội soi ống cứng tai mũi họng	Hàn Quốc	1	Hoạt động bình thường	K KB
50	Tủ sấy tiệt trùng	Đức	4	Hoạt động bình thường	K XN, K KSNK, K Dinh dưỡng
51	Tủ sấy điện	Anh	2	Hoạt động bình thường	K KB
52	Tủ sấy điện	Việt Nam	2	Hoạt động bình thường	K KSNK, K3
53	Tủ sấy đôi lưu tự nhiên	Đức	1	Hoạt động bình thường	K XN
54	Tủ âm	Nhật Bản	1	Hoạt động bình thường	K XN
55	Tủ bảo quản sinh phẩm	Nhật Bản	1	Hoạt động bình thường	K XN
56	Tủ bảo quản hóa chất	Nhật Bản	2	Hoạt động bình thường	K XN, K Dược
57	Tủ bảo quản hóa chất	Thái Lan	1	Hoạt động bình thường	P. VT-TBYT
58	Giường cấp cứu 2 tay quay	Hàn Quốc	20	Hoạt động bình thường	K ĐTB, K5, K2, K3, K4, K6, K CN, K YHCT, K PHCN, K8, K KB

59	Máy giặt vắt đồ vải tự động	Thái Lan	2	Hoạt động bình thường	K KSNK
60	Máy sấy đồ vải	Tây Ban Nha	2	Hoạt động bình thường	K KSNK
61	Tủ mát bảo quản	Việt Nam	2	Hoạt động bình thường	K Dược, K Dinh dưỡng

*Ghi chú: K XN = Khoa Xét nghiệm, CDHA-TDCN = Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng, K ĐTBĐ = Khoa Điều trị bán cấp, K PHCN = Khoa Phục hồi chức năng, K TLLS = Khoa Tâm lý lâm sàng, K KSNK = Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, K KB = Khoa Khám bệnh.*

## 5.2. Cơ cấu tổ chức của bệnh viện

Bệnh viện hiện có 628 người, được chia thành cơ cấu tổ chức như sau:

**Bảng 1-8. Cơ cấu tổ chức bệnh viện**

TT	Cơ cấu tổ chức	Số người
1	Cán bộ lãnh đạo/quản lý	36
2	Cán bộ chuyên trách quản lý chất thải y tế	5
3	Nhân viên y tế	512
4	Nhân viên thu gom, lưu giữ chất thải y tế	25
5	Nhân viên vận hành hệ thống xử lý chất thải y tế	2
6	Khác	48
	<b>Tổng</b>	<b>628</b>

Chế độ làm việc: toàn bệnh viện có 60 người trực/đêm. Sau trực cán bộ công nhân viên được nghỉ bù vào hôm sau. Số lượng còn lại làm theo giờ hành chính.

## CHƯƠNG 2.

# SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

### 1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

*Sự phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội:*

Việc đầu tư xây dựng Bệnh viện tâm thần Trung ương 1 với trang thiết bị hiện đại, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ giúp tạo cơ sở chăm sóc và khám chữa bệnh cho người dân.

*Sự phù hợp về địa điểm:*

Bệnh viện tâm thần Trung ương 1 được triển khai tại thành phố Hà Nội nên thuận lợi cho việc di chuyển và làm việc của người dân đến khám chữa bệnh. Bệnh viện tâm thần Trung ương 1 đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Tây phê duyệt giải pháp bảo vệ môi trường theo Quyết định số 114/QĐ-TN&MT ngày 31/3/2008.

Do đó, hoạt động của Bệnh viện hoàn toàn phù hợp với quy hoạch về môi trường của tỉnh và quốc gia về môi trường đã được phê duyệt.

### 2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Nội dung đánh giá khả năng chịu tải của môi trường đã được đánh giá trong quá trình thực hiện Giấy phép xả thải số 330/GP-TCTL-PCTTr ngày 05/7/2021 của Tổng Cục thủy lợi và không có thay đổi, do đó báo cáo chỉ nêu tóm tắt một số thông tin như sau:

✓ *Với nước thải*

Toàn bộ lượng nước thải phát sinh được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý đạt QCVN (hiện là QCVN 28/2010/BTNMT (cột A, K = 1,0), thời gian tới là QCVN 40:2025/BTNMT) trước khi xả vào nguồn tiếp nhận là kênh tiêu Bệnh viện Tâm thần nằm trên tỉnh lộ 427B xã Thường Tín rồi tự chảy ra hệ thống thủy lợi sông Nhuệ (chi tiết kết quả quan trắc được trình bày tại Chương 5). Do đó, việc xả thải của nước thải tại Bệnh viện đảm bảo tuân thủ quy định chung và khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận.

✓ *Với chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại*

Bệnh viện đã xây dựng các kho chứa chất thải sinh hoạt, chất thải y tế thông thường và chất thải nguy hại. Đồng thời, Bệnh viện cũng đã ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để định kỳ đến vận chuyển và đem đi xử lý theo quy định. Như vậy, trong quá trình hoạt động việc phát sinh chất thải rắn sẽ không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh khu vực Viện.

Tóm lại, hoạt động của Viện phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường tại khu vực.

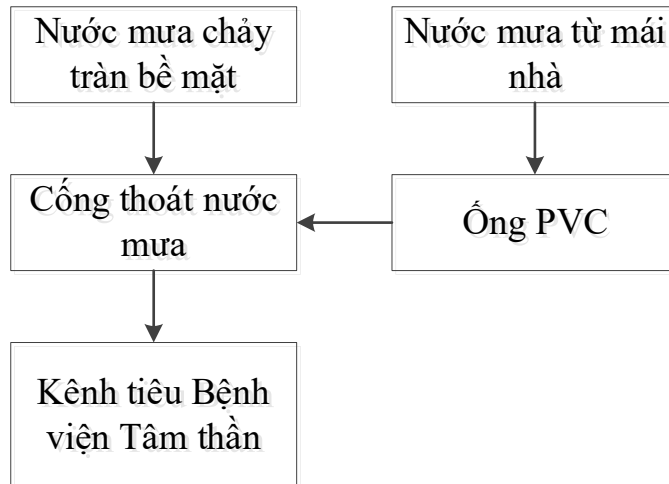
### CHƯƠNG 3.

## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở được xây dựng riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

#### 1.1. Thu gom, thoát nước mưa



**Hình 3-1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở**

Nước mưa trên mái được thu qua các phễu thu nước D110mm có chắn rác chảy vào hệ thống ống đứng thoát nước mưa từ mái xuống các hố ga xung quanh tòa nhà. Ống đứng thoát nước mưa uPVC đặt trong hộp kỹ thuật, có kích thước D110mm. Nước mưa sau đó được chảy theo tuyến cống thoát nước mặt đặt ngầm dưới sân đường.

Mạng lưới thoát nước mưa (hệ thống cống, ống dẫn) được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, độ dốc cống đảm bảo cho thoát nước dễ dàng, các cống góp thu gom, vận chuyển, đổ vào tuyến cống chính.

Mạng lưới thoát nước mưa của Bệnh viện được xây dựng bằng rãnh bê tông kích thước gồm các loại 800x1500m, 1000x1500mm và 1200x1500mm; dọc theo các tuyến cống thoát nước có bố trí các giếng thu nước trực tiếp để thoát nước mặt, tổng trên toàn tuyến có khoảng 41 hố ga khi thoát ra kênh tiêu Bệnh viện Tâm thần nằm trên tỉnh lộ 427B xã Thường Tín qua 01 điểm xả. Toạ độ theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiếu 3°: X = 2308628; Y = 587690.



**Hình 3-2. Vị trí xả nước mưa ra kênh tiêu Bệnh viện Tâm thần – nguồn tiếp nhận nước mưa và nước thải của Bệnh viện**

Khối lượng các hạng mục của mạng lưới thu gom, thoát nước mưa chảy tràn được thống kê trong bảng sau:

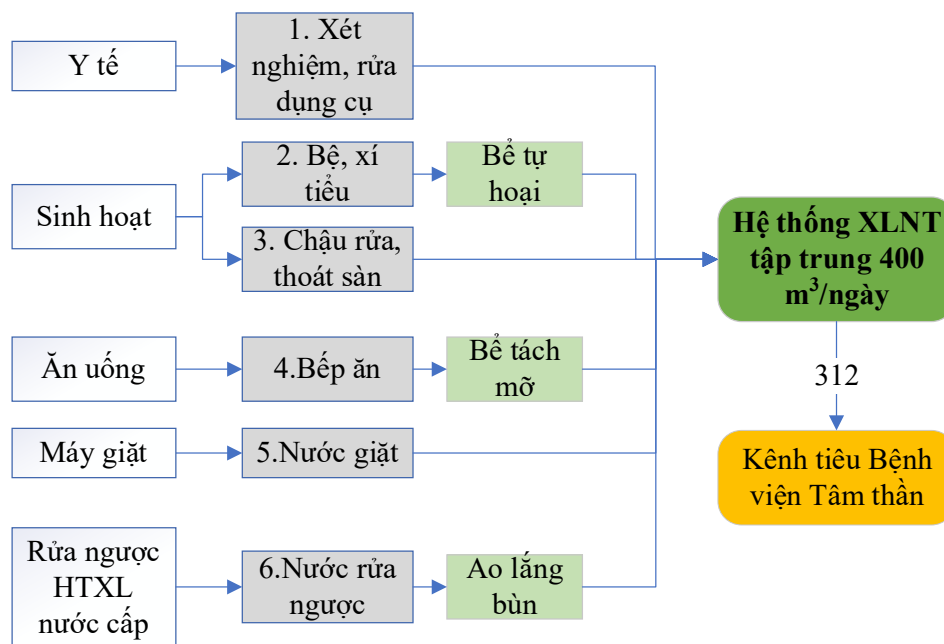
**Bảng 3-1. Thống kê các hạng mục của hệ thống thoát nước mưa chảy tràn**

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Cống bê tông (800x1500m, 1000x1500mm và 1200x1500mm)	m	900
2	Hố ga (hố ga thăm/thu, kích thước 1.200 – 1.600mm)	Cái	41
3	Cửa xả	Cái	01

## **1.2. Thu gom, thoát nước thải**

### **1.2.1. Thu gom nước thải**

Nước thải của Bệnh viện bao gồm nước thải sinh hoạt, nước thải y tế và các hoạt động phụ trợ (ăn uống, giặt, rửa ngược hệ thống xử lý nước cấp), tổng cộng có 06 nguồn phát sinh được thu gom và xử lý như sơ đồ dưới đây:



**Hình 3-3. Sơ đồ quy trình thu gom, thoát nước thải của Viện**

Thuyết minh sơ đồ:

**- Nguồn số 01: Nước thải y tế từ hoạt động xét nghiệm, rửa dụng cụ**

+ Đặc trưng ô nhiễm: từ hoạt động xét nghiệm, rửa các dụng cụ y tế sau khi thực hiện khám chữa bệnh, xét nghiệm.

+ Quy trình thu gom: Nước thải y tế → Ống PVC D110 → Hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**- Nguồn số 02 – Nước thải từ các bồn cầu, xí tiểu của các nhà vệ sinh**

+ Đặc trưng ô nhiễm: từ hoạt động đại tiện, tiểu tiện nên thành phần ô nhiễm nhiều chất hữu cơ, Amoni, TSS, Nito, Phốt pho, Coliform, E.coli,...

+ Quy trình thu gom: Nước thải từ bồn cầu, xí tiểu của các nhà vệ sinh tại các khu nhà của bệnh viện → ống uPVC D90 → 12 bể tự hoại → Hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà → Hệ thống xử lý nước thải công suất 400m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**- Nguồn số 03: Nước thải từ chậu rửa, phễu thu sàn**

+ Đặc trưng ô nhiễm: chủ yếu từ hoạt động rửa tay, rửa sàn có sử dụng xà phòng, chất tẩy rửa nên thành phần ô nhiễm chủ yếu TSS, chất hoạt động bề mặt.

+ Quy trình thu gom: Nước thải từ chậu rửa, phễu thu sàn khu vực nhà vệ sinh tại các khu nhà của bệnh viện → ống uPVC D110 → Hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà → Hệ thống xử lý nước thải công suất 400m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**- Nguồn số 04: Nước thải từ nhà ăn**

+ Đặc trưng ô nhiễm: từ hoạt động nấu ăn và rửa dụng cụ nấu ăn, bát đĩa tại khoa dinh dưỡng nên thành phần ô nhiễm chủ yếu là dầu mỡ động thực vật, chất hoạt động bề mặt, thực phẩm thừa chứa nhiều hữu cơ, chất dinh dưỡng N, P.

+ Quy trình thu gom: Nước thải nhà ăn → ống PVC D110 (dài khoảng 5m) → Bể tách mỡ → Hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**- Nguồn số 05: Nước thải máy giặt**

+ Đặc trưng ô nhiễm: từ hoạt động của 02 máy giặt công nghiệp loại nên thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất hoạt động bề mặt, TSS.

+ Quy trình thu gom: Nước thải máy giặt → ống PVC D75 (dài khoảng 12m) → Hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200m<sup>3</sup>/ngày đêm.



**Hình 3-4. Khu vực 02 máy giặt của bệnh viện**

**- Nguồn số 06: Nước thải từ hoạt động rửa ngược hệ thống xử lý nước cấp** (Thời gian tới, sau khi bệnh viện sử dụng nguồn nước sạch thì sẽ không còn nguồn thải này)

+ Đặc trưng ô nhiễm: bùn cặn được rửa từ các hệ thống lọc.

+ Quy trình thu gom: Nước thải từ hoạt động rửa ngược hệ thống xử lý nước cấp → rãnh bê tông B300 (dài khoảng 30m) → Ao lắng bùn → rãnh bê tông B300 (dài khoảng 20m) → Hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà là hệ thống ống PVC D200-300 dài tổng cộng khoảng 2000m đặt ngầm để dẫn nước thải về hệ thống XLNT tập trung công suất 400m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Toàn bộ nước thải của Bệnh viện phát sinh được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột A, K=1,0) đến hết ngày 31/12/2031 và QCVN 40:2025/BTNMT (cột B, Bảng 1 với  $F \leq 2.000$  m<sup>3</sup>/ngày và cột B, Bảng 2) từ ngày 01 tháng 01 năm 2032 trước khi thải ra kênh tiêu Bệnh viện Tâm thần.

### 1.2.2. Công trình thoát nước thải

Nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung 400 m<sup>3</sup>/ngày đêm theo đường ống PVC D250 dài khoảng 35m thải ra kênh tiêu Bệnh viện Tâm thần nằm trên tỉnh lộ 427B tại xã Thường Tín rồi tự chảy ra hệ thống thủy lợi sông Nhuệ.



**Hình 3-5. Sơ đồ đường thoát nước thải sau xử lý ra kênh tiêu Bệnh viện Tâm thần**  
**Thông tin điểm xả nước thải:**

- Nguồn tiếp nhận: kênh tiêu Bệnh viện Tâm thần xã Thường Tín.

- Vị trí (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00’, múi chiếu 3°): X = 2308937; Y = 587725.

- Phương thức xả thải: Bơm cưỡng bức sau đó tự chảy và thoát vào kênh tiêu Bệnh viện Tâm thần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 28:2010/BTNMT (cột A, K=1,0) đến hết ngày 31/12/2031, đến 01 tháng 01 năm 2032 áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT (cột B, Bảng 1 với  $F \leq 2.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$  và cột B, Bảng 2).

### 1.3. Xử lý nước thải

#### 1.3.1. Công trình xử lý nước thải sơ bộ

##### a. Bể tự hoại

- Nước thải từ nhà vệ sinh; chậu rửa; thoát sàn từ các khu nhà được xử lý sơ bộ tại 20 bể tự hoại 3 ngăn, có tổng dung tích 570 m<sup>3</sup>.

- Vị trí: được bố trí tại từng khu nhà như sau:

**Bảng 3-2. Thông tin các bể tự hoại tại Bệnh viện**

TT	Vị trí bể tự hoại	Số lượng bể	Dung tích bể
1	Nhà Khám nghiệp vụ	4	30 m <sup>3</sup> /bể
2	Nhà dinh dưỡng	1	30 m <sup>3</sup> /bể
3	Nhà làm việc Ban giám đốc	2	30 m <sup>3</sup> /bể
4	Nhà khoa phục hồi chức năng	1	30 m <sup>3</sup> /bể
5	Nhà khoa dinh dưỡng	1	30 m <sup>3</sup> /bể
6	Nhà liên khoa điều trị	4	60 m <sup>3</sup> /bể
7	Nhà khoa nhi	1	30 m <sup>3</sup> /bể
8	Nhà khoa cai nghiện	1	30 m <sup>3</sup> /bể
9	Nhà khoa điều trị tự nguyện	1	30 m <sup>3</sup> /bể
10	Nhà chỉ đạo tuyến	1	30 m <sup>3</sup> /bể
11	Nhà nội trú sinh viên	2	30 m <sup>3</sup> /bể
12	Nhà khám nghiệp vụ	1	30 m <sup>3</sup> /bể
	<b>Tổng cộng</b>	<b>20 bể</b>	<b>570 m<sup>3</sup></b>

- Quy trình xử lý: Nước thải từ bệ, xí tiểu → Bể tự hoại (Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc) → Hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

##### b. Bể tách mỡ

- Số lượng: 01 bể, thể tích 5 m<sup>3</sup> tại nhà khoa dinh dưỡng

- Quy trình: Nước thải nhà ăn → Bể tách mỡ → Hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

**c. Ao lắng bùn**

- Số lượng: 01 ao lắng bùn, thể tích khoảng 100 m<sup>3</sup> giáp khu Trạm xử lý nước sạch.

- Quy trình: Nước rửa ngược hệ thống xử lý nước cấp → Ao lắng bùn → Hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

**1.3.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung**

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện được đầu tư xây dựng do Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện do Ngân hàng thế giới tài trợ. Công trình đã hoàn thành và đi vào vận hành từ năm 2018:

- Vị trí: Phía Bắc khu đất của Bệnh viện.
- Công nghệ xử lý: Công nghệ AAO.
- Công suất: 400 m<sup>3</sup>/ ngày đêm
- Hóa chất sử dụng: NaOH, H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, NaClO.
- Chế độ vận hành: tự động, liên tục.



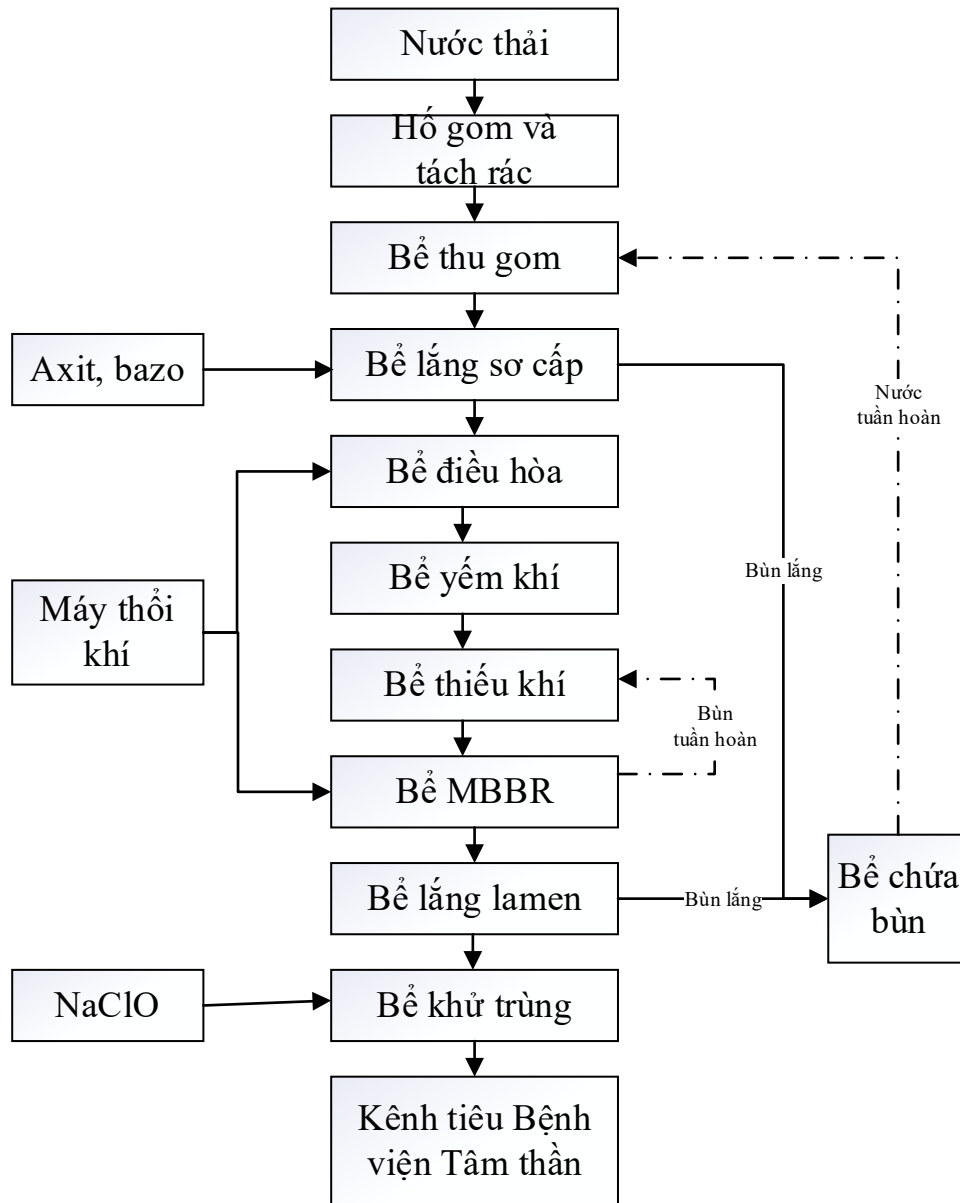
**Hình 3-6. Hệ thống XLNT tập trung công suất 400 m<sup>3</sup>/ngày đêm của cơ sở**

- Tóm tắt quy trình xử lý:

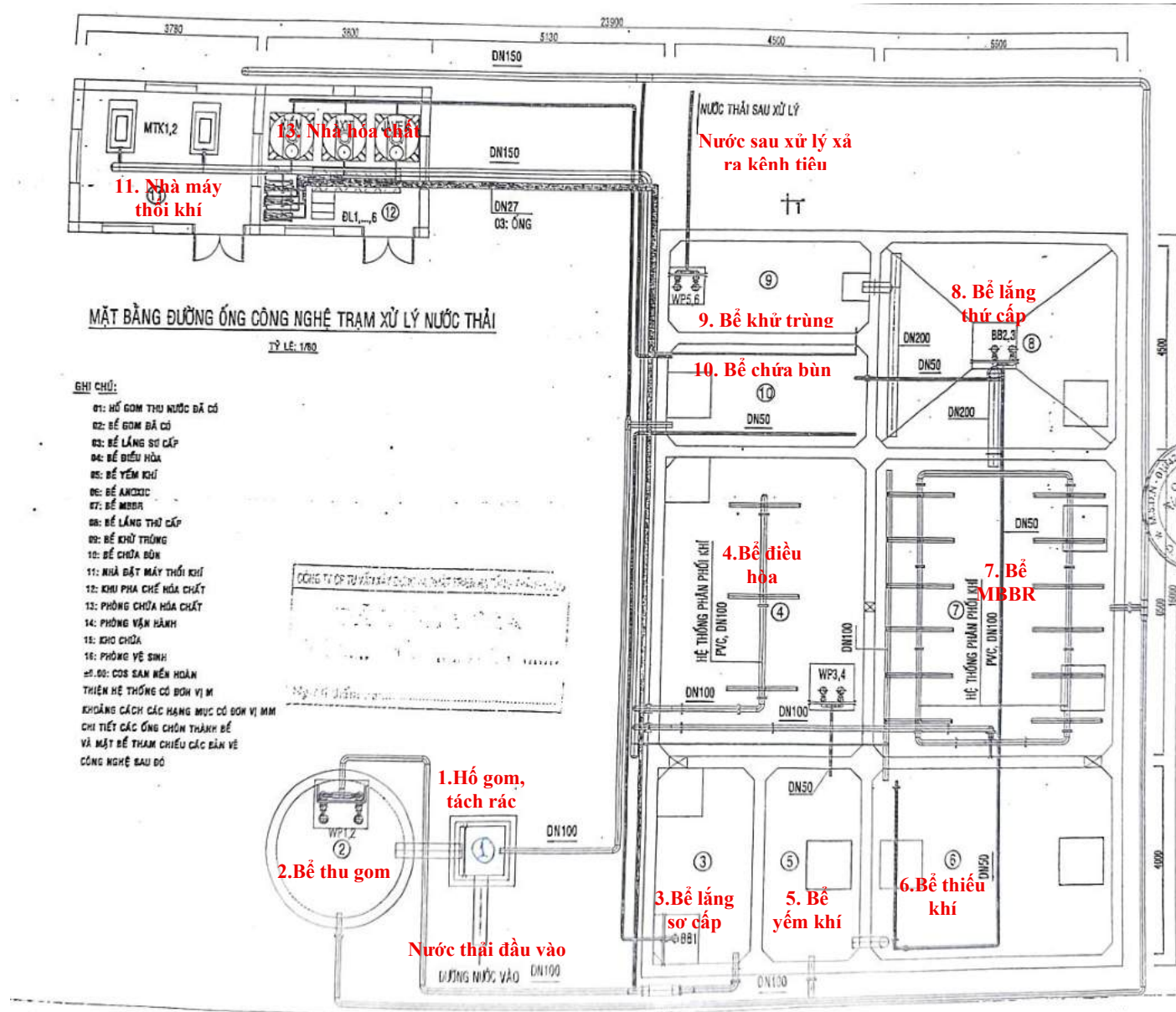
Nước thải (nước thải y tế; nước thải xí tiểu sau bể tự hoại; nước thải chậu rửa, thoát sàn; nước thải nhà bếp sau tách dầu mỡ; nước thải từ máy giặt; nước thải từ rửa ngược hệ thống xử lý nước cấp) → Hồ thu gom và tách rác → Bể thu gom nước thải → Bể

lắng sơ cấp → Bể điều hoà → Bể yếm khí → Bể anoxic (bể thiếu khí) → Bể MBBR → Bể lắng lamén → Bể khử trùng → Kênh tiêu Bệnh viện Tâm thần.

**Sơ đồ quy trình xử lý:**



**Hình 3-7. Sơ đồ quy trình xử lý của hệ thống XLNT tập trung 400 m<sup>3</sup>/ngày đêm**



Hình 3-8. Mặt bằng khu trạm xử lý nước thải

**Thuyết minh công nghệ:**

***- Hồ gom và tách rác:***

Nước thải đầu vào sau khi thu gom bằng hệ thống thoát nước kín được dẫn qua công trình tách rác. Tại đây, các loại rác thô, tạp chất kích thước lớn được giữ lại nhằm tránh gây tắc nghẽn, hư hỏng thiết bị phía sau. Rác thải được thu gom định kỳ và xử lý theo quy định đối với chất thải y tế.

***- Bể thu gom:***

Sau tách rác, nước thải chảy vào bể thu gom, có chức năng tập trung và điều tiết lưu lượng nước thải, đảm bảo dòng chảy ổn định cho các công trình xử lý phía sau. Một phần nước có thể được tuần hoàn trong hệ thống để đảm bảo vận hành ổn định.

***- Bể lắng sơ cấp:***

Tiếp theo, nước thải được dẫn sang bể lắng sơ cấp, tại đây các chất rắn lơ lửng có khả năng lắng được tách ra khỏi nước thải. Bùn lắng được thu gom và đưa về bể chứa bùn để xử lý, giúp giảm tải chất rắn và chất hữu cơ cho các công đoạn sinh học tiếp theo. Đồng thời, tại đây axit bazo được dùng để điều chỉnh pH nước thải. Dung dịch NaOH và H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> được châm vào bể nhằm nâng pH về khoảng thích hợp cho quá trình xử lý sinh học.

***Bể điều hòa:***

Nước sau lắng sơ cấp chảy vào bể điều hòa, bể có nhiệm vụ ổn định lưu lượng và nồng độ ô nhiễm. Bể được khuấy trộn và cấp khí bằng máy thổi khí để tránh lắng cặn và phát sinh mùi.

***Bể yếm khí:***

Từ bể điều hòa, nước thải được đưa sang bể yếm khí, nơi diễn ra quá trình phân hủy các hợp chất hữu cơ dễ phân hủy trong điều kiện không có oxy hòa tan. Quá trình này giúp giảm một phần BOD, COD và tạo điều kiện thuận lợi cho các công đoạn sinh học hiếu khí phía sau.

***Bể thiếu khí:***

Nước thải tiếp tục được xử lý tại bể thiếu khí, tại đây xảy ra quá trình khử nitrat (denitrification), chuyển hóa nitơ dạng NO<sub>3</sub><sup>-</sup> thành khí N<sub>2</sub> thoát ra ngoài. Bùn hoạt tính được tuần hoàn từ các công trình phía sau về bể thiếu khí nhằm duy trì nồng độ vi sinh và nâng cao hiệu quả xử lý nitơ.

***Bể MBBR:***

Sau đó, nước thải được dẫn sang bể MBBR (Moving Bed Biofilm Reactor). Trong bể, các giá thể sinh học chuyển động liên tục tạo môi trường bám dính cho vi sinh vật

phát triển, giúp tăng hiệu quả xử lý chất hữu cơ, amoni và các hợp chất nitơ. Không khí được cấp liên tục để duy trì điều kiện hiếu khí cho quá trình oxy hóa sinh học.

*Bể lắng lamen:*

Hỗn hợp nước và bùn sinh học sau xử lý sinh học được đưa sang bể lắng lamen. Tại đây, nhờ hệ thống tấm lắng nghiêng, bùn sinh học được tách ra khỏi nước một cách hiệu quả. Phần bùn lắng được thu gom về bể chứa bùn, một phần bùn có thể được tuần hoàn trở lại hệ thống, phần dư được xử lý theo quy định.

*Bể khử trùng:*

Nước sau lắng được dẫn qua bể khử trùng, tại đây dung dịch NaClO được châm vào nhằm tiêu diệt vi khuẩn, vi rút và các vi sinh vật gây bệnh còn sót lại trong nước thải, đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường.

Cuối cùng, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành được bơm xả ra kênh tiêu Bệnh viện Tâm thần.

*Bể chứa bùn:*

Bùn thải phát sinh trong quá trình xử lý được lưu tại bể chứa bùn, định kỳ thuê đơn vị chức năng đến vận chuyển đi xử lý như chất thải nguy hại. Phần nước sau tách bùn sẽ được đưa ngược về bể thu gom để xử lý lại.

Chi tiết các thông số của các hạng mục, trang thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tại Bệnh viện tâm thần Trung ương 1 như các bảng dưới đây:

**Bảng 3-3. Thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống xử lý nước thải tập trung**

TT	Tên bể	Kích thước (mét) (Cao x Rộng x dài = Thể tích)	Máy móc, thiết bị, hóa chất
1	Hố lắng và tách rác	1,7x1x1 = 1,7 m <sup>3</sup>	▪ Song chắn rác
2	Bể thu gom	DxH = 2,86 x 3,25 = 20,9 m <sup>3</sup>	▪ 02 bơm nước thải 1,5kw
3	Bể lắng sơ cấp	4 x 2,125 x 4 = 34,0 m <sup>3</sup>	▪ Thiết bị đo pH ▪ Hóa chất axit, bazo
4	Bể điều hòa	4 x 4,5 x 6,5 = 117,0 m <sup>3</sup>	▪ 02 máy bơm nước thải 0,75kw ▪ Hệ thống phân phối khí PVC DN100
5	Bể yếm khí	4 x 2,125 x 4 = 34,0 m <sup>3</sup>	
6	Bể thiếu khí	4 x 2,125 x 5,5 = 46,75 m <sup>3</sup>	
7	Bể MBBR	4 x 5,5 x 6,5 = 143,0 m <sup>3</sup>	▪ Hệ thống phân phối khí PVC DN100

			▪ Thiết bị đo DO
8	Bể lắng lamen	$4 \times 5,5 \times 4,5 = 99,0 \text{ m}^3$	▪ 02 máy bơm bùn già và bơm hồi lưu bùn về bể thiếu khí
9	Bể khử trùng	$4 \times 4,5 \times 6,5 = 117,0 \text{ m}^3$	▪ 02 máy bơm nước thải 0,75kw xả ra môi trường (chạy+dự phòng) ▪ Hóa chất khử trùng
10	Bể chứa bùn	$4 \times 4,5 \times 2,25 = 40,5 \text{ m}^3$	▪ 02 máy bơm bùn 7,5kw
11	Khu bồn hóa chất	3,5x3,8x3	▪ 03 bồn axit, bazo, Javen 1m <sup>3</sup> /bồn
12	Khu máy thổi khí	3,5x3,78x3	▪ 02 máy bơm thổi khí cho bể điều hòa và MBBR công suất 7,5Kw

*Ghi chú: Vật liệu xây dựng các bể XLNT là bê tông.*

## 2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Hoạt động tại Viện là khám chữa bệnh nên chỉ phát sinh mùi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung (đặt ngầm nên phát sinh mùi không đáng kể) và các nguồn không thường xuyên từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, hoạt động bếp nấu ăn.

### 2.1. Nguồn khí thải phát sinh không thường xuyên từ máy phát điện dự phòng sử dụng dầu DO

Bệnh viện có sử dụng 01 máy phát điện dự phòng khi mất điện, đặt tại nhà xử lý nước thải, cách xa khu vực khám chữa bệnh. Thông số kỹ thuật của máy phát điện như bảng dưới đây.

**Bảng 3-4. Thông tin nguồn thải máy phát điện**

TT	Nguồn thải	Nhiên liệu	Thông số kỹ thuật	
			Công suất máy phát	Lưu lượng khí thải (m <sup>3</sup> /h)
1	Máy phát điện khu nhà xử lý nước thải	Dầu DO	550 KVA	5.000

Trong quá trình hoạt động của máy phát, dầu DO được đốt sẽ sinh ra các chất ô nhiễm gồm bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>. Bụi, khí thải từ máy phát điện được xử lý trực tiếp trong máy trước khi thoát ra ống khói xả ra ngoài môi trường.

## 2.2. Hệ thống thông gió, điều hòa

Bên cạnh các công trình thu gom, xử lý khí thải trên, Bệnh viện cũng thiết kế hệ thống hút thoáng khí cho các hạng mục như khu vực bếp, khu khám chữa bệnh, các nhà vệ sinh công cộng,... Khí thải tại các khu vực này có nồng độ ô nhiễm thấp nên không cần xử lý, chỉ được hút thải ra ngoài để tránh tích tụ các chất ô nhiễm cho khu vực.

## 3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

### 3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các CBCNV và bệnh nhân khám chữa bệnh tại các phòng bệnh, bếp nấu, nhà ăn, khu vực công cộng.

- Thành phần: thực phẩm, thức ăn thừa, chai lọ, vỏ lon, ni lông, rác khu vực công cộng (cành cây, lá khô),...

- Lượng phát sinh: theo khối lượng thực tế năm 2025 được tổng hợp tại báo cáo quản lý chất thải y tế, khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh là 17.250 kg/năm.

**Bảng 3-5. Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh**

TT	Thành phần	Khối lượng năm 2025 (kg/năm)	Ước tính tối đa (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	17.250	21.560

*Ghi chú: công suất hoạt động năm 2025 là 80%, nên lượng chất thải ước tính khi hoạt động tối đa sẽ tăng 1,25 lần.*

- Biện pháp thu gom, lưu trữ: Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các thùng rác từ 5 – 120 lít đặt tại các điểm phát sinh tại hành lang, trong văn phòng khám, phòng bệnh và đường đi:

- + Tại nhà ăn: bố trí 02 thùng rác tái chế và không tái chế, dung tích 120 lít/thùng.
- + Tại khu vực công cộng: bố trí 02 loại thùng rác tái chế và không tái chế, dung tích 120 lít/thùng.
- + Buồng bệnh: bố trí các sọt rác khoảng 5 lít tại giường bệnh nội trú, cuối hành lang tại mỗi tầng bố trí 01 thùng rác 120 lít/thùng.

Ngày 02 lần (sáng, chiều), nhân viên vệ sinh của Bệnh viện đến thu gom, thay túi rác và đem vận chuyển về lưu giữ tại khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt bằng xe rác dung tích 500 lít.

- Kho chứa:

Bệnh viện đã xây dựng kho chứa CTR sinh hoạt rộng khoảng 50 m<sup>2</sup> có mái che, nền gạch chống thấm, tường bao xung quanh.

- Thu gom, vận chuyển, xử lý:

CTR sinh hoạt được chủ cơ sở thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

**Bảng 3-6. Bảng tổng hợp biện pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt**

TT	Loại chất thải	Khối lượng	Phương tiện lưu trữ	Tần suất thu gom, vận chuyển đi xử lý
1	Chất thải rắn sinh hoạt thông thường	21.560 kg/năm	- Thùng rác 5 – 120 lít tại nhà ăn, buồng bệnh nội trú, hành lang, khu vực công cộng. - Xe rác 500 lít: 01 xe tại kho chứa rác. - Kho CTR sinh hoạt: 50 m <sup>2</sup>	- Tần suất thu gom 01 lần/ngày.

### 3.2. Chất thải rắn thông thường

- Nguồn phát sinh và thành phần:

+ Chất thải rắn y tế thông thường bao gồm các loại có thể tái chế như chai nhựa, thùng giấy, vật liệu giấy, các bao bì khác không chứa các yếu tố lây nhiễm hoặc nguy hại.

+ Bùn thải từ các bể tự hoại.

- Khối lượng:

+ Chất thải rắn y tế thông thường: chủ yếu là các loại chất thải có thể tái chế như nhựa chai truyền dịch, vỏ hộp thuốc, bìa và các loại vật liệu giấy. Theo thống kê thực tế năm 2025, khối lượng phát sinh là 780kg/năm.

+ Bùn thải tại các bể tự hoại định kỳ 01 năm hút 1 lần, mỗi lần khoảng 1 tấn/năm.

**Bảng 3-7. Thành phần và khối lượng CTR thông thường**

TT	Thành phần	Khối lượng năm 2025 (kg/năm)	Ước tính tối đa (kg/năm)
1	Chất thải rắn y tế thông thường	780	975
2	Bùn thải từ bể tự hoại	-	20.000

*Ghi chú: công suất hoạt động năm 2025 là 80%, nên lượng chất thải ước tính khi hoạt động tối đa sẽ tăng 1,25 lần.*

- Biện pháp thu gom, lưu trữ:

+ Tại các khu vực phòng khám chữa bệnh: bố trí các thùng rác 10 lít. Rác tái chế chứa trong thùng màu trắng, rác không tái chế chứa trong thùng màu xanh.

+ Tại cuối hành lang các khu vực khám chữa bệnh: bố trí các thùng rác 120 lít.

Hàng ngày nhân viên vệ sinh thu gom tại từng thùng chứa rác tại khu vực phát sinh đựng vào trong các túi, bao bì 200 – 500 lít. Vận chuyển bằng tay/xe đẩy đưa xuống kho chứa chất thải y tế thông thường.

**- Kho chứa CTR y tế thông thường:**

Bệnh viện đã xây dựng kho chứa chất thải y tế thông thường có diện tích 10 m<sup>2</sup> (là 01 gian riêng trong cùng khu nhà với kho CTNH) có nền bê tông lát gạch chống thấm, tường gạch bao quanh, trần bê tông.



**Hình 3-9. Kho chứa rác thải y tế thông thường**

**- Thu gom, xử lý:**

CTR y tế thông thường định kỳ bàn giao cho đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định với tần suất 01 năm/lần.

**Bảng 3-8. Bảng tổng hợp biện pháp quản lý chất thải y tế thông thường**

TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh	Phương tiện lưu trữ	Tần suất thu gom, vận chuyển đi xử lý
1	Chất thải y tế thông thường	975 kg/năm	- Túi, bao bì 200 – 500 lít: số lượng nhiều. - Thùng đựng rác 120 lít: tại cuối hành lang các khu vực khám chữa bệnh. - Kho CTR y tế thông thường: 10 m <sup>2</sup> với 02 thùng nhựa 120 lít và các túi	01 năm/lần

TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh	Phương tiện lưu trữ	Tần suất thu gom, vận chuyển đi xử lý
			bao bì chứa rác.	
2	Bùn từ bể tự hoại	20.000 kg/năm	Lưu trữ tại chỗ tại các bể tự hoại	01 năm/lần

#### 4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh: CTNH của viện chủ yếu là các loại chất thải y tế sắc nhọn hoặc nhiễm thành phần nguy hại, dược phẩm, chế phẩm gây độc, ngoài ra là một phần các chất thải nguy hại khác như bóng đèn huỳnh quang, hộp mực in thải, thiết bị y tế vỡ hỏng, bùn thải của hệ thống xử lý nước...

- Lượng phát sinh: tổng lượng phát sinh trung bình cả năm 2025 hiện khoảng 1.705,2 kg/năm. Thống kê chi tiết thành phần các loại như Bảng dưới đây:

**Bảng 3-9. Thành phần và khối lượng từng loại CTNH phát sinh**

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Phân loại	Khối lượng năm 2025 (kg/năm)	Ước tính tối đa (kg/năm)
<b>I</b>	<b>CTNH phát sinh thường xuyên</b>			<b>1.415,2</b>	<b>1.769</b>
1	Chất thải y tế lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn và không sắc nhọn, chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao, chất thải giải phẫu)	13 01 01	NH	1.227,2	1534
2	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân	13 03 02	NH	80	100
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	NH	108	135
<b>II</b>	<b>Chất thải phải kiểm soát</b>			<b>290</b>	<b>361</b>
4	Vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại	18 01 04	KS	30	37
5	Hộp mực in thải	08 02 04	KS	10	12
6	Bùn thải có chứa thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	12 06 05	KS	250	312
<b>Tổng cộng (I+II)</b>				<b>1.705,2</b>	<b>2.130</b>

*Ghi chú: công suất hoạt động năm 2025 là 80%, nên lượng chất thải ước tính khi hoạt động tối đa sẽ tăng 1,25 lần.*

#### **- Phân loại:**

Bệnh viện thực hiện phân loại, quản lý tuân thủ theo Thông tư 20/2021/TT-BYT quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế:

• **Chất thải nguy hại lây nhiễm:**

a. *Chất thải lây nhiễm sắc nhọn:* Bao gồm kim tiêm, bơm liềm kim tiêm, đầu sắc nhọn của dây truyền, kim chọc dò, kim châm cứu, lưỡi dao mổ; đinh, cưa dùng trong phẫu thuật, các ống tiêm, mảnh thủy tinh vỡ, các vật sắc nhọn khác đã qua sử dụng thải bỏ có dính, chứa máu của cơ thể hoặc chứa vi sinh vật gây bệnh.

b. *Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn:* Bao gồm bông, băng, gạc, găng tay, các chất thải không sắc nhọn khác thấm, dính, chứa máu của cơ thể, chứa vi sinh vật gây bệnh; vỏ lọ vắc xin thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực thải bỏ; chất thải lây nhiễm dạng lỏng (bao gồm dịch dẫn lưu sau phẫu thuật, thủ thuật, dịch thải bỏ chứa máu của cơ thể người hoặc chứa vi sinh vật gây bệnh).

c. *Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao:* Bao gồm mẫu bệnh phẩm, dụng cụ đựng, dính mẫu bệnh phẩm, chất thải dính mẫu bệnh phẩm thải bỏ từ các phòng xét nghiệm tương đương an toàn sinh học cấp II trở lên; các chất thải phát sinh từ buồng bệnh cách ly, khu vực điều trị cách ly, khu vực lấy mẫu xét nghiệm người bệnh mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm nhóm A, nhóm B.

• **Chất thải nguy hại không lây nhiễm:**

a. *Hóa chất thải bỏ* có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất.

b. *Dược phẩm thải bỏ* thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất.

c. *Vỏ chai, lọ đựng thuốc* hoặc hoá chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất.

d. *Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân, cadimi (Cd); pin, ắc quy* thải bỏ; vật liệu tráng chì sử dụng trong ngăn tia xạ thải bỏ.

đ. *Dung dịch thải:* nước thải từ thiết bị xét nghiệm, phân tích và các dung dịch thải bỏ có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại.

e. *Chất thải y tế khác* có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất.

**- Biện pháp thu gom:**

CTNH được thu gom, đựng trong các thùng đựng rác thải nguy hại màu vàng hoặc màu đen (thùng màu vàng chứa các chất thải lây nhiễm, thùng màu đen chứa các chất thải không lây nhiễm), sau đó đưa về khu lưu trữ tại kho CTNH, cụ thể như sau:

• **Chất thải nguy hại lây nhiễm:**

a. *Chất thải lây nhiễm sắc nhọn*: sẽ được phân loại ngay tại xe tiêm, bỏ vào trong thùng/hộp kháng trùng có màu vàng như xô nhựa dung tích khoảng 3 lít của xe rồi chuyển xuống kho chứa CTNH.

b. *Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn*: bỏ vào trong thùng có lót túi và có màu vàng rồi chuyển xuống thùng 120L có nắp đậy màu vàng tại kho chứa CTNH.

c. *Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao*: bỏ vào trong thùng có lót túi và có màu vàng rồi chuyển xuống thùng 120L có nắp đậy màu vàng tại kho chứa CTNH.

d. *Chất thải giải phẫu*: là các mẫu bệnh phẩm, bộ phận cơ quan con người thải bỏ từ các phòng mổ, giải phẫu sẽ được thu gom vào thùng rác có lót túi màu vàng để chuyển xuống kho CTNH. Tại kho, chất thải được chứa trong tủ đông dung tích 400 lít sau đó sẽ chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom vận chuyển đi xử lý.

đ. *Chất thải lây nhiễm dạng lỏng*: chứa trong túi kín hoặc dụng cụ lưu chứa chất lỏng và có nắp đậy kín.

• **Chất thải nguy hại không lây nhiễm:**

Được thu gom từ nơi phát sinh vào các thùng chứa 10 lít sau đó chuyển xuống các thùng màu đen 120L có nắp đậy và mã CTNH tương ứng tại kho CTNH.



**Hình 3-10. Hướng dẫn phân loại chất thải của Bệnh viện**

- Kho chứa CTNH:

Bệnh viện đã xây dựng kho chứa CTNH có diện tích 40 m<sup>2</sup>; chia thành 03 gian: 02 gian chứa CTNH lây nhiễm và 01 gian chứa CTNH không lây nhiễm.

Kho chứa CTNH được đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (dán nhãn cảnh báo tên của từng loại CTNH; kho kín có nền lát gạch, tường gạch bao quanh, trần bê tông, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ,...).

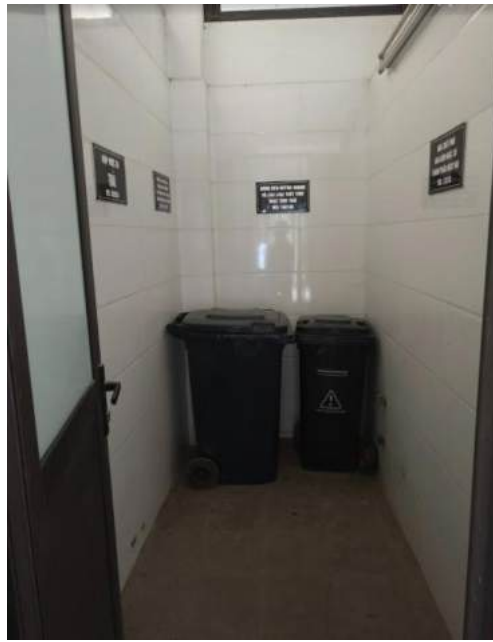
Bên trong kho CTNH có 22 thùng 120L có nắp đậy lưu trữ CTNH (18 thùng chứa CTNH lây nhiễm màu vàng và 04 thùng chứa CTNH không lây nhiễm màu đen) và 01 tủ đông chứa mẫu bệnh phẩm dung tích 500 lít.



a) Bên ngoài kho chứa CTNH



b) Gian chứa CTNH lây nhiễm (thùng màu vàng) và tủ đông 500l lít



c) Gian chứa CTNH không lây nhiễm (thùng màu đen)

**Hình 3-11. Kho chứa và các thiết bị chứa bên trong kho CTNH của Bệnh viện**

**Bảng 3-10. Bảng tổng hợp biện pháp quản lý chất thải nguy hại**

TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh	Phương tiện lưu trữ	Tần suất thu gom, vận chuyển đi xử lý
1	Chất thải nguy hại	2.130 kg/năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết bị chứa: các thùng và túi rác màu vàng hoặc đen.</li> <li>- Kho CTNH: 40 m<sup>2</sup> với 22 thùng nhựa 120 lít.</li> <li>- Riêng bùn thải được chứa trong bể chứa bùn hệ thống XLNT tập trung: dung tích 40 m<sup>3</sup>.</li> </ul>	01 tháng/lần

## 5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Với đặc thù là bệnh viện nên hoạt động phát sinh tiếng ồn độ rung không đáng kể, các nguồn phát sinh gồm có:

- Hoạt động của các phương tiện ra vào Bệnh viện khám chữa bệnh
- Hoạt động của các máy thổi khí, máy bơm được lắp đặt tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hoạt động của máy phát điện dự phòng hoạt động khi có sự cố mất điện.

Để giảm thiểu tiếng ồn từ các nguồn này, Bệnh viện đã thực hiện:

- Trồng hệ thống cây xanh quanh khuôn viên của Viện để giảm tiếng ồn

- Các phương tiện khi đi vào Bệnh viện yêu cầu giảm tốc độ.

- Các khu vực trạm bơm nước và máy phát điện dự phòng được đặt trong nhà kín để tránh tiếng ồn lan truyền ra ngoài, đồng thời được đặt tại vị trí riêng biệt, xa khu vực khám chữa bệnh.

## **6. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác – chống ô nhiễm bức xạ và hạt nhân**

- Nguồn phát sinh: các phòng chụp X-quang chẩn đoán y tế của bệnh viện.

- Bệnh viện đã được Sở Khoa học và Công nghệ cấp Giấy phép số 2325/GP-SKHHCN ngày 13/10/2023 về việc Tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X - quang chẩn đoán y tế).

Cụ thể để ngăn ngừa, giảm thiểu tác động do bức xạ gây ra, Viện đã thực hiện các biện pháp sau:

\*) Đối với thiết bị: Các thiết bị chụp X-quang phải đảm bảo yêu cầu quy định theo Điều 5 Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT:

1. Mức bức xạ rò của đầu bóng phát tia X không vượt quá 1mGy/giờ tại khoảng cách 1m từ vỏ đầu bóng phát tia X lấy trung bình trên diện tích không vượt quá 100 cm<sup>2</sup> cho mọi chế độ làm việc của thiết bị được nhà sản xuất khuyến cáo.

2. Giá trị lọc cố định của hệ đầu bóng phát X - quang trong đơn vị milimét nhôm tương đương (mm Al) phải ghi rõ trên vỏ hộp chứa bóng.

3. Có hệ kiểm tra kích thước chùm tia bằng nguồn sáng, trừ thiết bị X - quang chụp răng sử dụng phim đặt sau huyệt ổ răng và thiết bị X - quang chụp vú.

4. Các thông số điện áp phát (kV), dòng bóng phát (mA), thời gian phát tia (s) hoặc hằng số phát tia (mAs) phải được hiển thị trên tủ điều khiển khi đặt chế độ làm việc và khi chụp.

5. Đối với thiết bị chụp X - quang, việc phát tia phải được chấm dứt sau một thời gian đặt trước hoặc sau khi đạt giá trị mAs đặt trước hoặc đạt giá trị liều chiếu xạ đặt trước.

6. Đối với thiết bị X - quang soi chiếu phải có bộ kiểm soát tự động chế độ phát tia AEC hoặc công tắc điều khiển phát tia dạng bấm và giữ, bảo đảm thiết bị chỉ phát tia nếu công tắc được bấm, giữ chặt và sẽ ngừng phát tia khi thả công tắc.

7. Thiết bị X - quang di động phải có cáp nối đủ dài để bảo đảm khoảng cách giữa người vận hành thiết bị và bóng phát tối thiểu 2 m. Đối với thiết bị bức xạ khác, khoảng cách này tối thiểu là 3 m.

8. Thiết bị X - quang can thiệp phải có các tấm che chắn cao su chì lắp tại bàn người bệnh để che chắn các tia bức xạ ảnh hưởng đến nhân viên và hệ che chắn treo trên

trần để sử dụng cho mục đích bảo vệ mắt và tuyến giáp của nhân viên khi theo dõi người bệnh. Các tấm che chắn cao su chì phải bảo đảm có chiều dày che chắn không nhỏ hơn 0,5 milimét chì tương đương.

\*) Đối với phòng chụp: Đối với Phòng đặt thiết bị bức xạ, Phòng đặt thiết bị bức xạ phải bảo đảm kích thước, thiết kế, che chắn bức xạ đảm bảo theo quy định được nêu tại Nghị định 142/2020/NĐ-CP quy định tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. Phía trên cửa ra vào phòng chụp X-quang phải lắp đặt biển cảnh báo tia X, đèn báo hiệu thời gian thiết bị đang hoạt động, gắn nội quy an toàn tại cửa ra vào phòng chụp.

Cơ sở y tế phải tiến hành đo kiểm tra an toàn bức xạ xung quanh phòng chụp X-quang khi lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và đo kiểm tra định kỳ hằng năm, giá trị suất liều không được vượt quá 10  $\mu\text{Sv/giờ}$  trong phòng điều khiển, không vượt quá 0,5  $\mu\text{Sv/giờ}$  tại mọi vị trí bên ngoài phòng đặt thiết bị X-quang nơi công chúng đi lại, người bệnh ngồi chờ và các phòng làm việc lân cận.

Trường hợp phòng đặt thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế nằm trong khu dân cư, liền kề nhà ở hoặc nơi làm việc phải bảo đảm suất liều bức xạ ở tất cả các điểm đo bên ngoài phòng đặt thiết bị bằng phong bức xạ tự nhiên. Tại phòng chụp X-quang phải được trang bị tạp dề cao su chì để che chắn cho nhân viên bức xạ, bệnh nhân, và người trợ giúp bệnh nhân khi chụp X-quang.

## **7. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

### **7.1. Sự cố tại hệ thống XLNT tập trung**

Về tổng thể, khi phát hiện nước thải không đạt yêu cầu, cán bộ vận hành sẽ dừng xả thải để tiến hành khắc phục sự cố, nước thải phát sinh sẽ lưu trữ trong thời gian ngắn tại bể điều hòa (có dung tích 117m<sup>3</sup>). Trường hợp nếu thời gian khắc phục sự cố kéo dài, nước thải phát sinh vượt khả năng lưu trữ của ngăn thu gom và tách rác, Viện sẽ thuê đơn vị đến bơm hút đi xử lý, không để nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu xả ra ngoài môi trường.

Trong trường hợp xảy ra sự cố với bể xử lý nước thải, tiến hành sửa chữa, khắc phục trong thời gian sớm nhất để đưa hệ thống hoạt động ổn định trở lại. Nguyên nhân của sự cố tại trạm XLNT chủ yếu đến từ các lý do như sự cố mất điện, thiết bị lỗi hỏng, tắc nghẽn, tràn bể, lỗi vận hành,... để phòng chống các sự cố xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, chủ dự án sẽ áp dụng một số biện pháp sau:

- Đối với sự cố mất điện: sử dụng máy phát điện dự phòng trong trường hợp bị mất điện.

- Đối với sự cố lỗi, hỏng thiết bị: sử dụng các thiết bị dự phòng sẵn có, đồng thời tiến hành sửa chữa, khắc phục trong thời gian sớm nhất.

**Bảng 3-11. Một số hư hỏng thường gặp và biện pháp khắc phục**

STT	Hiện tượng	Nguyên nhân
1	Mô tơ không làm việc	Kiểm tra nguồn điện, cáp điện.
2	Mô tơ làm việc nhưng có tiếng kêu gầm	- Kiểm tra và khắc phục lại nguồn điện. - Tháo các vật bị chèn cứng ra khỏi cánh bơm. - Kiểm tra và bổ sung thêm, hoặc thay nhớt mới. - Kiểm tra vệ sinh sạch sẽ.
3	Máy bơm hoạt động nhưng không lên nước.	- Kiểm tra phát hiện và khắc phục lại, nếu hư hỏng phải thay van mới. - Kiểm tra phát hiện chỗ bị nghẹt và khắc phục lại. - Thay màng bơm khác.
4	Lưu lượng bơm bị giảm	- Kiểm tra, khắc phục lại. - Tắt bơm ngay. - Kiểm tra nguồn điện và khắc phục. - Tháo và rửa sạch bằng xà phòng hoặc dung dịch đặc biệt.
5	Mô tơ làm việc với dòng điện vượt quá giá trị ghi trên nhãn máy	- Tắt máy, khắc phục lại tình trạng điện áp. - Sấy nâng cao độ cách điện. - Phát hiện chỗ hư hỏng về cơ để khắc phục

- **Sự cố kỹ thuật trong quá trình vận hành hệ thống XLNT**

**Bảng 3-12. Khắc phục các sự cố ảnh hưởng đến hiệu quả của hệ thống XLNT**

STT	Hiện tượng	Nguyên nhân
1	<b>Bể thu gom và tách rác</b>	
	Nước thải có nhiều cặn	- Thu rác bể thu gom triệt để - Hiệu chỉnh quá trình sản xuất.
2	<b>Bể MBBR</b>	
	Bùn bị đen và phát sinh mùi	- Kiểm tra lại hệ thống phân phối khí, đảm bảo rằng khí được phân phối đều trong bể để tránh tạo điều kiện yếm khí trong bể.
	Xuất hiện nhiều bọt trắng	- Kiểm tra hàm lượng bùn trong bể, xem có duy trì ở nồng độ bình thường hay không (1000-3000mg/l).
3	<b>Bể lắng</b>	
	Nước thải ra khỏi máng thu nước có nhiều cặn	- Kiểm tra chế độ phân phối nước vào. - Kiểm tra hiệu quả xử lý hóa lý trước đó. - Hút bùn trong bể.
4	<b>Bể khử trùng</b>	
	Nước thải vẫn còn vi khuẩn	- Cần phải kiểm tra để điều chỉnh lại liều lượng hóa chất cho phù hợp với điều kiện đầu vào.

- Đã lắp đặt cảm biến mức và tắc nghẽn cùng để kịp thời phát hiện sự cố bất thường.

- Đối với sự cố con người: có cán bộ quản lý chuyên biệt, trong quá trình hoạt động cần tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình vận hành và giám sát đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Khi có hiện tượng lên bùn sẽ tiến hành tăng tỷ lệ bùn tuần hoàn từ bể lắng về bể aeroten để giảm thời gian lưu bùn trong bể lắng, tăng nhanh tốc độ rút bùn dư ở bể lắng, giảm thời gian lưu bùn để tránh quá trình nitrat hóa.

- Khi có hiện tượng bùn trương: tăng cường sục khí, xả bùn dư, tạm thời giảm tải trọng thủy lực của bể, pha loãng nước thải bằng nước cấp.

Bên cạnh đó, trong trường hợp xảy ra sự cố với hệ thống xử lý nước thải, chủ cơ sở, đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải có trách nhiệm báo cáo ngay về các cơ quan chức năng có hướng chỉ đạo kịp thời. Đồng thời tiến hành sửa chữa, khắc phục trong thời gian sớm nhất để đưa hệ thống hoạt động ổn định trở lại.

### **7.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất**

Đối với sự cố hóa chất, do Bệnh viện chỉ sử dụng dầu DO cho máy phát, hoá chất khử trùng nước thải, thủy ngân trong các ống nhiệt kế và một lượng nhỏ hoá chất sử dụng cho phòng xét nghiệm nên lượng hoá chất không nhiều.

Khoang dầu được tích hợp bên trong khối máy, có các lớp bảo vệ bao quanh nên khi xảy ra tràn đổ rò rỉ sẽ không tràn ra ngoài môi trường, bên ngoài có thùng cát để quây/thấm khi xảy ra rò rỉ, tràn đổ. Đồng thời khu vực cũng trang bị bình PCCC phòng chống cháy nổ.

Đối với nhiệt kế thủy ngân bị vỡ, khiến lượng thủy ngân phát tán ra ngoài môi trường, ngay lập tức mở cửa thông thoáng khu vực xảy ra sự cố ít nhất trong 15 phút để thủy ngân phát tán bớt. Trang bị bảo hộ hô hấp cá nhân để tiến hành thu dọn ống thủy tinh vỡ đưa vào kho CTNH.

Bệnh viện không có kho chứa hoá chất, chỉ có kho vật tư chứa các hoá chất chỉ ở dạng nhỏ, do đó biện pháp tại khu vực này chỉ trang bị các tấm thấm hoá chất và các phương tiện PCCC để phòng chống cháy nổ.

### **7.3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ**

- Bệnh viện đã có phương án PCCC và tuân theo mọi quy định nghiêm ngặt về PCCC. Các phương tiện PCCC được kiểm tra thường xuyên và trong tình trạng sẵn sàng hoạt động, đội PCCC Viện trực 24/24 giờ.

- Các thiết bị điện phải được duy trì ở điều kiện an toàn, ngăn ngừa khả năng phát tia lửa điện của các thiết bị, dụng cụ điện ở các khu vực gây nguy hiểm.

- Viện thường xuyên kiểm tra các dây dẫn, thiết bị mỗi khi vào mùa sử dụng cao điểm.

- Để đảm bảo an toàn trong quá trình làm việc, hạn chế rủi ro, do máy nổ gây ra Viện đã bố trí các dụng cụ PCCC như: Bình CO<sub>2</sub> hệ thống báo cháy, chữa cháy ngay tại hành lang trên các tầng, khoa trong Viện. Có quy chế an toàn trong phòng chống cháy nổ, thành lập đội phòng cháy chữa cháy, chủ động khi có sự cố xảy ra.

- Thành lập đội phòng cháy tại Bệnh viện. Trang bị các phương tiện phòng chống cháy như bình chữa cháy, bể nước dự trữ chống cháy... xây dựng nội quy phòng chữa cháy.

- Các loại nhiên liệu dễ cháy được bảo quản, cất chứa xa nơi các nguồn dễ gây cháy nổ như nhà bếp, trạm biến áp điện...

- Cán bộ Y bác sĩ hoặc cán bộ vận hành sẽ được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố và luôn luôn có mặt tại vị trí của mình, thao tác và kiểm tra, vận hành đúng kỹ thuật

- Tiến hành sửa chữa định kỳ, trong trường hợp có sự cố nhân viên vận hành được hướng dẫn và xử lý theo đúng quy tắc an toàn.

- Tổ chức thường xuyên các đợt tập dượt chữa cháy cho cán bộ chuyên trách về mảng PCCC.

#### **7.4. Phòng chống nhiễm khuẩn, lây lan dịch bệnh**

Công tác phòng chống nhiễm bệnh tại Bệnh viện sẽ được thực hiện đúng quy trình kỹ thuật về vô trùng, khử khuẩn đối với các dụng cụ y tế, vệ sinh khoa, phòng, vệ sinh cá nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm. Các điều kiện thực hiện công tác chống nhiễm khuẩn bao gồm: nước sạch, dụng cụ, phương tiện, hóa chất khử khuẩn...

##### **(1) Kỹ thuật vô khuẩn**

- Dụng cụ y tế nhiễm khuẩn sau khi dùng xong phải được ngâm vào dung dịch tẩy uế trước khi bỏ loại bỏ hoặc dùng lại.

- Khử trùng, tiệt khuẩn dụng cụ, vật dụng bằng sức nóng hoặc hóa chất phải đảm bảo đúng quy định, đủ thời gian, đúng nồng độ hoặc đúng nhiệt độ.

- Trước khi tiến hành các thủ thuật phẫu thuật, thủ thuật vô khuẩn, người thực hiện sẽ tuân thủ đúng quy định kỹ thuật về vô khuẩn.

- Kỹ thuật vô khuẩn sẽ được tiến hành trong điều kiện vô khuẩn.

##### **(2) Trật tự, vệ sinh khoa và buồng bệnh**

- Mỗi khoa có một đường nước cọ rửa dụng cụ, có đủ giá kệ bảo quản dụng cụ vệ sinh và đồ vải chườm mang đi giặt.

- Các thiết bị, dụng cụ y tế trong buồng được bố trí, sắp xếp thuận tiện cho việc phục vụ người bệnh và vệ sinh tẩy uế.

- Có đủ thùng rác có nắp đậy, để trên hành lang, đủ để sử dụng cho người bệnh và các thành viên trong khoa.

- Trần, tường, bệ cửa, cánh cửa các khoa, buồng sẽ được giữ gìn luôn sạch, không có mạng nhện.

- Nền các buồng được lát gạch men hoặc vật liệu tương đối nhẵn, khô, không thấm nước, luôn sạch.

- Tường các buồng phủ thuật, phẫu thuật, buồng hậu phẫu, buồng đẻ, buồng trẻ sơ sinh, buồng chăm sóc đặc biệt, buồng sét nghiệm, buồng tiêm được lát gạch men kính toàn bộ đến sát trần nhà.

- Viện tổ chức giặt là tập trung nhưng sẽ tách để giặt riêng một số đồ vật sau:

+ Quần áo của các nhân viên y tế trong Viện.

+ Quần áo đồ vải người bệnh.

+ Quần áo đồ vải của khoa truyền nhiễm.

- Người bệnh sẽ được mặc quần áo Bệnh viện theo quy chế trang phục y tế và vệ sinh cá nhân. Người bệnh sẽ được dùng đồ cá nhân riêng.

- Khi người bệnh chuyển khoa, chuyển viện hoặc ra viện, đặc biệt đối với người bệnh mắc bệnh truyền nhiễm sẽ thực hiện ngay vệ sinh tẩy uế buồng bệnh, đồ dùng cá nhân.

- Trường hợp người nhà được phép ở lại phối hợp cùng chăm sóc phục vụ người bệnh sẽ thực hiện nội quy, giữ gìn vệ sinh và mặc quần áo Viện.

## 8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Giải pháp bảo vệ môi trường

**Bảng 3-13. Các nội dung thay đổi so với nội dung phê duyệt trong Giải pháp bảo vệ môi trường của cơ sở**

TT	Thông tin	Nội dung được phê duyệt trong Giải pháp BVMT	Thực tế hiện nay	Lý do điều chỉnh
1	Quy mô phòng ban	Tổng cộng 31 phòng ban: 07 phòng chức năng 11 khoa lâm sàng 4 khoa cận lâm sàng 10 khoa phòng dự kiến khác	Tổng cộng 37 phòng ban: 09 phòng ban 18 khoa lâm sàng 02 khoa cận lâm sàng 03 khoa hỗ trợ	Thay đổi các khoa phòng phù hợp với tình hình thực tế và chỉ đạo của Bộ Y tế theo Quyết định số 7293/QĐ-BYT ngày 07/12/2018 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động

TT	Thông tin	Nội dung được phê duyệt trong Giải pháp BVMT	Thực tế hiện nay	Lý do điều chỉnh
			05 phòng của Trung tâm đào tạo và chỉ đạo tuyến	của Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1.
2	Hệ thống xử lý nước thải	<p>01 hệ thống xử lý nước thải:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất: 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm</li> <li>- Quy trình: Nước thải → Bể thu gom → Bể hiếu khí bậc 1 → Bể hiếu khí bậc 2 → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → xả ra môi trường.</li> <li>- Quy chuẩn áp dụng: TCVN 5945-2005, cột B.</li> </ul>	<p>01 hệ thống xử lý nước thải:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất: 400 m<sup>3</sup>/ngày đêm</li> <li>- Quy trình: Nước thải → Hồ thu gom và tách rác → Bể thu gom nước thải → Bể lắng sơ cấp → Bể điều hoà → Bể yếm khí → Bể thiếu khí → Bể MBBR → Bể lắng lamen → Bể khử trùng → Kênh tiêu Bệnh viện Tâm thần.</li> <li>- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 28:2010/BTNMT (cột A, K=1,0) đến hết hết ngày 31/12/2031, đến 01 tháng 01 năm 2032 áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT.</li> </ul>	<p>Hệ thống XLNT được xây dựng do Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện do Ngân hàng thế giới tài trợ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất tính toán phù hợp với lượng nước thải thực tế (tối đa chỉ 320 m<sup>3</sup>/ngày đêm nên hệ thống XLNT công suất 400 m<sup>3</sup>/ngày đêm tương đương hệ số an toàn k = 1,25)</li> <li>- Quy trình xử lý: được thiết kế theo công nghệ cao hơn, có nhiều công đoạn xử lý giúp tăng hiệu quả hơn.</li> <li>- Quy chuẩn áp dụng: thay đổi theo QCVN hiện hành.</li> </ul>
3	Lò đốt rác	Có 01 lò đốt rác công suất 50 kg/h	Không sử dụng lò đốt rác, toàn bộ chất thải được Bệnh viện thuê đơn vị có chức năng đến vận chuyển đi xử lý theo quy định	Việc thuê đơn vị có chức năng đến vận chuyển đi xử lý vừa có chi phí đỡ tốn kém hơn và lại vừa đảm bảo môi trường tốt hơn.

## CHƯƠNG 4.

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:
  - + Nguồn số 01: Nước thải y tế.
  - + Nguồn số 02: Nước thải từ các bồn cầu, xí tiêu.
  - + Nguồn số 03: Nước thải từ chậu rửa, phễu thu sàn.
  - + Nguồn số 04: Nước thải nhà ăn
  - + Nguồn số 05: Nước thải máy giặt.
  - + Nguồn số 06: Nước thải từ hoạt động rửa ngược hệ thống xử lý nước cấp.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 400 m<sup>3</sup>/ngày đêm (theo công suất của hệ thống xử lý).
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400 m<sup>3</sup>/ngày đêm được xả ra kênh tiêu Bệnh viện Tâm thần nằm trên tỉnh lộ 427B tại xã Thường Tín rồi tự chảy ra hệ thống thủy lợi sông Nhuệ.
- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
  - + Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh tiêu Bệnh viện Tâm thần thuộc xã Thường Tín, thành phố Hà Nội.
  - + Vị trí: tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>000</sup>, múi chiếu 3<sup>0</sup>): X = 2308937; Y = 587725.
  - + Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức sau đó tự chảy và thoát vào kênh tiêu Bệnh viện Tâm thần thuộc xã Thường Tín, thành phố Hà Nội.
  - + Chế độ xả nước thải: Liên tục.
- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột A, K=1,0 đến hết ngày 31/12/2031, cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	6,5 - 8,5	Không thuộc đối tượng phải thực hiện (*)	Không thuộc đối tượng phải thực hiện (**)
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	30		
3	COD	mg/l	50		
4	TSS	mg/l	50		
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	6		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10		
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		

11	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1		
12	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		
13	Samonella	VK/100ml	KPH		
14	Shigella	VK/100ml	KPH		
15	Vibrio cholerae	VK/100ml	KPH		

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, Bảng 1 với  $F \leq 2.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$  và cột B, Bảng 2), cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	6-9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện (*)	Không thuộc đối tượng phải thực hiện (**)
2	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5000		
3	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	60		
4	COD	mg/l	90		
5	TSS	mg/l	80		
6	Tổng Nitơ	mg/l	40		
7	Tổng Phốt pho	mg/l	6		
8	Amoni	mg/l	10		
9	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	5		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	30		
11	Clo dư	mg/l	2		
12	Cloroform	mg/l	0,8		
13	Sunfua	mg/l	0,5		

(\*) Theo quy định tại Điều 97 và Phụ lục số XXVIII của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

(\*\*) Theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bởi khoản 45 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

## 2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Cơ sở không xin cấp phép đối với khí thải.

## 3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

### 3.1. Nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các máy thổi khí, máy bơm được lắp đặt tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ các máy phát điện dự phòng.

### 3.2. Quy chuẩn áp dụng:

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung đến hết ngày 31/12/2026 và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung từ ngày 01/01/2027, cụ thể như sau:

#### a. Tiếng ồn:

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn đến hết ngày 31/12/2026:

+ Tiếng ồn trong khu vực sản xuất: Trong mọi thời điểm làm việc mức áp suất âm cực đại không vượt quá 85 dBA.

+ Tiếng ồn ngoài khu vực hoạt động:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	Không thuộc đối tượng	<i>Khu vực đặc biệt</i>

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn từ ngày 01/01/2027:

TT	Ngày (06h00 đến trước 18h00) (dBA)	Tối (18h00 đến trước 22h00) (dBA)	Đêm (22h00 đến trước 06h00) (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	50	45	40	Không thuộc đối tượng	<i>Khu vực A</i>

b. Độ rung:

- Giá trị giới hạn đối với độ rung đến hết ngày 31/12/2026:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	60	55	Không thuộc đối tượng	<i>Khu vực đặc biệt</i>

- Giá trị giới hạn đối với độ rung từ ngày 01/01/2027:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)		
2	60	55	Không thuộc đối tượng	<i>Khu vực A</i>

#### 4. Yêu cầu về quản lý chất thải

##### 4.1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

4.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Dạng tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải y tế lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn và không sắc nhọn, chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao, chất thải giải phẫu)	Rắn/Lỏng	13 01 01	1.534
2	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân	Rắn	13 03 02	100
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	135
<b>Tổng cộng</b>				<b>1.769</b>

4.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Thành phần	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải y tế thông thường	975
2	Bùn từ bể tự hoại	20.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>20.975</b>

4.1.3. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

TT	Tên chất thải	Dạng tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại	Rắn	18 01 04	37
2	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	12
3	Bùn thải có chứa thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	Rắn	12 06 05	312
<b>Tổng cộng</b>				<b>361</b>

4.1.4. Khối lượng chất thải sinh hoạt: phát sinh khoảng 21,56 tấn/năm.

## **4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

### **4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

#### 4.2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Chất thải nguy hại được phân loại lưu chứa riêng trong bố trí 22 thùng 120 lít bằng nhựa, có nắp đậy, không rò rỉ, được dán mã CTNH và biển cảnh báo theo quy định.
- 01 tủ đông 500 lít dán mã CTNH theo quy định.
- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được lưu chứa tại bể chứa bùn (dung tích 40,5m<sup>3</sup>).

#### 4.2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 01 kho chứa CTNH có diện tích khoảng 40m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: có sàn bê tông lát gạch có khả năng chống thấm, mái trần bê tông, không phát tán, rò rỉ, dán nhãn cảnh báo khu vực lưu giữ CTNH theo quy định.

### **4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường**

#### 4.2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí 02 thùng 120 lít đặt tại kho lưu trữ chất thải thông thường tại kho lưu chứa.
- Bùn thải tại bể tự hoại định kỳ 1-2 năm/lần thuê đơn vị chức năng đến thu gom và đem đi xử lý.

#### 4.2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Diện tích kho chứa chất rắn thông thường: 01 kho chứa chất thải rắn thông thường có diện tích khoảng 10m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: có sàn bê tông lát gạch có khả năng chống thấm, mái trần bê tông.

### **4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt**

#### 4.2.3.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí xe rác 500 lít tại kho chứa.

#### 4.2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Diện tích kho chứa: khoảng 50m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: có sàn bê tông lát gạch có khả năng chống thấm, mái trần bê tông.

## CHƯƠNG 5.

# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

#### 1.1. Tóm tắt tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong suốt quá trình hoạt động Chủ Cơ sở luôn tuân thủ các quy định theo Luật Bảo vệ môi trường và các yêu cầu của cơ quan quản lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Lắp đặt và vận hành công trình xử lý nước thải, khi có sự cố, tiến hành thuê đơn vị có chức năng đến sửa chữa để duy trì hệ thống hoạt động tốt trở lại đảm bảo đạt QCVN trước khi xả ra ngoài kênh tiêu.

- Thực hiện thu gom, phân loại và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Thực hiện các biện pháp an toàn bức xạ.

- Hàng năm lập báo cáo quản lý chất thải y tế và nộp vào cơ quan quản lý theo đúng quy định.

#### 1.2. Tóm tắt các vấn đề liên quan đến môi trường

Năm 2025, cơ sở gặp sự cố đối với hệ thống XLNT tập trung 400 m<sup>3</sup>/ngày đêm, dẫn tới chất lượng nước thải đầu ra sau xử lý có một số chỉ tiêu không đạt quy định cho phép của QCVN. Đến tháng 10/2025, Bệnh viện đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần công nghệ và thương mại B&G để tiến hành sửa chữa lại hệ thống.

Sau khi sửa chữa hệ thống XLNT tập trung, Bệnh viện đã tiến hành vận hành thử nghiệm lại thông qua 03 lần quan trắc vào 03 ngày 17, 18, 19 tháng 12 năm 2025, kết quả quan trắc đạt QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A, K=1,0).

### 2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

- Tổng hợp thông tin của từng năm về tổng lưu lượng nước thải:

+ Năm 2024: 110.400 m<sup>3</sup>

+ Năm 2025: 110.040 m<sup>3</sup>

- Tổng hợp các kết quả quan trắc nước thải định kỳ:

Bệnh viện đã tiến hành quan trắc định kỳ đối với nước thải đầu ra trạm xử lý nước thải tập trung 400 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Kết quả quan trắc trong gần đây được tổng hợp như Bảng dưới đây:

**Bảng 5-1. Kết quả quan trắc nước thải đầu ra của hệ thống XLNT tập trung 400 m<sup>3</sup>/ngày đêm**

TT	Thông số	Đơn vị tính	Năm 2024			Năm 2025			QCVN 28:2010/ BTNMT (cột A, K = 1,0)	
			Quý II	Quý III	Quý IV	Quý I	17/12	18/12		19/12
			Trước khi sửa chữa			Sau khi sửa chữa				
1	pH	-	11,3	11,21	8,76	9,42	6,9	6,8	7,1	6,5 – 8,5
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/L	217	5,0	9,5	<3,0	10,3	7,4	7,4	30
3	COD	mg/L	2441	13,3	30,0	<9,0	18,9	13,2	13,5	50
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	32,8	46,0	15,2	<10,0	18	5 (LOQ=6)	7	50
5	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	<1,0	<3,0	<3,0	<3,0	1,3	0,7 (LOQ=0,9)	0,7 (LOQ=0,9)	10
6	Sunfua	mg/L	0,204	0,132	0,198	0,161	<0,05	<0,05	<0,05	1
7	Amoni (tính theo N)	mg/L	<0,1	<0,1	<0,1	<0,1	<0,35	<0,35	<0,35	5
8	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	mg/L	3,14	<0,02	3,51	3,1	1,7	<0,1	<0,1	30
9	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> )	mg/L	2,49	0,062	0,767	0,439	<0,03	<0,03	<0,03	6
10	<i>Salmonella</i>	Vi khuẩn/ 100 ml	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
11	<i>Shigella</i>		KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
12	<i>Vibrio cholerae</i>		KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
13	Tổng coliform	MPN/100mL	<1,8	<1,8	<1,8	<1,8	1.100	940	1.100	3.000
14	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	Không đo			<0,007	<0,007	<0,007	<0,007	0,1
15	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	Không đo			<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	1,0

(Nguồn: Phiếu kết quả quan trắc của Bệnh viện)

- Các thời điểm đã thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý nước thải: Bệnh viện đã thực hiện sửa chữa lại hệ thống XLNT tập trung từ tháng 10 đến tháng 12/2025.

**- Nhận xét:**

+ Trước khi sửa chữa (trước tháng 12/2025), hệ thống XLNT hoạt động chưa tốt, một số chỉ tiêu vượt QCVN 28:2010/ BTNMT (cột A, K=1,0) như pH, BOD, COD.

+ Sau khi sửa chữa, Bệnh viện đã tiến hành vận hành thử nghiệm lại thông qua 03 lần quan trắc vào 03 ngày 17, 18, 19 tháng 12 năm 2025, kết quả quan trắc đạt QCVN 28:2010/ BTNMT (Cột A, K=1,0).

### 3. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

Khối lượng CTR phát sinh tại cơ sở năm 2024, 2025 được thống kê tại Bảng sau:

**Bảng 5-2. Khối lượng chất thải năm 2023, 2024 và 05 tháng đầu năm 2025**

TT	Chất thải	Khối lượng (kg)		Tổ chức tiếp nhận
		Năm 2024	Năm 2025	
1	Chất thải rắn sinh hoạt	17.250	17.250	Công ty CPDV môi trường Thăng Long
2	Chất thải rắn công nghiệp	780	780	Công ty Bảo Ngọc (TNHH)
3	CTNH	1.201,2	1.415,2	Công ty cổ phần đầu tư và kỹ thuật tài nguyên môi trường ETC

(Nguồn: Báo cáo quản lý chất thải y tế năm 2024 và 2025 và chứng từ thu gom CTNH của Bệnh viện)

### 4. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở

Trong 02 gần nhất, Cơ sở được đoàn kiểm tra về môi trường của Bộ Y tế kiểm tra vào 08/9/2025, cụ thể nội dung kiểm tra và các vấn đề như sau:

**Bảng 5-3. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở**

Chương trình kiểm tra	Cơ quan kiểm tra	Ngày kiểm tra	Nội dung cần khắc phục về môi trường	Giải trình khắc phục
Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế	Bộ Y tế	08/9/2025	Chưa có Giấy phép môi trường	Bệnh viện đang lập hồ sơ xin cấp Giấy phép môi trường trình UBND thành phố Hà Nội, Sở NNMT Hà Nội phê duyệt
			Nước thải sau xử lý chưa đạt yêu cầu	Bệnh viện đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần công nghệ và thương mại B&G để tiến hành sửa chữa lại hệ thống. Sau khi sửa chữa hệ thống XLNT tập trung, Bệnh viện đã tiến hành vận hành thử nghiệm lại thông qua 03 lần quan trắc vào 03 ngày 17, 18, 19 tháng 12 năm 2025, kết quả quan trắc đạt QCVN 28:2010/ BTNMT (Cột A, K=1,0).

(Chi tiết Biên bản kiểm tra đính kèm Phụ lục 1)

## CHƯƠNG 6.

# KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của cơ sở

Bệnh viện vừa mới tiến hành sửa chữa lại hệ thống XLNT tập trung 400 m<sup>3</sup>/ngày đêm nên sẽ tiến hành vận hành thử nghiệm công trình này:

**Bảng 6-1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm của cơ sở**

TT	Công trình BVMT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc	Tiêu chuẩn so sánh	Tần suất lấy mẫu	Thời gian dự kiến
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung 400 m <sup>3</sup> /ngày đêm	- Mẫu nước thải đầu vào - Mẫu nước thải đầu ra	pH, Tổng Coliforms BOD5, COD, TSS, Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho, Amoni, Chất hoạt động bề mặt anion, Dầu mỡ động thực vật, Clo dư, Cloroform, Sunfua.	QCVN 28:2010/ BTNMT (cột A, K=1) và QCVN 40:2025/ BTNMT (cột B)	Ít nhất 03 mẫu trong 03 ngày liên tiếp (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra)	03 tháng sau khi được cấp GPMT

### 2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

#### 2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

##### 2.1.1. Quan trắc định kỳ nước thải

Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ theo Điều 97 của Nghị định 08:2022/NĐ-CP và khoản 45 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025

##### 2.1.2. Quan trắc định kỳ khí thải

Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ theo Điều 98 của Nghị định 08:2022/NĐ-CP.

#### 2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ theo Điều 97 và Điều 98 của Nghị định 08:2022/NĐ-CP.

#### 2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Bệnh viện không có đề xuất gì thêm.

### 3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Do không thực hiện quan trắc môi trường nên Trung tâm không phát sinh kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

## **CHƯƠNG 7.**

### **CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

1. Chủ cơ sở cam kết chịu trách nhiệm tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đã nêu trong báo cáo đề xuất.
2. Cam kết thực hiện thu gom, xử lý nước thải như đã trình bày trong báo cáo; cam kết thực hiện đúng quy trình vận hành các hệ thống xử lý trạm nước thải đảm bảo chất lượng đầu ra đạt QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột A, K=1,0) trước khi xả ra môi trường và thực hiện các phương án ứng phó khi có sự cố xảy ra.
3. Cam kết ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường quy định tại Thông tư 02:2022/TT-BTNMT.
4. Cam kết thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
5. Thực hiện các biện pháp an toàn bức xạ, quản lý và xử lý chất thải nhiễm xạ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09/6/2014 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 13/2018/TT-BKHCN ngày 05/9/2018) của Liên Bộ Khoa học và Công nghệ và Y tế quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế.
6. Cam kết lưu giữ các chứng từ chuyển giao chất thải cho các đơn vị xử lý chất thải theo quy định để Bộ Tài nguyên và Môi trường theo dõi, kiểm tra.
7. Cam kết trong trường hợp thay đổi các công trình xử lý chất thải, công trình và biện pháp bảo vệ môi trường thì phải báo cáo cơ quan quản lý theo quy định.
8. Cam kết bồi thường thiệt hại và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố rủi ro môi trường xảy ra do hoạt động của cơ sở.
9. Cam kết thực hiện Báo cáo công tác BVMT theo Luật BVMT, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT.

## **PHỤ LỤC**

Phụ lục 1: Giấy tờ pháp lý

Phụ lục 2: Sơ đồ bản vẽ tổng thể

Phụ lục 3: Hồ sơ liên quan đến hệ thống xử lý nước thải tập trung

Phụ lục 4: Hợp đồng thu gom chất thải và chứng từ CTNH

Phụ lục 5: Kết quả quan trắc môi trường năm 2024 và 2025

## **PHỤ LỤC 1 - CÁC GIẤY TỜ PHÁP LÝ**

1. Quyết định số 114/QĐ-TN&MT ngày 31/3/2008 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Tây về việc phê duyệt giải pháp bảo vệ môi trường Bệnh viện tâm thần Trung ương 1
2. Quyết định số 519/BYT-QĐ ngày 7/6/1963 của Bộ trưởng Bộ Y tế thành lập Bệnh viện.
3. Quyết định số 56/QĐ/XDCB ngày 19/01/1977 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Sơn Bình về việc cấp giấy phép xây dựng lại bệnh viện tinh thần Trung ương.
4. Văn bản số 6303/YT-TCCB ngày 18/6/2003 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện Nghị định số 49/20023/NĐ-CP của Chính phủ (trong đó có nêu việc đổi tên thành Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1).
5. Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp ngày 15/8/2003 của Sở Tài chính vật giá.
6. Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 01.000860.T do Sở TNMT Hà Nội cấp ngày 12/08/2011.
7. Quyết định số 3143/QĐ-BYT ngày 21/8/2014 về việc phê duyệt lại dự án đầu tư Xây dựng, cải tạo, mở rộng Bệnh viện Tâm thần trung ương 1.
8. Giấy xác nhận nghiệm thu PCCC số 289/NT-PCCC-P3 ngày 11/11/2016.
9. Quyết định số 2244/QĐ-BYT ngày 04/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao chỉ tiêu kế hoạch giường bệnh năm 2018 cho các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế.
10. Văn bản số 727/CTSN-QLN.CT ngày 20/4/2021 của Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi sông Nhuệ về việc thỏa thuận xả nước thải sau xử lý của Bệnh viện Tâm Thần Trung Ương 1 vào công trình thủy lợi.
11. Giấy phép xả thải số 330/GP-TCTL-PCTTr ngày 05/7/2021 của Tổng Cục thủy lợi.
12. Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 263/GP-UBND ngày 23/7/2021 của UBND thành phố Hà Nội.
13. Giấy phép tiến hành công việc bực xạ của Sở Khoa học Công nghệ.
14. Biên bản kiểm tra việc thực hiện quản lý chất thải của Cục Phòng bệnh.

Số: 114/QĐ-TN&MT

Hà Đông, ngày 31 tháng 3 năm 2008

**BẢN SAO**

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt giải pháp bảo vệ môi trường

**Bệnh viện tâm thần Trung ương 1**

**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Điều 37, Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;  
Căn cứ Quyết định số 2349/2003/QĐ-UB ngày 07 tháng 11 năm 2003  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn,  
cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét văn bản đề nghị kèm theo báo cáo Giải pháp bảo vệ môi trường của  
Bệnh viện tâm thần Trung ương 1 về hoạt động cải tạo nâng cấp Bệnh viện  
Tâm thần Trung ương 1 ngày 25 tháng 02 năm 2008;  
Theo đề nghị của Trưởng phòng Môi trường.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Giải pháp bảo vệ môi trường của Bệnh viện tâm  
thần Trung ương 1 (Bệnh Viện) về hoạt động cải tạo nâng cấp Bệnh viện Tâm  
thần Trung ương tại xã Hoà Bình huyện Thường Tín;

**Điều 2.** Giám đốc Bệnh viện có trách nhiệm thực hiện đúng những nội  
dung đã được nêu trong Giải pháp bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và  
những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Tổ chức thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường trong  
quá trình thi công xây dựng đảm bảo:

- Không vận tải, vận hành các máy thi công vào các giờ ban đêm.
- Áp dụng triệt để các biện pháp phòng, chống không để lún, nứt các  
công trình lân cận.
- Các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, vận chuyển, xử lý đảm  
bảo vệ sinh môi trường.

2. Tưới nước bề mặt ở những nơi thi công và trên các tuyến đường vận  
chuyển nguyên vật liệu, giảm thiểu bụi;

3. Hệ thống các cầu rửa xe phải được bố trí hợp lý và vận hành có hiệu  
quả, vỏ các xe vận chuyển nguyên vật liệu trước khi tham gia các tuyến đường  
giao thông phải sạch, không làm bẩn, không gây bụi trên đường ;

4. Hệ thống xử lý nước thải phải được vận hành thường xuyên, hiệu quả khi kết thúc phần xây dựng, nước thải sau xử lý thải ra ngoài khuôn viên đơn vị phải đạt tiêu chuẩn Việt Nam ở mức B, TCVN 5945-2005. Quản lý không để phát tán bụi, không được phát tán mùi hôi ảnh hưởng đến sản xuất, sinh hoạt của cộng đồng. Quản lý, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (rác thải y tế) phải tuân thủ theo đúng quy định tại Thông tư.12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006.

5. Đảm bảo kinh phí để thực hiện chương trình giám sát môi trường như trong Giải pháp bảo vệ môi trường đã đề xuất, lưu giữ số liệu và báo cáo bằng văn bản vào ngày 25/6 và 25/12 hàng năm để cơ quan quản lý nhà nước về Môi trường kiểm tra .

6. Báo cáo bằng văn bản những nội dung thay đổi so với Giải pháp bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý bằng văn bản của các Cơ quan liên quan, trong đó có Sở Tài nguyên và Môi trường .

7. Nộp phí bảo vệ môi trường đầy đủ đúng thời hạn theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Giải pháp bảo vệ môi trường của Bệnh viện và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để Sở Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thường Tín thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Bệnh viện.

**Điều 4.** Định kỳ 6 tháng một lần kể từ khi Quyết định này có hiệu lực thi hành, Giám đốc Bệnh viện phải có báo cáo bằng văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thường Tín để kiểm tra, theo dõi.

**Điều 5.** Giao phòng Môi trường sở, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thường Tín kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường của Bệnh viện; Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC**

Nơi nhận:

- Bệnh viện Tâm thần Trung ương I;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thường Tín;
- UBND xã Hoà Bình;
- Lưu: VT, MTg.

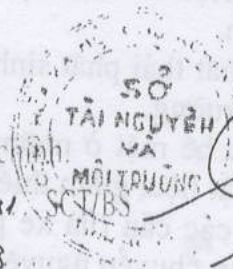
Số chứng thực ..... 588 ..... Quyền số 01

Ngày . 14 . tháng . 4 . năm . 2018 .

CHỦ TỊCH UBND XÃ HOÀ BÌNH



CHỦ TỊCH  
Vũ Thị Nghi



Phạm Văn Khánh

BỘ Y TẾ

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA  
Độc lập Tự do Hạnh phúcSố : 519 /BYT/QĐ

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

- Căn cứ nghị định số 153/CP ngày 5/10/1961 của Hội đồng Chính phủ về việc quy định nhiệm vụ quyền hạn tổ chức bộ máy Bộ Y tế ;

- Xét nhu cầu cần thiết của công tác điều trị bệnh nhân tinh thần hiện nay ;

- Theo đề nghị của các ông Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Phòng bệnh Chứa bệnh Bộ Y tế ;

- Đã có sự thống nhất ý kiến của Bộ Nội vụ tại công văn số 1262/TVC ngày 13 tháng 5 năm 1963;

## QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Thành lập Bệnh viện Đ 300 giường trực thuộc Bộ Y tế. (Địa điểm đặt tại Huyện Thường Tín thuộc tỉnh Hà Đông).

Điều 2.- Nhiệm vụ và tổ chức của Bệnh viện Đ :

a) Nhiệm vụ:- Thu nhận điều trị các bệnh nhân mắc bệnh tinh thần.

b) Tổ chức :- Lãnh đạo Bệnh viện Đ do một Bệnh viện trưởng phụ trách và có 1-2 Bệnh viện phó giúp việc.

- Tổ chức và bộ máy của Bệnh viện Đ tạm thời quy định như sau :

1. Phòng Y vụ
2. Phòng Hành chính tổ chức quản trị.

- Nhiệm vụ chi tiết và tiêu chuẩn thu nhận bệnh nhân mắc bệnh tinh thần do một văn bản khác quy định sau.

Điều 3.- Trong khi chờ đợi quyết định bổ nhiệm Ban lãnh đạo Bệnh viện Đ.

Ban quản đốc khu điều dưỡng Thường Tín Hà Đông tạm thời phụ trách Bệnh viện Đ và xử dụng bộ máy Khu điều dưỡng hiện nay để phục vụ kịp thời cho Bệnh viện Đ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

....

Điều 5. - Các ông : Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cấp bộ, Vụ trưởng Vụ Phòng bệnh chữa bệnh Bộ Y tế và Ban quan đốc Khu điều dưỡng Thường tín Hà đông chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 7 tháng 6 năm 1963

Nơi gửi:

- Phủ Thủ tướng (để báo cáo)
- Bộ Nội vụ
- Bộ Tài chính
- Văn phòng Văn giao (P.TT)
- UBKH Nhà nước
- UBHC tỉnh Hà đông
- Ty Y tế Hà đông
- Ban quan đốc Khu điều dưỡng Thường tín Hà đông
- Văn phòng, Vụ, Các
- Các đơn vị trực thuộc.
- Pháp chế (5 bản)
- BHYT TC3 - TC1
- Lưu trữ

*Thư ký*



*Nguyễn Văn Ngọc*

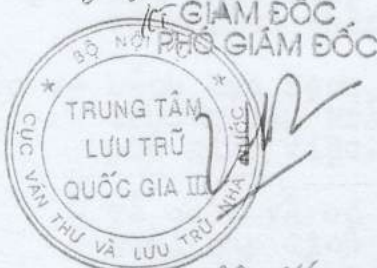
Chứng thực bản sao đúng với  
nguyên bản trong hồ sơ lưu trữ

Tài liệu được sao từ  
Phòng: *BỘ Y TẾ*

Mục lục số: ..... Hồ sơ số: *1262* ... Tờ số: *562-563*

Số chứng thực: *20*

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2025



*Vũ Chi Kim Hoa*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
HÀ SƠN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 06 QĐ/KĐCB

Hà Sơn Bình ngày 19 tháng 1 năm 1977

**QUYẾT ĐỊNH**

v/v cấp giấy phép xây dựng lại bệnh viện tinh thần  
Trung ương tại thôn Thủy Ưng, xã Hòa Bình,  
huyện Thương Tín.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ SƠN BÌNH

- Căn cứ luật tổ chức HĐND và UBND các cấp do lệnh số 51-LGT của chủ tịch nước Việt nam dân chủ cộng hòa công bố ngày 10-11-1962.

- Căn cứ quyết định số 429TTg ngày 28-10-1976 của Thủ tướng chính phủ phê chuẩn nhiệm vụ thiết kế xây dựng bệnh viện tâm thần Trung ương tại địa điểm bệnh viện D cũ ở thôn Thủy Ưng, xã Hòa Bình, huyện Thương Tín.

- Kết số nghị số 76/KĐCB ngày 15-12-1976 của bệnh viện tinh thần Trung ương thuộc Bộ Y tế, xin cấp giấy phép xây dựng lại bệnh viện tinh thần Trung ương với qui mô 500 giường trên khu đất (bệnh viện D cũ) tại thôn Thủy Ưng, xã Hòa Bình, huyện Thương Tín, đã được UBND huyện Thương Tín đã xác minh và công nhận với diện tích là 10, ha 9080.

**QUYẾT ĐỊNH**

**ĐIỀU 1.** - Nay cho phép bệnh viện tinh thần Trung ương thuộc bộ Y tế, được xây dựng lại bệnh viện tinh thần Trung ương với 500 giường, trên khu đất (bệnh viện D cũ) tại thôn Thủy Ưng, xã Hòa Bình, huyện Thương Tín, theo đúng như nhiệm vụ thiết kế đã được Thủ tướng chính phủ phê chuẩn tại quyết định số 429TTg ngày 28-10-1976 và diện tích đã được UBND huyện Thương Tín xác nhận kèm theo.

**ĐIỀU 2.** - Các ông: CVP UBND tỉnh, Bệnh viện trưởng Bệnh viện tinh thần Trung ương, thuộc bộ Y tế, Chủ tịch UBND huyện Thương Tín căn cứ quyết định thi hành.

**NƠI GỬI**

- Như điều 2.
- UBND tỉnh,
- UBND xã Hòa Bình,
- Lưu vs KĐCB

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 1098 Quyển số: 01.SCT/B

Ngày: 10-07-2019

TM. UBND XÃ VĂN PHÚ



CHỦ TỊCH  
NGUYỄN VĂN HẬU



CHỦ TỊCH

Ngày 5/10/2019

*Bệnh Viện Trung ương  
Thủy Ưng*

BỘ Y TẾ  
Số: 6303 /YT-TCCB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v Triển khai thực hiện  
Nghị định số 49/2003/NĐ-CP của Chính phủ.

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2003

Kính gửi: Các Vụ, Cục, Thanh tra, Văn phòng - Bộ Y tế  
Các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế.

Ngày 15/5/2003 Thủ tướng Chính phủ đã thay mặt Chính phủ ký Nghị định số 49/2003/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. Nghị định đã được đăng Công báo ngày 3/6/2003 và đến ngày 18/6/2003 bắt đầu có hiệu lực pháp lý.

Để thực hiện Nghị định trên của Chính phủ, Bộ Y tế hướng dẫn triển khai các công việc như sau :

1- Về thay đổi tổ chức một số Vụ, Cục và Đơn vị trực thuộc Bộ Y tế:

- Hợp nhất Vụ Kế hoạch và Vụ Tài chính-Kế toán thành Vụ Kế hoạch-Tài chính.
- Hợp nhất Vụ Y tế dự phòng và Văn phòng thường trực Phòng chống AIDS thành Cục Y tế dự phòng và Phòng chống HIV/AIDS.
- Đổi tên Vụ Bảo vệ BMTE-KHHGD thành Vụ Sức khỏe sinh sản.
- Đổi tên Cục Quản lý Chất lượng VSATTP thành Cục An toàn vệ sinh thực phẩm.
- Đổi tên các đơn vị trực thuộc Bộ:
  - + Viện Bảo vệ bà mẹ trẻ sơ sinh thành Bệnh viện Phụ sản TW.
  - + Viện Mắt thành Bệnh viện Mắt trung ương.
  - + Viện Nhi thành Bệnh viện Nhi trung ương.
  - + Viện Y học cổ truyền Việt Nam thành Bệnh viện Y học cổ truyền TW.
  - + Viện Châm cứu thành Bệnh viện Châm cứu TW.
  - + Viện Lao và Bệnh phổi thành Bệnh viện Lao và Bệnh phổi TW.
  - + Viện Tai-Mũi-Họng thành Bệnh viện Tai-Mũi-Họng TW.
  - + Viện Răng Hàm Mặt thành phố Hồ Chí Minh thành Bệnh viện Răng Hàm Mặt TW thành phố Hồ Chí Minh.
- \* + Bệnh viện Tâm thần TW thành Bệnh viện Tâm thần TW 1.
  - + Bệnh viện Tâm thần Biên Hoà thành Bệnh viện Tâm thần TW 2.
  - + Trường Đại học Y-Dược thành phố Hồ Chí Minh thành Đại học Y-Dược thành phố Hồ Chí Minh.
  - + Trung tâm Công nghệ thông tin Y tế thành Trung tâm tin học.
  - + Thành lập Viện Sốt rét-KST-CT thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở Phân viện Sốt rét KST-CT thành phố Hồ Chí Minh.

2- Để thực hiện Nghị định trên của Chính phủ, Bộ Y tế đề nghị:

- Đối với các Vụ, Cục, Thanh tra, Văn phòng Bộ Y tế có tên trong Nghị định nhưng có sự thay đổi về tổ chức:

+ Tiến hành các công việc cần thiết để các Vụ, Cục, Thanh tra, Văn phòng Bộ Y tế hoạt động bình thường ngay sau khi Nghị định có hiệu lực.

+ Xây dựng chức năng nhiệm vụ của các Vụ, Cục, Thanh tra, Văn phòng Bộ Y tế.

+ Xây dựng Quy chế làm việc của Cơ quan Bộ Y tế.

- Đối với các Đơn vị trực thuộc Bộ Y tế có tên trong Nghị định nhưng có sự thay đổi về tổ chức:

+ Bộ Y tế sẽ ban hành quyết định thay đổi tên và loại hình tổ chức theo Nghị định.

\* Từng đơn vị tiến hành xây dựng điều lệ tổ chức hoạt động của Đơn vị theo sự hướng dẫn của Vụ Tổ chức Cán bộ.

+ Các đơn vị có sự thay đổi tiến hành các thủ tục cần thiết để Bộ trưởng bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo các đơn vị cho phù hợp với tổ chức mới.

- Đối với 24 đơn vị trực thuộc Bộ chưa có tên trong Nghị định:

Bộ Y tế giao Vụ Tổ chức Cán bộ làm đầu mối phối hợp với các Vụ, Cục, Đơn vị xây dựng đề án cụ thể, trình lãnh đạo Bộ để Bộ Y tế làm việc với Bộ Nội vụ xem xét trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Từ nay cho đến khi sắp xếp lại tổ chức, các đơn vị vẫn tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức đang được giao và sử dụng con dấu cho đến khi có Quyết định mới của Thủ tướng Chính phủ hoặc của Bộ trưởng Bộ y tế.

Trong quá trình thực hiện, nếu có điểm nào cần trao đổi, đề nghị các đơn vị liên hệ với Vụ Tổ chức Cán bộ - Bộ Y tế theo số điện thoại: (04) 8 464 416 / máy lẻ 325.

CHUNG THỰC CÔNG TÁC QUẢN LÝ

SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 12 Tháng 3 Năm 2005

Nơi nhận:

- Như trên,

- Lưu TCCB

- Lưu trữ



BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Trần Thị Trung Chiến

TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP

Nguyễn Văn Hải



CHỦ TỊCH QUỐC HỘI  
HỘI ĐỒNG QUỐC DÂN  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG**  
**NHÀ ĐẤT THUỘC TRỤ SỞ LÀM VIỆC**  
**THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC**

(TẠI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**QUYỀN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NHÀ ĐẤT THUỘC TRỤ SỞ LÀM VIỆC  
THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC TẠI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP**

Theo quy định tại Nghị định số 14/1998/NĐ-CP ngày 06/03/1998 của Chính phủ về quản lý tài sản nhà nước và Quy chế quản lý, sử dụng trụ sở làm việc tại các cơ quan HCSN ban hành theo Quyết định số 20/1999/QĐ-BTC ngày 25/02/1999 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cơ quan HCSN có tên tại Mục I được quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc dưới đây:

**Mục I: Cơ quan được quản lý, sử dụng trụ sở làm việc**

- Tên cơ quan: BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG  
- Địa chỉ cơ quan: Hòa Bình - Phường Tín - Hà Tây  
Điện thoại: 034. 833.227  
- Thuộc Bộ, ngành: Bộ Y tế  
- Địa chỉ cơ sở nhà đất được cấp giấy chứng nhận: Xã Hòa Bình - Phường Tín - Hà Tây

**Mục II: Nhà đất thuộc trụ sở làm việc**

1. Về nhà  
Tổng số ngôi nhà: 17 cái  
Trong đó nhà 2 tầng trở lên: 2 cái  
- Tổng diện tích xây dựng: 16.103 m<sup>2</sup>  
- Tổng diện tích sử dụng: 16.103 m<sup>2</sup>  
Trong đó: + DTSD chính: 16.103 m<sup>2</sup>  
+ DTSD phụ: ..... m<sup>2</sup>  
- Tổng giá trị theo sổ kế toán (ngàn đồng):  
+ Tổng nguyên giá: 20.357.686  
+ Giá trị còn lại: 14.506.083

2. Về đất  
- Thừa đất số: 203  
- Tờ bản đồ số: 5  
- Tổng diện tích khuôn viên: 71.350 m<sup>2</sup>  
- Nguồn gốc thừa đất: UBND Tỉnh Hà Sơn Bình cấp  
- Giá trị khuôn viên đất (ngàn đồng):  
- Hình thức sử dụng:  
Riêng: 71.350 m<sup>2</sup>  
Chung: ..... m<sup>2</sup>

Mục III, Mục IV và Mục V ở các trang sau là thành phần của giấy chứng nhận này

Kia đồng Ngày 15 tháng 2 năm 2003  
TU/ BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH  
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH VÀT GIÁ

Hồ sơ gốc số: .....



GIÁM ĐỐC  
Phạm Đức Hồng

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2011.

**SỞ ĐĂNG KÝ**  
**CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**  
Mã số QLCTNH: 01.000860.T

**I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:**

Tên chủ nguồn thải: **Bệnh viện tâm thần Trung Ương 1.**

Địa chỉ văn phòng: xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04. 338533227 Fax: 04.33853190

Tài khoản số: 301.01.004.0113 tại: Kho bạc Thường Tín-Hà Nội.

Quyết định về việc quy định tổ chức và nhiệm vụ Bệnh viện Đ số: 519/BYT-QĐ

Ngày cấp: 07/6/1963. Nơi cấp: Bộ Y tế.

Tên cơ sở phát sinh CTNH: Bệnh viện tâm thần Trung Ương 1.

Loại hình cơ sở: Bệnh viện công lập.

Địa chỉ cơ sở: xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

**II. Nội dung đăng ký:**

Chủ nguồn thải đã đăng ký với Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội danh sách chất thải nguy hại và danh sách chất thải khác phát sinh tại cơ sở (Phụ lục kèm theo gồm 01 trang).

**III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:**

1. Bảo vệ môi trường, phòng chống ô nhiễm và suy thoái môi trường.
2. Tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.
3. Thực hiện đúng trách nhiệm qui định tại Điều 25 của Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

**IV. Thời hạn và hiệu lực:**

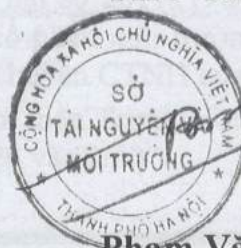
Sở đăng ký này có hiệu lực đến khi cần điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- Thay đổi, bổ sung về chủng loại hoặc tăng từ 15% trở lên so với số lượng CTNH đã đăng ký.
- Thay đổi một trong các thông tin về địa điểm cơ sở hoặc chủ nguồn thải.

Khi chấm dứt hoạt động phải thông báo bằng văn bản và nộp lại Sở đăng ký chủ nguồn thải CTNH cho Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Khánh

**PHỤ LỤC**

(kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 01.000860.T  
do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp ngày 12 tháng 9 năm 2011)

**1. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh trung bình/ 01 tháng tại cơ sở:**

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/ Lỏng/Bùn)	Số lượng (kg)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại chất thải khác có chứa thủy ngân (nhiệt kế vỡ, hồng,..)	Rắn	12	16.01 06
2	Dung dịch thải thuốc hiện ảnh trắng phim gốc nước từ bộ phận chụp X-quang	Lỏng	30	19 01 01
3	Chất thải y tế chứa tác nhân gây lây nhiễm	Rắn	30	13 01 01
4	Cặn bùn thải có chứa thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải của bệnh viện	Bùn	150	03 05 08
<b>Tổng cộng</b>			<b>222</b>	

**2. Danh sách chất thải khác đã đăng ký phát sinh trung bình/01 tháng tại cơ sở:**

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg)
1	Rác thải sinh hoạt	Rắn	35.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>35.000</b>

**3. Bộ hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải CTNH:**

Danh sách các giấy tờ trong bộ hồ sơ đăng ký (Bộ phận không tách rời của Giấy phép này):

- Đơn đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại;
- Quyết định số 519/BYT-QĐ ngày 07/6/1963 quy định tổ chức và nhiệm vụ Bệnh viện “Đ” Thường Tín (kèm theo Quyết định số 6303/YT-TCCB ngày 18/6/2003 của Bộ Y tế v/v triển khai thực hiện Nghị định số 49/2003/NĐ-CP của Chính phủ trong đó có nội dung thay đổi tên của Bệnh viện tâm thần Trung Ương 1; Văn bản số 04/2011/BV ngày 02/5/2011 của Bệnh viện tâm thần Trung Ương 1 về việc giải trình thay đổi tên của Bệnh viện);
- Quyết định số 114/QĐ-TN&MT ngày 31/3/2008 về việc phê duyệt giải pháp bảo vệ môi trường Bệnh viện tâm thần Trung Ương 1 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tây cấp;
- Hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT ngày 31/12/2010 giữa Bệnh viện tâm thần Trung Ương 1 và Công ty TNHH dịch vụ môi trường Phú Thành về việc vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt;
- Hợp đồng vận chuyển-xử lý chất thải rắn y tế nguy hại số 20111198/HĐ-YT ngày 24/6/2011 giữa Bệnh viện tâm thần Trung Ương 1 và Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 10-URENCO 10 (kèm theo Giấy phép hành nghề vận chuyển CTNH của URENCO 10);
- Bản quy trình thu gom, xử lý CTNH tại Bệnh viện tâm thần Trung Ương 1 (kèm theo ảnh chụp kho lưu giữ tạm thời CTNH, có đóng dấu của Bệnh viện vào ảnh)

**BỘ Y TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3143/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt lại Dự án đầu tư Xây dựng, cải tạo, mở rộng Bệnh viện Tâm thần trung ương 1

**BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009, Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4428B/QĐ-BYT ngày 31/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt dự án đầu tư Xây dựng, cải tạo, mở rộng Bệnh viện Tâm thần trung ương 1;

Căn cứ Quyết định số 2849/QĐ-BYT ngày 05/8/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt lại dự án đầu tư Xây dựng, cải tạo, mở rộng Bệnh viện Tâm thần trung ương 1;

Căn cứ Quyết định số 2639/QĐ-BYT ngày 30/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc cho phép điều chỉnh dự án đầu tư Xây dựng, cải tạo, mở rộng Bệnh viện Tâm thần trung ương 1;

Xét Tờ trình số 197/TTr-BV ngày 11/8/2014 của Giám đốc Bệnh viện Tâm thần trung ương 1 kèm hồ sơ xin phê duyệt Dự án đầu tư Xây dựng, cải tạo, mở rộng Bệnh viện Tâm thần trung ương 1;

Xét Tờ trình số 510/TB-CT ngày 14/8/2014 của Vụ TTB và CTYT xin phê duyệt dự án và Biên bản họp thẩm định dự án đầu tư xây dựng Vụ TTB và CTYT họp ngày 13/8/2014 v/v thẩm định Dự án Xây dựng, cải tạo, mở rộng Bệnh viện Tâm thần trung ương 1;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế; Vụ trưởng Vụ Kế hoạch- Tài chính.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt lại Dự án đầu tư Xây dựng, cải tạo, mở rộng Bệnh viện Tâm thần trung ương 1 với nội dung chính sau:

1. **Tên dự án:** Xây dựng, cải tạo, mở rộng Bệnh viện Tâm thần trung ương 1.
2. **Chủ đầu tư:** Bệnh viện Tâm thần trung ương 1.
3. **Cơ quan tư vấn điều chỉnh dự án:** Công ty cổ phần Xây dựng A&D Việt Nam.
4. **Chủ nhiệm lập điều chỉnh dự án:** Ks. Hồ Quang Hải.



*Handwritten notes:*  
 - Chuyết quyết  
 - BQLD, số 038/BQLD  
 - Bộ trưởng: TTT  
 - Học viện Khoa học Sức khỏe  
 - Lưu ở Bộ  
 - CN Minh

**5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:** Xây dựng bệnh viện Tâm thần trung ương 1 có cơ sở vật chất khang trang, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh quy mô 600 giường bệnh đến 2020, là cơ sở đào tạo, thực hành cho các trường đại học y.

**6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng công trình:**

6.1 Xây dựng mới liên khoa điều trị: 14.400 m<sup>2</sup>

6.2 Thiết bị gắn với công trình bao gồm: Thang máy, cấp điện, cấp nước, PCCC, điện nhẹ ...

**7. Địa điểm xây dựng:** khuôn viên bệnh viện, xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, Hà Nội.

**8. Diện tích sử dụng đất:** 6,9 ha.

**9. Loại, cấp công trình:** Công trình dân dụng cấp II.

**10. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):**

10.1 Quy hoạch kiến trúc: kết hợp hài hòa giữa công trình cũ và công trình xây dựng mới, kết hợp bố trí cây xanh tại vị trí trung tâm tạo cảnh quan đẹp, môi trường thoáng mát.

10.2 Thiết kế cơ sở: liên khoa điều trị cao 3 đến 4 tầng là công trình xây dựng chính của dự án với diện tích 14.400 m<sup>2</sup> sàn, đã được Sở Xây dựng Hà Tây thẩm định tại văn bản số 464/TĐ- SXD ngày 27/10/2006.

**11. Thiết bị công nghệ:** gồm các thiết bị gắn với công trình (Thang máy, PCCC, cấp điện, cấp nước, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống khí y tế...).

**12. Phương án giải phóng mặt bằng:** phá dỡ công trình nhà điều trị bệnh nhân xã hội (khoa 2, 4, 6, 7) cũ đã xuống cấp để xây dựng nhà liên khoa điều trị. Chủ đầu tư lập các thủ tục thanh lý tài sản trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để giải phóng mặt bằng xây dựng sau khi dự án được phê duyệt.

**13. Khối lượng đầu tư:** Tiếp tục hoàn thiện đơn nguyên 2, đơn nguyên 3 và lắp đặt thiết bị gắn với công trình của Liên khoa điều trị gồm 3 đơn nguyên tổng diện tích 14.400 m<sup>2</sup> sàn để đưa vào sử dụng và kết thúc dự án.

**14. Tổng mức đầu tư :** 145.352.643.000 đ (Một trăm bốn mươi lăm tỷ, ba trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi ba ngàn đồng); Trong đó:

TT	TÊN CHI PHÍ	TỔNG SỐ	ĐÃ THỰC HIỆN	CHƯA THỰC HIỆN
1	Chi phí xây lắp	118.518.375	67.553.893	50.964.482
2	Chi phí thiết bị gắn với công trình	8.619.747	0	8.619.747
3	Chi phí tư vấn đầu tư	8.644.155	4.988.344	3.655.811
4	Chi phí quản lý dự án	2.306.223	1.256.316	1.049.907
5	Chi phí khác	814.358	606.458	207.900
6	Dự phòng phí	6.440.785	0	6.440.785
	Cộng	145.352.643	74.405.011	70.947.632

**15. Nguồn vốn:** Tổng số 145.352.643.000 đ; Trong đó:

- Vốn Trái phiếu Chính phủ, vốn Đầu tư phát triển: 135.049.000.000 đồng,
- Vốn sự nghiệp và các nguồn vốn khác của Chủ đầu tư: 10.303.643.000 đồng.

(Theo Quyết định 890/QĐ- TTg ngày 10/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ cấp tiếp vốn TPCP kế hoạch 2014- 2015 cho dự án là 64.349.000.000 đ).

**16. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu trực tiếp quản lý thực hiện dự án.

**17. Số bước thiết kế:** Hai bước bao gồm thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

**18. Thời gian thực hiện dự án :** Tiếp tục thực hiện từ 2014; hoàn thành 2015.

**Điều 2.** Bệnh viện Tâm thần trung ương 1 là Chủ đầu tư có trách nhiệm:

1. Quản lý thực hiện dự án theo đúng qui định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng.
2. Tổ chức lập, thuê tư vấn thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - tổng dự toán theo đúng qui định hiện hành của Nhà nước.
3. Tổ chức đấu thầu, lựa chọn đơn vị thi công xây lắp công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, các quy định trước đây trái với các quy định trong Quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 4.** Các ông (bà) Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các vụ: Trang thiết bị và Công trình y tế, Kế hoạch- Tài chính; Cục Quản lý Khám chữa bệnh; Giám đốc Bệnh viện Tâm thần trung ương 1 và các cơ quan/cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận :**

- Như điều 4;
- Các Bộ: KH-ĐT, TC, XD;
- Kho Bạc NN Hà Nội;
- Lưu: VT, TB-CT.

**BỘ TRƯỞNG**



**Nguyễn Thị Kim Tiên**

Số: 289 /NT-PCCC-P3

**XÁC NHẬN**  
**NGHIỆM THU VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 8 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 102/CNTD-PCCC ngày 11/3/2011 của Phòng Cảnh sát PCCC – Công an TP Hà Nội (nay là Cảnh sát PC&CC thành phố Hà Nội) và biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC lập ngày 17/10/2016 của Cảnh sát PC&CC thành phố Hà Nội;

Sau khi xem xét hồ sơ và văn bản đề nghị nghiệm thu về PCCC số 34/CV-BV ngày 10/10/2016 của Bệnh viện tâm thần trung ương I.

Người đại diện là ông/bà: La Đức Cường

- Chức danh: Giám đốc.

**CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY TP HÀ NỘI**  
**XÁC NHẬN**

Công trình: Khu liên khoa điều trị thuộc dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Tâm thần Trung ương I.

Địa điểm: xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Chủ đầu tư: Bệnh viện tâm thần trung ương I.

**Được xác nhận nghiệm thu về PCCC gồm:**

- Bậc chịu lửa, khoảng cách PCCC, giao thông phục vụ chữa cháy, bố trí mặt bằng, lối ra thoát nạn.

- Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy Sprinkler tự động, hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, họng tiếp nước từ xe chữa cháy; trang bị bình chữa cháy, phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn.

**Các yêu cầu kèm theo:**

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu trong biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC lập ngày 17/10/2016 của Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố Hà Nội.

- Đơn vị sử dụng có trách nhiệm đảm bảo các hệ thống đã được nghiệm thu trên hoạt động bình thường trong suốt quá trình đưa vào sử dụng.

Nơi nhận: *Stuhty*

- C66- Bộ Công an (để báo cáo);
- Chủ đầu tư (để thực hiện);
- Phòng CSpC&CC số 12;
- Lưu: P3.

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2016



**GIÁM ĐỐC**

Thiếu tướng Hoàng Quốc Định

Thư Thủ tướng (HỒ CHÍ MINH)

BK/B  
M5 KH/T  
14-TC/ST-  
*[Handwritten signature]*

**BỘ Y TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2244/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch giường bệnh năm 2018 cho các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế

**BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

Căn cứ Nghị quyết số 48/2017/QH14 ngày 10 /11/2017 của Quốc hội Khoá XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-TTg ngày ngày 01/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Y tế,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế chỉ tiêu kế hoạch giường bệnh năm 2018 tại phụ lục đính kèm.

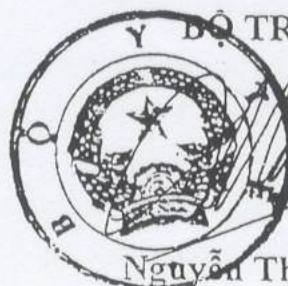
**Điều 2.** Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch giường bệnh được giao, Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2018; báo cáo tình hình triển khai kế hoạch và kết quả thực hiện về Bộ Y tế theo quy định để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Trong trường hợp các đơn vị có nhu cầu điều chỉnh kế hoạch giường bệnh trong năm cho phù hợp với tình hình thực tiễn, đề nghị đơn vị báo cáo và gửi đề xuất điều chỉnh lên Bộ Y tế để xin phê duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng, Cục trưởng, Chánh Thanh tra Bộ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, KH-TC2.



*[Handwritten signature]*

**Nguyễn Thị Kim Tiến**

PHỤ LỤC

GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH GIƯỜNG BỆNH NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 2244/QĐ-BYT ngày 04/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG I

Đơn vị: giường bệnh

STT	Nội dung	Tổng cộng	Giường điều trị nội trú	Giường điều trị ban ngày	Giường phòng khám
1	Giường bệnh kế hoạch (giường được ngân sách nhà nước cấp kinh phí hoạt động)	620	600	20	

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cho Đơn vị trực thuộc Bộ Y tế chỉ tiêu kế hoạch giường bệnh năm 2018 tại phụ lục đính kèm.

Điều 2. Các cơ sở chỉ tiêu kế hoạch giường bệnh được giao. Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2018, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch và kết quả thực hiện về Bộ Y tế theo quy định để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Trong trường hợp các đơn vị có nhu cầu điều chỉnh kế hoạch giường bệnh trong năm cho phù hợp với tình hình thực tế, đề nghị đơn vị báo cáo và gửi đề xuất điều chỉnh lên Bộ Y tế để xin phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng, Cục trưởng, Giám đốc Trung tâm Bộ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:  
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;  
- Các Thủ trưởng;  
- Lưu VT, KHM-TCT



Hà Đông, ngày 20 tháng 4 năm 2021

Kính gửi: Bệnh viện Tâm Thần Trung Ương 1.

Công ty ĐTPT Thủy lợi Sông Nhuệ nhận được đơn đề nghị ngày 15/4/2021 của Bệnh viện Tâm Thần Trung Ương 1 về việc xả nước thải sau xử lý vào hệ thống công trình thủy lợi. Sau khi nghiên cứu nội dung văn bản và hồ sơ gửi kèm, Công ty có ý kiến như sau:

Bệnh viện Tâm Thần Trung Ương 1 đã được UBND thành phố Hà Nội cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước tại Giấy phép số 62/GP-UBND ngày 28/01/2016. Giấy phép đã hết hạn từ ngày 28/01/2019.

1. Căn cứ vào thông tin nêu trên và hồ sơ gửi kèm văn bản, Công ty nhất trí tiếp nhận nguồn nước thải sau xử lý vào công trình thủy lợi theo đơn đề nghị của bệnh viện, cụ thể:

- Phương thức xả thải: toàn bộ nước mưa, nước thải của bệnh viện được thu gom về nơi xử lý nước thải tập trung bố trí trong khuôn viên của bệnh viện. Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn được xả ra kênh Bệnh viện Tâm Thần tại vị trí K0+250 bên phía bờ tả - tương ứng với tọa độ X=2.308.629, Y=587.692, thuộc xã Hòa Bình, huyện Thường Tín; kích thước điểm xả D60cm.

- Chất lượng nước xả thải vào kênh Bệnh viện Tâm Thần: theo hồ sơ là đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế cột B, K=1,0.

- Chế độ xả nước thải: gián đoạn;

- Lưu lượng xả lớn nhất: 320 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Về thời gian đề nghị cấp phép: 03 năm.

2. Các nội dung khác:

- Văn bản này chỉ là thỏa thuận, đồng ý tiếp nhận nguồn nước mưa, nước thải đã được xử lý đạt chuẩn xả vào công trình thủy lợi do Công ty ĐTPT Thủy lợi Sông Nhuệ quản lý.

- Đối với việc xả nước thải: Trước khi tiến hành xả thải vào công trình thủy lợi, Bệnh viện Tâm Thần Trung Ương 1 phải lập đầy đủ hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép theo quy định tại Điều 28 Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi, và gửi đến cơ quan chuyên môn (cơ quan tiếp nhận) để xem xét, kiểm tra; khi hồ sơ hợp lệ sẽ trình cấp có thẩm quyền cấp Giấy phép theo quy định.

- Bệnh viện Tâm Thần Trung Ương 1 chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lệ và tính chính xác của các tài liệu, văn bản,...trong hồ sơ cung cấp cho cơ quan thỏa thuận; cũng như việc tiếp tục vận hành hệ thống thu gom, xử lý ngoài thực địa đảm bảo nước thải đạt yêu cầu khi xả vào công trình thủy lợi - khi đã được cấp phép.

Trên đây là ý kiến thỏa thuận của Công ty ĐTPT Thủy lợi Sông Nhuệ. Đề nghị Bệnh viện Tâm Thần Trung Ương 1 phối hợp thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như đề gửi;
- Đ/c Chủ tịch Cty (để b/c);
- Đ/c TGD Cty (để b/c);
- Đ/c P.TGD Ngô Thanh Sơn;
- XNLT Hồng Vân;
- Lưu: VT, QL.N.CT (Thu).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Ngô Thanh Sơn**

Số: 330 /GP-TCTL-PCTT

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2021

**GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI  
VÀO CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỦY LỢI**

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 25/2017/QĐ-TTg ngày 03/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 24/2019/QĐ-TTg ngày 11/7/2019 sửa đổi Điều 3 Quyết định số 25/2017/QĐ-TTg ngày 03/7/2017;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế;*

*Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi của Bệnh viện Tâm thần Trung ương I và Hồ sơ kèm theo; Văn bản thỏa thuận số 727/CTSN-QLN.CT ngày 20/4/2021 của Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi sông Nhuệ về việc thỏa thuận xả nước thải sau xử lý của Bệnh viện Tâm thần Trung ương I vào hệ thống thủy lợi do Công ty quản lý;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế Thanh tra,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Bệnh viện Tâm thần Trung ương I, địa chỉ: xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội được xả nước thải đã qua xử lý vào công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi sông Nhuệ quản lý, nội dung chính như sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh tiêu Bệnh viện Tâm thần nằm trên tỉnh lộ 427B xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội do Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi sông Nhuệ quản lý.



## 2. Vị trí xả nước thải:

- Kênh tiêu Bệnh viện Tâm thần xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

- Tọa độ xả thải  $X(m) = 2\ 308\ 629$ ;  $Y(m) = 587\ 692$ ;

3. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung được bơm theo đường ống PVC D76 chảy vào cống thoát bê tông cốt thép trong khuôn viên bệnh viện sau đó tự chảy ra kênh tiêu nằm trên tỉnh lộ 427B xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, rồi tự chảy ra hệ thống thủy lợi sông Nhuệ.

4. Chế độ xả nước thải: Liên tục, 24h/ngày đêm;

5. Lưu lượng xả nước thải: Lớn nhất  $Q_{\max} = 320\ m^3$ /ngày đêm;

6. Chất lượng nước thải sau xử lý: Bảo đảm các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế - QCVN 28:2010/BTNMT, cột A với hệ số về quy mô và loại hình cơ sở y tế  $K=1,0$ . Cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép $C_{\max}$ (Cột A, hệ số $K=1,0$ )
1	pH	-	6,5 đến 8,5
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	30
3	COD	mg/l	50
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	6
9	Dầu mỡ thực vật	mg/l	10
10	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0,1
11	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1,0
12	Tổng coliforms	MPN/100ml	3000
13	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH
14	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH
15	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH

7. Thời hạn của Giấy phép 03 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

**Điều 2.** Trách nhiệm của Bệnh viện Tâm thần Trung ương I

1. Thực hiện các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; mọi thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện các nghĩa vụ của tổ chức được cấp Giấy phép quy định tại Điều 32, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

3. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận:

a) Vị trí quan trắc:

- Quan trắc lưu lượng nước thải: Tại cửa xả, sau hệ thống xử lý nước thải tập trung;

- Quan trắc chất lượng nước nguồn tiếp nhận tại hai vị trí, cụ thể:

+ *Vị trí 1:* K0+250 kênh tiêu Bệnh viện Tâm thần, cách cửa xả thải về hạ lưu 50m;

+ *Vị trí 2:* K0+250 kênh tiêu Bệnh viện Tâm thần, cách cửa xả thải về thượng lưu 50m.

b) Thông số quan trắc:

- Lưu lượng xả nước thải đảm bảo không vượt quá lưu lượng xả thải lớn nhất quy định tại Khoản 5 Điều 1 của Giấy phép này;

- Chất lượng nước thải tại cửa xả ra kênh tiêu Bệnh viện Tâm thần bảo đảm các thông số theo quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này;

- Chất lượng nước nguồn tiếp nhận theo quy định tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT;

c) Tần suất quan trắc: 4 lần/năm (ba tháng một lần);

d) Định kỳ lấy mẫu phân tích chất lượng nước thải, chất lượng nước nguồn tiếp nhận phải có sự giám sát của Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi sông Nhuệ;

đ) Quan trắc đột xuất: Trường hợp đột xuất phải tiến hành lấy mẫu thí nghiệm để kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Quy định về chế độ báo cáo:

a) Báo cáo định kỳ: Báo cáo theo quý (ba tháng một lần), Báo cáo tổng hợp năm (thay Báo cáo quý IV) gửi về Tổng cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội và Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi sông Nhuệ (trước ngày 25 của tháng thứ 3). Nội dung báo cáo về tình hình thu gom, xử lý nước thải, các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải, kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải sau xử lý và chất lượng nước nguồn tiếp nhận nước thải theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Giấy phép này;

b) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;



c) Khi có sự cố ảnh hưởng xấu đến chất lượng nguồn nước tiếp nhận và môi trường do việc xả nước thải gây ra, phải báo cáo kịp thời về Tổng cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội, Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi sông Nhuệ.

5. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng sau hệ thống xử lý nước thải tập trung; Thu gom, vận hành hệ thống thoát nước thải theo đúng quy trình vận hành thiết kế. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

6. Ký kết và thực hiện Hợp đồng với Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi sông Nhuệ về việc cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định của pháp luật.

7. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Giấy phép xả nước thải của Tổng cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội, Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi sông Nhuệ, cơ quan quản lý môi trường ở Trung ương và địa phương theo quy định. Chi trả kinh phí trưng cầu giám định của cơ quan kiểm tra theo quy định của pháp luật.

8. Ít nhất bốn mươi lăm (45) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Bệnh viện Tâm thần Trung ương I còn tiếp tục xả nước thải (với các nội dung nêu tại Điều 1 của Giấy phép này) thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định.

**Điều 3.** Bệnh viện Tâm thần Trung ương I được hưởng các quyền theo quy định tại Điều 31 của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi sông Nhuệ có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Giấy phép theo quy định và ký kết, thực hiện hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi với Bệnh viện Tâm thần Trung ương I theo quy định của pháp luật.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Vụ Pháp chế Thanh tra - Tổng cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Giấy phép./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- UBND thành phố Hà Nội;
- Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hà Nội;
- Bệnh viện Tâm thần Trung ương I;
- Công ty TNHH MTV ĐPTT thủy lợi sông Nhuệ;
- Cục Quản lý CTTL;
- Lưu: VT, Hồ sơ cấp phép, PCTTr (12b).



**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Tĩnh**

Số: 263 /GP-UBND

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2021

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước;*

*Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;*

*Căn cứ Quyết định số 8430/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội;*

*Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất của Bệnh viện Tâm thần Trung ương I ngày 30/3/2021 và hồ sơ kèm theo;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 5380/TTr-STNMT-TNN ngày 13/7/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Bệnh viện Tâm thần Trung ương I địa chỉ tại xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội được phép khai thác, sử dụng nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: cấp nước phục vụ sinh hoạt và khám chữa bệnh của Bệnh viện.

2. Vị trí công trình khai thác nước dưới đất: xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

3. Tầng chứa nước khai thác: tầng Pleistocen.

4. Tổng số giếng khai thác: 01 giếng.

5. Tổng lượng nước khai thác: 320m<sup>3</sup>/ngày đêm.

6. Thời hạn của Giấy phép: 03 (ba) năm.

Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:



Số hiệu giếng	Tọa độ (theo tọa độ VN2000)		Lưu lượng (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ngày)	Chiều sâu đoạn thu nước (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y			Từ	Đến			
M1	2.308.013	587.634	320	8	45	65	7,5	30	qp

**Điều 2. Các yêu cầu đối với Bệnh viện Tâm thần Trung ương I:**

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép; Nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1, phải báo cáo và được Ủy ban nhân dân Thành phố đồng ý bằng văn bản.

2. Lắp đặt thiết bị đo tự động và thực hiện việc quan trắc, giám sát mực nước, lưu lượng, chất lượng nước tại các giếng khai thác; kết nối và cung cấp dữ liệu giám sát thường xuyên, liên tục và định kỳ vào hệ thống giám sát theo quy định tại Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định.

Nguồn nước khai thác trước khi đưa vào sử dụng phải được xử lý đảm bảo chất lượng phù hợp với mục đích sử dụng theo quy chuẩn hiện hành.

4. Thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt theo nội dung tại Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và theo quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước.

6. Báo cáo hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất được lập theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo.

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của UBND Thành phố và Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

8. Trong quá trình khai thác nước, nếu mực nước động hạ thấp quá mức cho phép hoặc có sự cố bất thường phải ngừng ngay hoạt động khai thác, kịp

thời báo cáo UBND Thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường và Chính quyền địa phương để được hỗ trợ về chuyên môn và có biện pháp xử lý.

9. Nộp thuế tài nguyên và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Bệnh viện Tâm thần Trung ương I được hưởng quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Bệnh viện Tâm thần Trung ương I còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND huyện Thường Tín; Giám đốc Bệnh viện Tâm thần Trung ương I và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Giấy phép này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
  - Chủ tịch UBND Thành phố; (để báo cáo)
  - VPUB: PCVP V.T.Anh;
  - Cục Quản lý tài nguyên nước;
  - Sở Tài nguyên và Môi trường;
  - Lưu: VT, HS, ĐTN. *vt*
- (22753/2021 - Dung)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Đông

12753(5)



QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Cho phép Bệnh viện Tâm thần Trung ương I địa chỉ tại xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội được phép khai thác, sử dụng nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: cấp nước phục vụ sinh hoạt và khám chữa bệnh của Bệnh viện.

2. Vị trí công trình khai thác nước dưới đất xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

3. Tổng chiều nước khai thác: tầng Pleistocen.

4. Tổng số giếng khai thác: 01 giếng.

5. Tổng lượng nước khai thác: 130m<sup>3</sup>/ngày đêm.

6. Thời hạn của Giấy phép: 03 (ba) năm.

Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
Số: 2325 /GP-SKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2023

**GIẤY PHÉP**  
**Tiến hành công việc bức xạ**  
**(Sử dụng thiết bị X - quang chẩn đoán y tế)**

**GIÁM ĐỐC**  
**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03/06/2008;

Căn cứ Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/02/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 5190/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, An toàn bức xạ và hạt nhân và Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Xét hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ của Bệnh viện Tâm thần Trung ương I ngày 12/9/2023;

Xét đề nghị của Trưởng phòng An toàn bức xạ và hạt nhân.

**CHO PHÉP:**

**BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG I**

**Địa chỉ:** Xã Hoà Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: 024.33853227; Fax:

Được phép sử dụng 03 thiết bị X - quang chẩn đoán y tế có các đặc trưng kèm theo Giấy phép để chụp chẩn đoán bệnh.

Trong quá trình tiến hành công việc bức xạ, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép phải nghiêm chỉnh thực hiện các quy định pháp luật và các điều kiện của Giấy phép.

Giấy phép này có giá trị đến ngày 27/11/2026.

Giấy phép này gia hạn Giấy phép số 672/GP-SKH-CN ngày 06/05/2021./.

**Nơi nhận:**

- BV Tâm thần TW1;
- UBND Thành phố (đề b/c);
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Anh Tuấn**

KVC Coe Đơn vị, Cán nhân đầu mối phải hợp pháp JCMU khai trường và Sơ cấp học, báo cáo lập kế hoạch Ban quản đốc Học quy định.

Thư 02

BỘ Y TẾ  
ĐOÀN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khoảng 15NK Theo Quyết định số 2256/QĐ-BYT

ngày 13 tháng 8 năm 2025

TP. Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2025

Th.S Thủy

theo kế hoạch theo quy định  
của Hội đồng Lây nhiễm  
đoạn quan trọng  
khai lý.

**BIÊN BẢN**

**KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ  
QUẢN LÝ CHẤT THẢI TRONG PHẠM VI KHUÔN VIÊN CƠ SỞ Y TẾ  
TẠI BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG 1**

Thay TP. HCCAT

Thực hiện theo Kế hoạch 1114/KH-BYT và Quyết định số 2256/QĐ-BYT ngày 13/8/2025 của Bộ Y tế về việc thành lập Đoàn Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế tại các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế.

Hôm nay, vào 08h30 ngày 08 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1, Đoàn Kiểm tra theo Quyết định số 2256/QĐ-BYT đã tiến hành kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất thải trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế năm 2025.

**Thành phần Đoàn Kiểm tra gồm:**

1. Ông Dương Chí Nam, Phó Cục trưởng; Cục Phòng bệnh, Bộ Y tế - Trưởng đoàn;
2. Bà Phan Thị Lý, Trưởng Phòng Y tế trường học và Môi trường y tế, Cục Phòng bệnh, Bộ Y tế - Phó Trưởng đoàn;
3. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền, Đại diện Cục Môi trường, Bộ Nông Nghiệp và Môi trường;
4. Bà Cao Thị Hòa, Đại diện Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường;
5. Bà Trương Thúy Hằng, Đại diện Sở Y tế TP. Hà Nội;
6. Bà Phạm Thị Quỳnh Trang, Chuyên viên Cục Phòng bệnh, Bộ Y tế - Thư ký.

**Đại diện Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1:**

1. Ông Lê Ngọc Tú – Phó Giám Đốc Bệnh Viện;
2. Ông Lê Đức Khiêm – Trưởng Phòng Kế Toán;
3. Ông Đinh Quang Thùy – Trưởng Phòng Hành Chính quản trị;
4. Ông Lê Anh Sơn – Phó Trưởng Phòng Hành Chính quản trị
5. Bà Nguyễn Thị Hương – Trưởng khoa Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn.

## **I. Nội dung, phương pháp và địa điểm kiểm tra**

### **1. Nội dung kiểm tra:**

Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất thải y tế theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và các văn bản liên quan.

### **2. Phương pháp kiểm tra:**

- Kiểm tra hồ sơ sổ sách, tài liệu có liên quan.
- Kiểm tra trực tiếp tại một số khoa, phòng về các nội dung nêu trên.
- Đoàn Kiểm tra không lấy mẫu để phân tích nước thải y tế.

### **3. Địa điểm kiểm tra:**

Tại Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1, Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội.

## **II. Kết quả kiểm tra**

Căn cứ vào báo cáo của Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1, kết quả nghiên cứu hồ sơ tài liệu và kiểm tra thực tế, Đoàn Kiểm tra tiến hành lập Biên bản kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất thải trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế với những nội dung sau:

### **1. Thông tin chung:**

- Tên Bệnh viện: Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1.
- Số giường kế hoạch: 620 giường; Số giường thực kê: 599 giường.
- Chất thải y tế lây nhiễm: 3,27 kg/ngày
- Chất thải nguy hại không lây nhiễm: 0,14 kg/ngày.
- Chất thải y tế thông thường khác: 48 kg/ngày.
- Chất thải tái chế: 1,16 kg/ngày
- Lượng nước thải y tế phát sinh trung bình: 306 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

### **2. Kết quả đạt được:**

**2.1. Ghi nhận theo báo cáo của Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1 như sau:**

**2.1.1. Về hồ sơ quản lý chất thải y tế:**

- Giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi số 330/GP-TCTL-PCTTr ngày 05/7/2021 do Tổng Cục Thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp.

- Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 263/GP-UBND ngày 23/7/2021 do Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội cấp.

- Có lập kế hoạch quản lý chất thải y tế, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế;

- Có văn bản phân công Lãnh đạo đơn vị, bộ phận và cán bộ chuyên trách công tác quản lý chất thải y tế bệnh viện-

- Có sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại, chứng từ chất thải nguy hại.

- Có Sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải y tế.

- Các biên bản thanh tra, kiểm tra liên quan: Không có

- Bệnh viện đã thực hiện báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế năm 2024.

#### 2.1.2. Về thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải rắn y tế

- Có trang bị túi, thùng dụng cụ đựng chất thải y tế; Có bảng hướng dẫn phân loại chất thải y tế tại các khoa, phòng.

- Có bố trí khu lưu giữ riêng cho từng loại chất thải y tế.

#### 2.1.3. Xử lý chất thải y tế:

- Chất thải rắn y tế lây nhiễm, chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm: Bệnh viện ký hợp đồng với Công ty Cổ phần đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên môi trường ETC để thu gom, vận chuyển và xử lý (Hợp đồng số 00011/HĐ-BV ngày 02/01/2025, Thời hạn hợp đồng: 01 năm kể từ ngày ký).

- Chất thải y tế thông thường: Bệnh viện ký hợp đồng với Công ty Cổ phần dịch vụ Môi trường Thăng Long (Hợp đồng số: 101/HĐ-BV ngày 15/01/2025, Thời hạn hợp đồng: 01 năm kể từ ngày ký).

- Chất thải tái chế: Bệnh viện ký hợp đồng chuyển giao với Công ty TNHH Bảo Ngọc để thu mua chất thải tái chế (Số 86/HĐKT ngày 31/10/2024, Thời hạn hợp đồng: 01 năm kể từ ngày ký).

#### 2.1.4. Về thu gom và xử lý nước thải y tế

Bệnh viện đã được đầu tư hệ thống xử lý nước thải công nghệ AAO từ Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện do Ngân hàng Thế giới tài trợ, công suất 400 m<sup>3</sup>/ngày đêm, được đưa vào sử dụng năm 2018.

2.1.5. Về thực hiện quan trắc môi trường y tế năm 2024 và 06 tháng đầu năm 2025:

- Năm 2024, Bệnh viện đã thực hiện quan trắc nước thải y tế 04 lần/năm (cụ thể: Đợt 1: tháng 3/2024, Đợt 2: tháng 6/2024; Đợt 3: tháng 10/2024, Đợt 4: tháng 12/2024). Bệnh viện đã thực hiện phân tích nước thải y tế sau xử lý.

- Năm 2025, Bệnh viện đã thực hiện quan trắc nước thải y tế 02 lần (cụ thể: Đợt 1: tháng 3/2025; Đợt 2: tháng 7/2025). Bệnh viện đã thực hiện phân tích nước thải y tế sau xử lý.

2.1.6. Về truyền thông, đào tạo, tập huấn về quản lý chất thải y tế: Bệnh viện đã tổ chức phổ biến Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 cho các cán bộ, nhân viên y tế.

2.1.7. Về kết quả khắc phục tồn tại theo Biên bản thanh tra/kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác quản lý môi trường y tế của cơ quan có thẩm quyền từ năm 2024 đến nay: Không có.

## **2.2. Kiểm tra thực tế tại Khoa Xét nghiệm, Khoa Tâm thần Nhi, Khu vực lưu giữ chất thải y tế, khu vực xử lý nước thải y tế:**

### **2.2.1. Về thực hiện phân loại tại khoa, phòng**

Các khoa đã thực hiện phân loại các loại chất thải y tế tại nơi phát sinh và bố trí túi, thùng, dụng cụ đựng chất thải; Có bảng hướng dẫn phân loại chất thải y tế tại các khoa, phòng.

### **2.2.2. Về khu vực lưu giữ chất thải y tế:**

Bệnh viện có bố trí khu lưu giữ riêng cho từng loại chất thải y tế.

### **2.2.3. Về quản lý nước thải y tế:**

Bệnh viện có hệ thống xử lý nước thải y tế: Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống xử lý nước thải y tế đang hoạt động, đồng hồ đo lưu lượng xả thải hỏng, không hoạt động.

## **3. Một số tồn tại của Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1:**

### **3.1. Về hồ sơ quản lý chất thải y tế**

- Bệnh viện chưa có Giấy phép môi trường (Giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi số 310/GP-TCTL-PCTTr ngày 05/7/2021 đã hết hạn từ tháng 7/2024).

### **3.2. Về quản lý nước thải y tế và quan trắc nước thải y tế**

- Đồng hồ đo lưu lượng xả thải hỏng, không hoạt động.

- Bệnh viện tự lấy mẫu nước thải sau xử lý gửi cho Trung tâm Kỹ thuật đo lường chất lượng quốc gia để phân tích 13/15 Thông số theo Giấy phép xả nước thải số 330/GP-TCTL-PCTTr (không quan trắc tổng hoạt độ phóng xạ  $\alpha$  và  $\beta$ ).

- Kết quả phân tích nước thải sau xử lý như sau:

+ Năm 2024: Kết quả phân tích nước thải sau xử lý không đạt theo cột A QCVN: 28/2010/BTNMT (Quý 01, 03, 04 có thông số PH, Quý 02 có thông số PH, BOD5, COD).

+ Năm 2025: Kết quả phân tích nước thải sau xử lý 02 lần vào tháng 3, 7 năm 2025 đều không đạt theo cột A QCVN: 28/2010/BTNMT (thông số PH).

### **III. Kết luận và kiến nghị**

#### **1. Kết luận và kiến nghị của Đoàn Kiểm tra:**

##### **1.1. Kết luận:**

Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1 đã thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn y tế cơ bản đáp ứng quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và các văn bản liên quan. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại như chưa có Giấy phép môi trường; nước thải y tế chưa đạt yêu cầu trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

##### **1.2. Kiến nghị:**

Đề nghị Bệnh viện khẩn trương tiến hành khắc phục tình trạng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải y tế, đảm bảo xử lý nước thải y tế đạt yêu cầu trước khi xả thải ra môi trường và sửa chữa đồng hồ đo lưu lượng xả thải; khẩn trương tiến hành thủ tục xin cấp Giấy phép môi trường và thực hiện ngay các biện pháp khắc phục các tồn tại đã được Đoàn Kiểm tra nêu tại phần 3, mục II của Biên bản này. Báo cáo kết quả khắc phục, giải trình một số tồn tại trong công tác quản lý chất thải y tế của Bệnh viện đề nghị gửi về Cục Phòng bệnh (Phòng Y tế trường học và Môi trường y tế) trong vòng 30 ngày kể từ ngày kiểm tra để Cục Phòng bệnh tổng hợp, báo cáo Bộ Y tế.

#### **2. Ý kiến và kiến nghị của đơn vị được kiểm tra:**

- Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1 nhất trí và tiếp thu các ý kiến nhận xét của Đoàn Kiểm tra về thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất thải y tế theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế và các văn bản liên quan.

- Bệnh viện sẽ khám trương có kế hoạch khắc phục những tồn tại theo kiến nghị của Đoàn Kiểm tra và sẽ báo cáo kết quả khắc phục về Cục Phòng bệnh (Phòng Y tế trường học và Môi trường y tế) trước ngày 09/10/2025.

Biên bản được lập thành 02 bản tại Bệnh viện Tâm thần Trung ương I và đã được toàn thể các thành viên Đoàn Kiểm tra và Lãnh đạo Bệnh viện nhất trí thông qua. Đoàn Kiểm tra giữ 01 bản, Bệnh viện giữ 01 bản để làm căn cứ thực hiện././



Lê Ngọc Tú

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA  
TRƯỞNG ĐOÀN

Dương Chí Nam

**Các thành viên liên ngành:**

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền, Đại diện Cục Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Bà Trương Thúy Hằng, Đại diện Sở Y tế TP. Hà Nội

- 2. Bà Phạm Thị Lý, Trưởng Phòng Y tế trường học và Môi trường y tế, Cục Phòng bệnh, Bộ Y tế - Phó Trưởng Đoàn.
- 3. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền, Đại diện Cục Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- 4. Bà Cao Thị Hoa, Đại diện Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường.
- 5. Bà Trương Thúy Hằng, Đại diện Sở Y tế TP. Hà Nội.
- 6. Bà Phạm Thị Quỳnh Hằng, Chuyên viên Cục Phòng bệnh, Bộ Y tế.
- Đại diện Bệnh viện Tâm thần Trung ương I:
- 1. Ông Lê Ngọc Tú - Phó Giám Đốc Bệnh Viện.
- 2. Ông Lê Đức Khuyến - Trưởng Phòng Kế Toán.
- 3. Ông Đinh Quang Thủy - Trưởng Phòng Hành Chính quản trị.
- 4. Ông Lê Anh Sơn - Phó Trưởng Phòng Hành Chính quản trị.
- 5. Bà Nguyễn Thị Hương - Trưởng Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn.

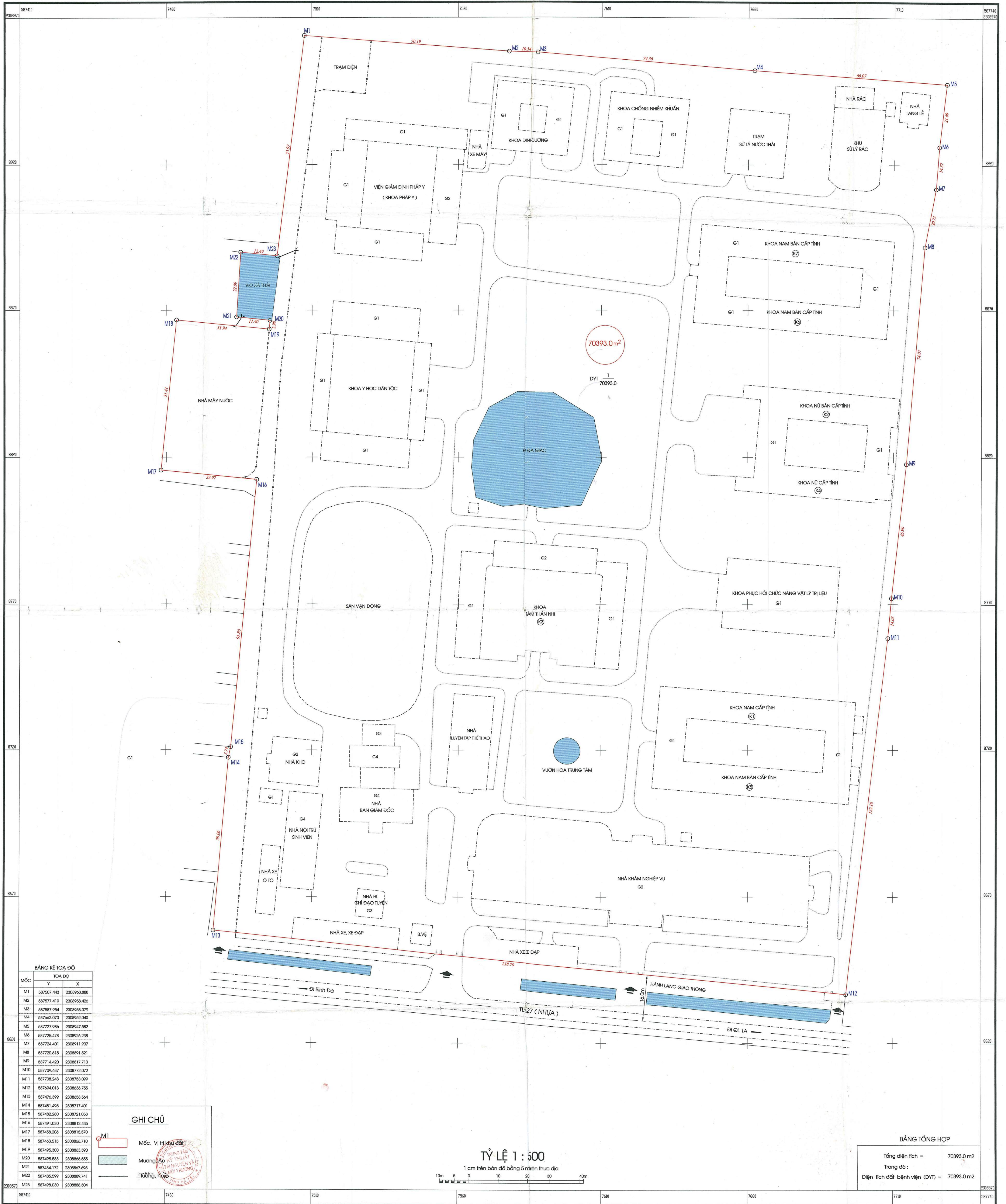
## **PHỤ LỤC 2**

### **CÁC SƠ ĐỒ BẢN VẼ TỔNG THỂ**

1. Bản vẽ mặt bằng tổng thể năm 2008 (trước khi xây dựng khu nhà liên khoa điều trị) - *Với diện tích bệnh viện đã được đo đạc lại chính xác*
2. Bản vẽ mặt bằng tổng thể năm 2015 (sau khi đã xây dựng khu nhà liên khoa điều trị)
3. Bản vẽ hệ thống thu gom thoát nước thải

TRÍCH ĐO BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG  
 BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG I  
 ĐỊA ĐIỂM : XÃ HOÀ BÌNH - HUYỆN THƯỜNG TÍN - TỈNH HÀ TÂY

BẢN VẼ MẶT BẰNG TỔNG THỂ NĂM 2008  
 (TRƯỚC KHI XÂY DỰNG NHÀ LIÊN KHOA ĐIỀU TRỊ)



Do vẽ: Tháng 6 năm 2008  
 Cơ sở vẽ: Trung tâm Kỹ thuật TN & MT Hà Tây

Kiểm tra: Ngày 6 tháng 6 năm 2008  
 CGK: Phòng ĐKDD Sở TN và MT Hà Tây

Ngày 6 tháng 6 năm 2008  
 Cán bộ địa chính xã Hoà Bình

Công nhận do vẽ đúng hiện trạng  
 Ngày 6 tháng 6 năm 2008  
 Chủ tịch UBND xã Hoà Bình

Ngày 6 tháng 6 năm 2008  
 Phòng TN & MT Huyện Thường Tín

Duyệt ngày 27 tháng 6 năm 2008  
 Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tây

PHÓ GIÁM ĐỐC  
 Lê Quang Trung

Vi Xuân Trường

Nguyễn Văn Cường

CHỦ TỊCH  
 Vũ Thế Nghĩa

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
 Đặng Hải Lạc

GIÁM ĐỐC  
 Nguyễn Hòa Nghĩa

# BẢN VẼ MẶT BẰNG TỔNG THỂ NĂM 2015 (SAU KHI XÂY DỰNG NHÀ LIÊN KHOA ĐIỀU TRỊ)



**CHỦ ĐẦU TƯ:**

BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG 1

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ**



CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
ADZ VIỆT NAM

**CÔNG TRÌNH:**

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ CHẤT THẢI  
BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG 1

**ĐỊA ĐIỂM:**

XÃ HÒA BÌNH, HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI

**HẠNG MỤC:**

THIẾT KẾ PHẦN XÂY DỰNG

**GIÁM ĐỐC**

*Duy* VŨ DUY

**CHỦ TRÌ THIẾT KẾ**

*Huong* HÀ TIẾN DŨNG

**VẼ**

*T Sơn* TRỊNH SƠN HÀ

**KIỂM TRA**

*Huong* HÀ TIẾN DŨNG




**TÊN BẢN VẼ**

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

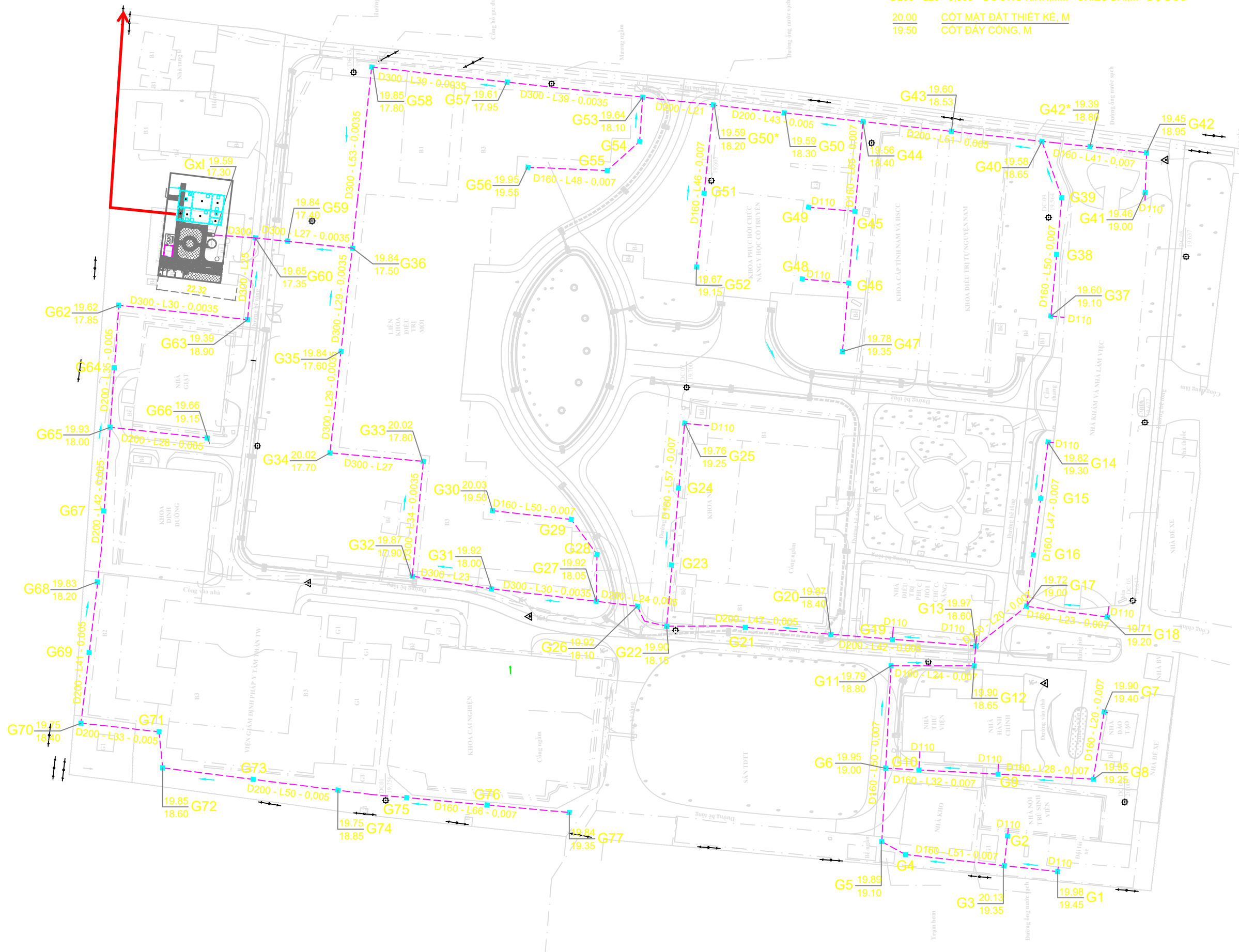
NGÀY	SỬA ĐỔI
TỶ LỆ	
KÍ HIỆU BẢN VẼ	TKTC - XD: HT-01
HOÀN THÀNH	2015






# MẶT BẰNG QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI

## GHI CHÚ:

-  : HƯỚNG NƯỚC CHẢY
  -  : CÔNG THOÁT NƯỚC THẢI
  -  KÝ HIỆU GIẾNG THĂM
  - G1** TÊN GIẾNG THĂM
- D200 - L20 - 0,005 ĐƯỜNG KÍNH,MM - CHIỀU DÀI,M - ĐỘ DỐC
- 20.00 CỘT MẶT ĐẤT THIẾT KẾ, M  
19.50 CỘT ĐÁY CÔNG, M

ĐIỂM Xả Nước  
Thải RA KINH TỬ



<b>CHỦ ĐẦU TƯ:</b>	
BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG 1	
<b>ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:</b>	
 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ADZ VIỆT NAM	
<b>CÔNG TRÌNH:</b>	
XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ CHẤT THẢI BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG 1	
<b>ĐỊA ĐIỂM:</b>	
XÃ HÒA BÌNH, HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	
<b>HẠNG MỤC:</b>	
THIẾT KẾ PHẦN XÂY DỰNG	
<b>GIÁM ĐỐC:</b>	
 VŨ DUY	
<b>CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:</b>	
 HÀ TIẾN DŨNG	
<b>VỀ:</b>	
 TRỊNH SƠN HÀ	
<b>KIỂM TRA:</b>	
 HÀ TIẾN DŨNG	
<b>TÊN BẢN VẼ:</b>	
MẶT BẰNG QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI	
NGÀY	SỬA ĐỔI
TỶ LỆ	
KÍ HIỆU BẢN VẼ	TKTC - XD: NT-01
HOÀN THÀNH	2015

### **PHỤ LỤC 3**

## **HỢP ĐỒNG CẢI TẠO VÀ CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN ĐẾN HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI 400 M<sup>3</sup>/NGÀY ĐÊM**

1. Hợp đồng cải tạo hệ thống XLNT
2. Các bản vẽ hoàn công hệ thống XLNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2025

**HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

Số: 06 /2025/HĐ-XD

GÓI THẦU : “SỬA CHỮA TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CỦA BỆNH VIỆN”

**GIỮA**

**BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG I**

**VÀ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI B&G**

## PHẦN I - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/6/2014 của Quốc hội; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, ngày 12/5/2015 của Chính phủ, về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn mẫu Hợp đồng thi công xây dựng;

Căn cứ Quyết định số: 25.../QĐ-XDBV ngày 06.../10.../2025 của Giám đốc Bệnh viện Tâm thần Trung ương I về việc phê duyệt dự toán gói thầu: "Sửa chữa trạm xử lý nước thải của Bệnh viện";

Căn cứ Quyết định số: 26.../QĐ-XDBV ngày 06.../10.../2025 của Giám đốc Bệnh viện Tâm thần Trung ương I về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: "Sửa chữa trạm xử lý nước thải của Bệnh viện";

Căn cứ Quyết định số: 27.../QĐ-XDBV ngày 05.../10.../2025 của Giám đốc bệnh viện Tâm thần Trung ương I về việc phê duyệt phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: "Sửa chữa trạm xử lý nước thải của Bệnh viện";

Căn cứ Thông báo số: 28.../TB-XDBV ngày 05.../10.../2025 của Giám đốc bệnh viện Tâm thần Trung ương I về việc thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu thi công gói thầu: "Sửa chữa trạm xử lý nước thải của Bệnh viện";

Căn cứ vào biên bản thương thảo hợp đồng thi công xây dựng giữa chủ đầu tư và nhà thầu ngày 05.../10.../2025.

## PHẦN II - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 16/10/2025, tại Bệnh viện Tâm thần Trung ương I, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

### 1. Chủ đầu tư (Bên giao thầu gọi tắt là bên A):

- Tên đơn vị : **Bệnh Viện Tâm Thần Trung Ương I**

- Đại diện : Ông Nguyễn Mạnh Phát Chức vụ: **Giám Đốc Bệnh viện**

- Địa chỉ : Xã Thường Tín - Hà Nội

- Điện thoại : 02433.853.227 Fax: 02433.853.190

- Số tài khoản: **9527.1.1057139; 9523.1.1057139; 3716.1.057139.00000** tại Kho bạc huyện Thường tín, tp Hà Nội.

### 2. Nhà thầu (Bên nhận thầu gọi là bên B):

- Tên đơn vị : **Công ty Cổ phần Công nghệ và thương mại B&G.**

- Đại diện : Ông Nguyễn Văn Hùng Chức vụ: **Giám Đốc**

- Địa chỉ : Số nhà 47, Ngõ 218, Phố chợ Khâm Thiên, Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, TP Hà Nội, Việt Nam.

- Điện thoại : 0912131008;

- Đơn vị thụ hưởng: Công ty Cổ phần Công nghệ và thương mại B&G.

- Tài khoản số: **064 1100132007** tại: Ngân hàng Thương mại CP Quân Đội – CN Đống Đa, PGD Đào Duy Anh, TP.Hà Nội.

- Mã số thuế: **0103714856.**

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng thi công xây dựng của gói thầu: “Sửa chữa trạm xử lý nước thải của Bệnh viện” với các nội dung sau:

### Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Trong hợp đồng này các từ và cụm từ được hiểu như sau:

- “**Chủ đầu tư**” là Bệnh viện Tâm thần Trung ương I;

- “**Nhà thầu**” là Công ty Cổ phần Công nghệ và thương mại B&G.

- “**Đại diện chủ đầu tư**” là người được chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng thay mặt cho chủ đầu tư.

- “**Đại diện nhà thầu**” là người được nhà thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được nhà thầu ủy quyền bằng văn bản và điều hành công việc thay mặt nhà thầu.

- “**Hợp đồng**” là toàn bộ hồ sơ hợp đồng, theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên].

- “**Dự thảo hợp đồng**” toàn bộ tài liệu dự thảo của chủ đầu tư về hợp đồng thi công xây dựng công trình.

- “**Chỉ dẫn kỹ thuật**” là tập hợp các yêu cầu kỹ thuật dựa trên các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình, thiết kế xây dựng công trình đề hướng

dẫn, quy định về vật liệu, sản phẩm, thiết bị sử dụng cho công trình và các công tác thi công, giám sát, nghiệm thu công trình xây dựng.

- "**Bên**" là chủ đầu tư hoặc nhà thầu tùy theo ngữ cảnh diễn đạt.

- "**Ngày khởi công**" là ngày được thông báo theo khoản 7.1 [Ngày khởi công, thời gian thực hiện hợp đồng].

- "**Biên bản nghiệm thu**" là biên bản được phát hành theo Điều 6 [Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm Hợp đồng thi công xây dựng]

- "**Ngày**" được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

- "**Ngày làm việc**" là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ lễ, tết, dịch bệnh theo quy định của pháp luật.

- "**Thiết bị của nhà thầu**" là toàn bộ thiết bị máy móc, phương tiện, xe cộ và các phương tiện, thiết bị khác yêu cầu phải có để nhà thầu thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa bất cứ sai sót nào (nếu có).

- "**Luật**" là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- "**Công trường**" là địa điểm Chủ đầu tư giao cho Nhà thầu thi công để thi công Gói thầu: "Sửa chữa trạm xử lý nước thải của Bệnh viện".

- "**Thay đổi**" là sự thay đổi (điều chỉnh) phạm vi công việc, chỉ dẫn kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, giá hợp đồng hoặc tiến độ thi công khi có sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư.

## **Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên**

2.1. Hồ sơ hợp đồng xây dựng gồm thỏa thuận hợp đồng này và các tài liệu kèm theo hợp đồng.

2.2. Các tài liệu kèm theo của hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng, bao gồm :

- a) Văn bản thông báo trúng thầu.
- b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng.
- c) Điều kiện chung của hợp đồng.
- d) Dự thảo hợp đồng của chủ đầu tư.
- e) Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật.
- f) Biên bản thương thảo hợp đồng, các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng.
- g) Phụ lục của hợp đồng.
- h) Các tài liệu khác có liên quan.

2.3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

## **Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng**

- Hợp đồng chịu sự điều tiết của hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội

Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Ngôn ngữ giao dịch là tiếng Việt.

**Điều 4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:** (Không áp dụng)

**Điều 5. Nội dung và khối lượng công việc**

Nhà thầu thực hiện công việc thi công xây dựng gói thầu: "Sửa chữa trạm xử lý nước thải của Bệnh viện" theo đúng nội dung công việc (kể cả phần sửa đổi được chủ đầu tư chấp thuận) được mô tả trong dự thảo hợp đồng được chủ đầu tư chấp nhận và biên bản thương thảo hợp đồng, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng.

**Điều 6. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng mục công trình**

6.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của Hợp đồng thi công xây dựng:

a) Công trình phải được thi công theo khối lượng công việc (kể cả phần sửa đổi phát sinh được chủ đầu tư chấp thuận) được nêu trong Dự thảo hợp đồng, phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình xây dựng của nhà nước có liên quan; nhà thầu phải có sơ đồ và thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng thi công, giám sát chất lượng thi công của mình.

b) Nhà thầu đảm bảo vật tư, thiết bị do Nhà thầu cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của hồ sơ hợp đồng.

6.2. Kiểm tra, giám sát của chủ đầu tư.

a) Chủ đầu tư được quyền vào các nơi trên công trường và các nơi khai thác nguyên vật liệu tự nhiên của Nhà thầu để kiểm tra:

b) Trong quá trình sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng ở trên công trường, nơi được quy định trong Hợp đồng Chủ đầu tư được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu, và kiểm tra quá trình gia công, chế tạo thiết bị, sản xuất vật liệu.

Nhà thầu sẽ tạo mọi điều kiện cho người của Chủ đầu tư để tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm đi bất cứ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Nhà thầu.

Đối với các công việc mà người của Chủ đầu tư được quyền xem xét đo lường và kiểm định, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết khi bắt kỳ công việc nào như vậy đã xong và trước khi được phủ lấp, hoặc không còn được nhìn thấy hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Khi đó Chủ đầu tư sẽ tiến hành ngay việc kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định không được chậm trễ mà không cần lý do, hoặc thông báo ngay cho Nhà thầu là Chủ đầu tư không đòi hỏi phải làm như vậy.

6.3. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành:

a) Chủ đầu tư chỉ nghiệm thu các sản phẩm của Hợp đồng khi sản phẩm của các công việc này đảm bảo chất lượng theo quy định tại khoản 6.1 nêu trên.

b) Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của Hợp đồng là các bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi phát sinh được Chủ đầu tư chấp thuận); thuyết minh kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ kết quả thí nghiệm; biểu mẫu nghiệm thu bàn giao

c) Hồ sơ nghiệm thu, bàn giao gồm:

- Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng hoàn thành (Theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng do 02 Bên thống nhất trên cơ sở quy định của Nhà nước)

#### 6.4. Nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng mục công trình:

Sau khi các công việc theo Hợp đồng được hoàn thành, đáp ứng các điều kiện để nghiệm thu theo quy định tại Điều 31 nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, yêu cầu của hợp đồng thì nhà thầu và chủ đầu tư tiến hành nghiệm thu công trình. Sau khi công trình đủ điều kiện để nghiệm thu, hai Bên lập biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành theo Hợp đồng. Nếu có những công việc nhỏ còn tồn đọng lại và các sai sót về cơ bản không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng công trình thì những tồn đọng này được ghi trong biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình và Nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn thành những tồn đọng này bằng chi phí của mình.

Trường hợp công trình chưa đủ điều kiện để nghiệm thu, bàn giao; các bên xác định lý do và ghi cụ thể những công việc mà nhà thầu phải làm để hoàn thành công trình.

Việc kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của nhà nước.

#### 6.5. Trách nhiệm của Nhà thầu đối với các sai sót.

a) Bằng kinh phí của mình Nhà thầu phải hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào ngày đã nêu trong biên bản nghiệm thu, bàn giao trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư yêu cầu.

b) Trường hợp không sửa chữa được sai sót:

- Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng và thông báo cho Nhà thầu biết về ngày này.

- Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, Chủ đầu tư có thể tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác sửa chữa và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí (Nhà thầu không được kiến nghị về chi phí sửa chữa nếu không cung cấp được tài liệu chứng minh sự thiếu chính xác trong cách xác định chi phí sửa chữa của Chủ đầu tư). Nhà thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về công

việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với công trình theo Hợp đồng.

c) Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư không sử dụng được công trình hay phần lớn công trình cho mục đích đã định thì Chủ đầu tư sẽ chấm dứt Hợp đồng. Khi đó, theo Hợp đồng Nhà thầu sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư theo hợp đồng và theo các quy định pháp luật.

d) Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa ngay trên công trường được và được Chủ đầu tư đồng ý, Nhà thầu có thể chuyển khối công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.

#### 6.6. Các kiểm định thêm.

Nếu việc sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng làm ảnh hưởng đến sự vận hành của công trình, Chủ đầu tư có thể yêu cầu tiến hành lại bất cứ cuộc kiểm định nào nêu trong Hợp đồng, bao gồm cả các cuộc kiểm định khi hoàn thành và kiểm định sau khi hoàn thành. Yêu cầu này được thông báo trong khoảng thời gian 30 ngày sau khi đã sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng.

Các kiểm định này phải được tiến hành theo các điều kiện được áp dụng cho các kiểm định trước, chỉ khác là được tiến hành bằng kinh phí của Nhà thầu.

#### 6.7. Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành

Sau khi đã cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao, mỗi Bên sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện tại thời điểm đó. Hợp đồng vẫn được coi là có hiệu lực đối với nội dung và phạm vi của những nghĩa vụ chưa được hoàn thành.

### **Điều 7. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng**

#### 7.1. Ngày khởi công, thời gian thực hiện hợp đồng.

Ngày khởi công công trình là ngày 11/10/2025.

Nhà thầu sẽ bắt đầu tiến hành thi công xây dựng công trình (ngay sau ngày khởi công) và sẽ thực hiện thi công xây dựng công trình đúng thời gian thực hiện Hợp đồng mà không được chậm trễ.

Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ công việc theo nội dung của Hợp đồng trong khoảng thời gian 75 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực (tính liên tục cả ngày nghỉ thứ 07 và chủ nhật - trừ ngày lễ tết, dịch bệnh theo quy định).

#### 7.2. Tiến độ thực hiện Hợp đồng.

Nhà thầu thực hiện hợp đồng trong vòng 75 ngày kể từ ngày khởi công.

#### 7.3. Gia hạn thời gian hoàn thành.

Nhà thầu được phép theo Điều 15

[Khiếu nại và xử lý các tranh chấp] gia hạn thời gian hoàn thành nếu do một trong những lý do sau đây:

a) Có sự thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng.

b) Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng như: ảnh hưởng của động đất, dịch bệnh, bão, lũ, lụt, sóng thần, hoả hoạn, dịch hoạ hoặc các sự kiện bất khả kháng khác;

c) Sự chậm trễ, trở ngại trên công trường do Chủ đầu tư, nhân lực của Chủ đầu tư hay các nhà thầu khác của Chủ đầu tư gây ra như: việc bàn giao mặt bằng, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra.

#### 7.4 Khắc phục tiến độ chậm trễ

Khi tiến độ đã bị chậm hơn so với tiến độ thi công như các Bên đã thoả thuận trong Hợp đồng của công việc đó mà không phải do những nguyên nhân đã nêu trong khoản 7.3 [Giá hạn thời gian hoàn thành], khi đó Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu trình một bản tiến độ thi công được sửa đổi để thực hiện tiến độ hoàn thành trong thời gian yêu cầu.

### **Điều 8. Giá trị Hợp đồng, hình thức hợp đồng, tạm ứng và thanh toán HĐ**

#### 8.1. Giá Hợp đồng

Tổng giá trị hợp đồng là: **498.528.000 đồng.**

*(Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi tám triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn đồng).*

Trong đó bao gồm:

+ Chi phí xây lắp công trình: 498.528.000 VND.

(Có Bảng phụ lục chi tiết giá hợp đồng kèm theo).

Hình thức hợp đồng: **Hợp đồng trọn gói theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền.**

Giá Hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo Hợp đồng, đến bàn quyền, lợi nhuận của Nhà thầu và tất cả các loại thuế liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật.

Giá Hợp đồng chỉ được điều chỉnh theo quy định tại Điều 9 [Điều chỉnh giá Hợp đồng].

#### 8.2. Tạm ứng, thu hồi tạm ứng

##### a) Tạm ứng

Nhà thầu tự ứng vốn thi công công trình, khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu thì chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu.

b) Thu hồi tạm ứng: Không áp dụng

#### 8.3. Thanh toán

Chủ đầu tư sẽ thanh toán 100% khối lượng hoàn thành cho nhà thầu, trên cơ sở khối lượng được chủ đầu tư xác nhận và đơn giá đã được kí kết trong hợp đồng này.

#### 8.4. Thời hạn thanh toán:

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu.

### 8.5. Đồng tiền và hình thức thanh toán:

a) Đồng tiền thanh toán: hợp đồng sẽ được thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam (VND).

b) Hình thức thanh toán: thanh toán bằng hình thức chuyển khoản.

### 8.6. Hồ sơ thanh toán:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng), biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết;

- Bảng xác định giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có) nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư hoặc đại diện Nhà thầu vẫn giám sát thực hiện hợp đồng (nếu có) và đại diện Nhà thầu;

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu.

### Điều 9. Điều chỉnh giá Hợp đồng:

- Giá hợp đồng không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng đối với khối lượng công việc thuộc phạm vi hợp đồng đã ký kết, khối lượng phát sinh khi 2 bên thống nhất và ký phụ lục Hợp đồng, giá trị Hợp đồng sẽ được cộng thêm giá trị tương ứng công việc phát sinh cụ thể:

a) Trường hợp khối lượng công việc phát sinh hợp lý ngoài phạm vi Hợp đồng đã ký (*khối lượng nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế*) có tính chất tương tự công việc đã có đơn giá trong hợp đồng thì đơn giá khối lượng các công việc phát sinh được tính theo đơn giá các công việc tương tự đó.

b) Trường hợp khối lượng phát sinh chưa có tính chất tương tự công việc nào đã có đơn giá trong hợp đồng thì đơn giá khối lượng công việc phát sinh được xác định theo hướng dẫn của Bộ xây dựng thời điểm hiện tại và được hai bên thống nhất;

c) Trường hợp bất khả kháng do thiên tai như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hoả hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh và các thảm họa khác chưa lường hết được. Khi đó các bên tham gia hợp đồng thương thảo để xác định giá trị hợp đồng điều chỉnh phù hợp với các quy định của pháp luật.

### Điều 10. Bảo đảm thực hiện hợp đồng: (Không áp dụng)

### Điều 11. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

**Điều 12. Tư vấn giám sát:** (Không áp dụng).

**Điều 13. Vật tư, máy móc, thiết bị**

Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị sử dụng cho công trình đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật và được kiểm định theo quy định của pháp luật.

Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.

Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.

**Điều 14. Nghiệm thu, hoàn công**

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện chủ đầu tư và nhà thầu ký xác nhận.

**Điều 15. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp**

15.1. Khiếu nại.

Thực hiện theo quy định nêu tại Điều 44 Nghị định 37/2015/ND-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ.

15.2. Xử lý các tranh chấp.

Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 07 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các Bên sẽ gửi vấn đề lên trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Toà án Nhân dân) theo quy định của pháp luật. Quyết định của trọng tài (hoặc Toà án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các Bên.

15.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

**Điều 16. Hiệu lực hợp đồng**

16.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 10 năm 2025.

16.2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng gồm 16 điều, 11 trang + 11 trang phụ lục Bảng đơn giá hợp đồng được lập thành 06 bộ tiếng Việt, chủ đầu tư giữ 04 bộ, nhà thầu giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ** 



GIÁM ĐỐC  
TS.BS Nguyễn Mạnh Phát

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU**



GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Văn Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

\*\*\*

# BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH : XÂY DỰNG HỆ THỐNG THU GOM, NHÀ ĐIỀU HÀNH, TRẠM XỬ LÝ, KHỐI BÊ BÊ TÔNG, CUNG CẤP  
VÀ LẮP ĐẶT TRANG THIẾT BỊ XỬ LÝ THẢI

ĐỊA ĐIỂM : XÃ HÒA BÌNH – HUYỆN THƯỜNG TÍN – TP HÀ NỘI

CHỦ ĐẦU TƯ : BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG I

ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT: CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG PHƯƠNG ĐÔNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ADZ VIỆT NAM

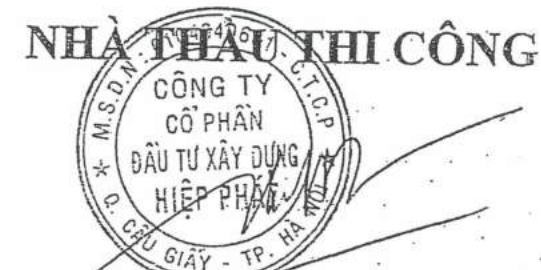
NHÀ THẦU THI CÔNG : LIÊN DANH CÔNG TY CP ĐTXD HIỆP PHÁT – CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI B&G

CHỦ ĐẦU TƯ



K/T GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

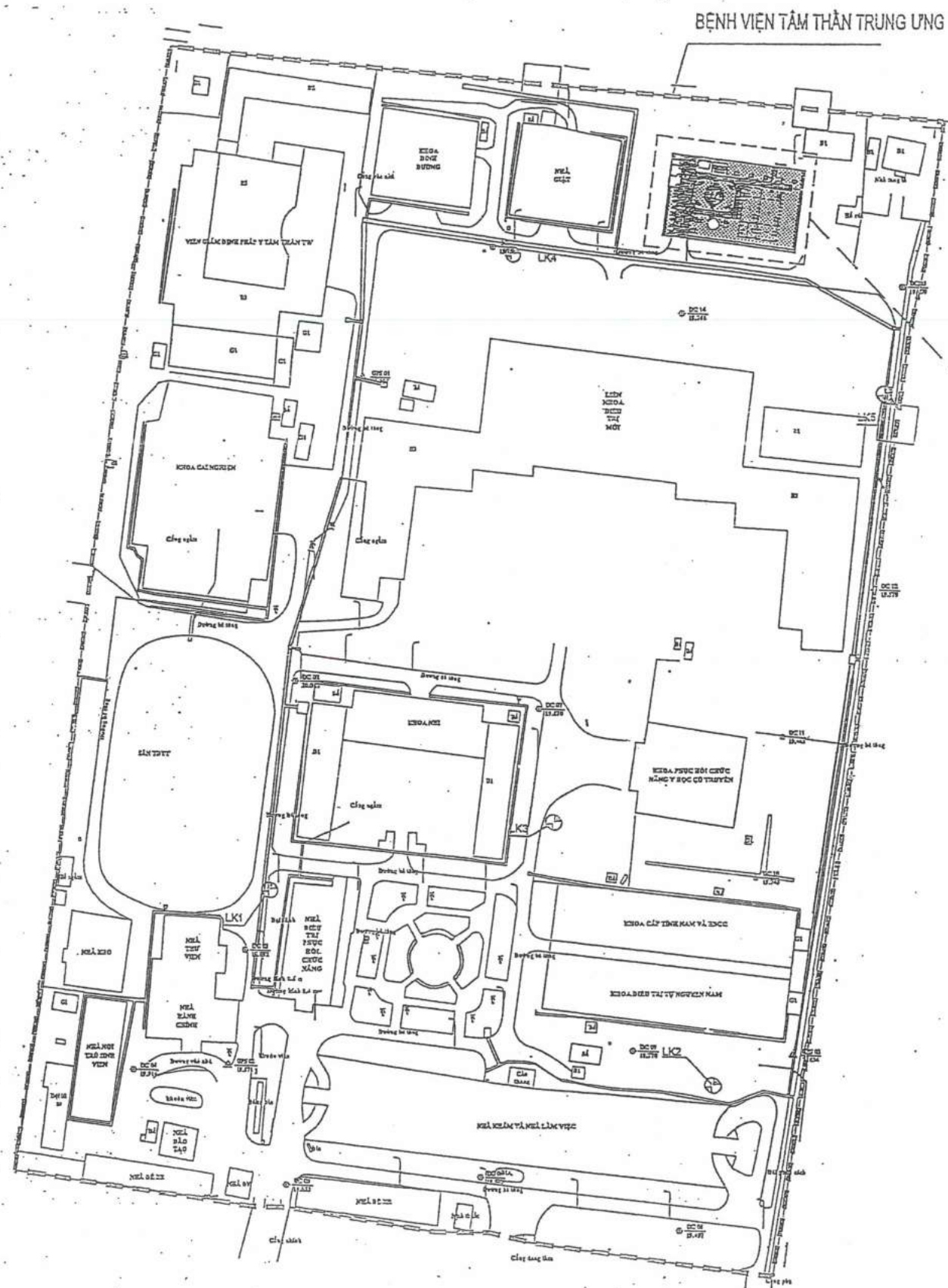
*Nguyễn Thanh Bình*



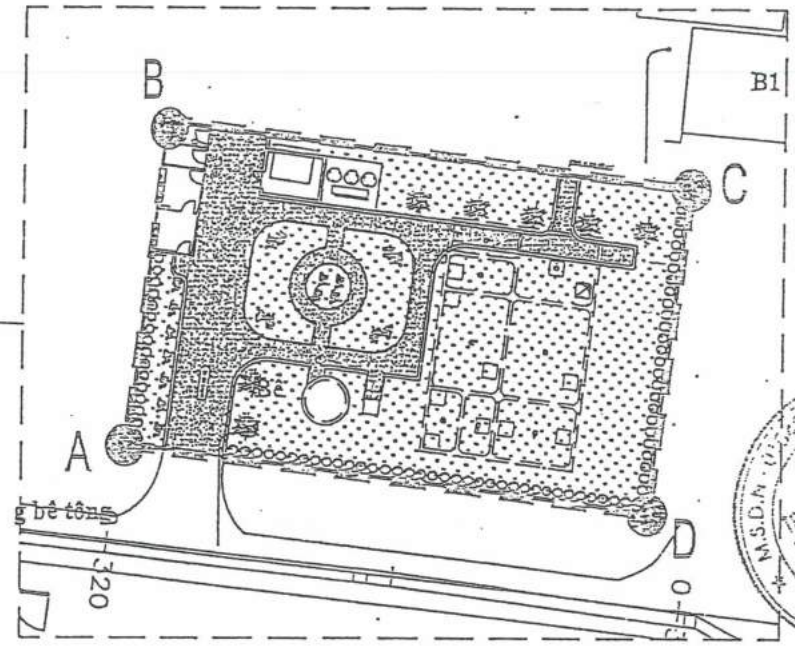
GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Hải Dương*

HÀ NỘI, 2017



CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN "ADZ"  
**ĐÁNH DẤU ĐUA**  
 Ngày... tháng... năm...  
 Người thẩm tra...



**TRẠM XỬ LÝ NƯỚC**  
 - DIỆN TÍCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: 814,043 M<sup>2</sup>  
 - ĐƯỢC GIỚI HẠN BỞI CÁC ĐIỂM A1, B1, C1, D1, A1

TỌA ĐỘ ĐIỆN GIỚI HẠN TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
	X	Y
A	587655.42	2308911.15
B	587558.23	2308933.21
C	587634.47	2308928.50
D	587691.66	2308906.53

CHỦ ĐẦU TƯ:  
 BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG 1

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:  
**ADZ**  
 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
 ADZ VIỆT NAM

CÔNG TRÌNH:  
 XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ CHẤT THẢI  
 BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG 1

ĐỊA ĐIỂM:  
 XÃ HÒA BÌNH, HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI

HẠNG MỤC:  
 THIẾT KẾ PHẦN XÂY DỰNG



VŨ DUY  
 CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

VỀ  
 TRỊNH SƠN HÀ

KIỂM TRA  
 HÀ TIẾN DŨNG

TÊN BẢN VẼ  
 MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

NGÀY: SỬA ĐỔI

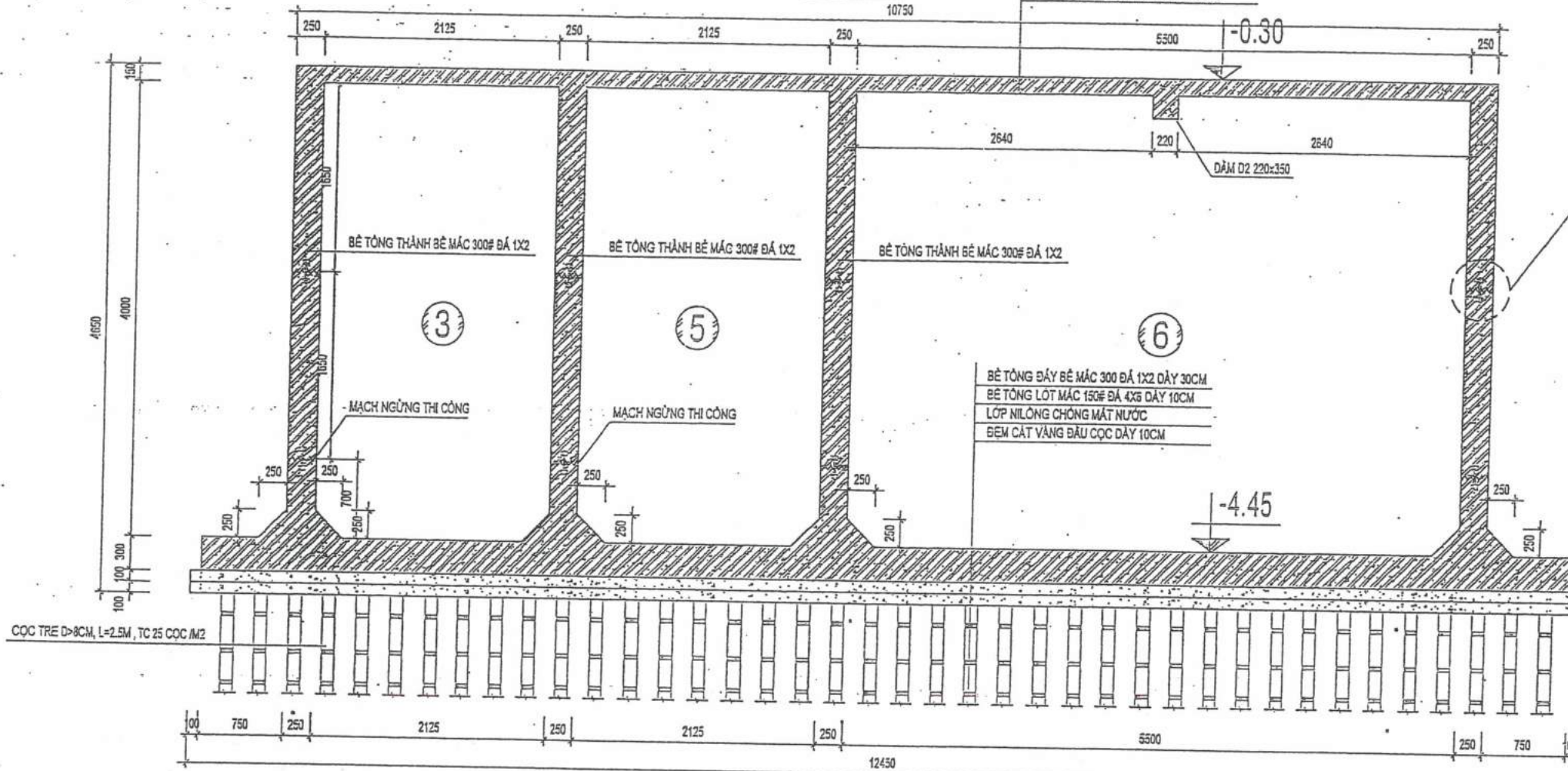
TỶ LỆ:  
 SỐ HIỆU BẢN VẼ: TKTC - XD: 01

MẶT BẰNG TỔNG THỂ BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG 1

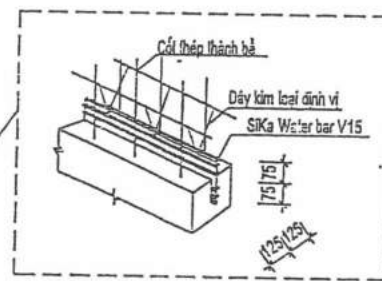
BỂ LẮNG SƠ CẤP - BỂ YẾM KHÍ - BỂ ANOXIC

MẶT CẮT A-A

QUÉT LỚP CHỐNG THẤM  
BÊ TÔNG MẮC 300# ĐÁ 1X2 DÀY 15CM



CHI TIẾT MẠCH NGỪNG



CHỦ ĐẦU TƯ:

BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG 1

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ



CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
ADZ VIỆT NAM

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ CHẤT THẢI  
BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG 1

ĐỊA ĐIỂM:

XÃ HÒA BÌNH, HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI

HẠNG MỤC:

THIẾT KẾ PHẦN XÂY DỰNG

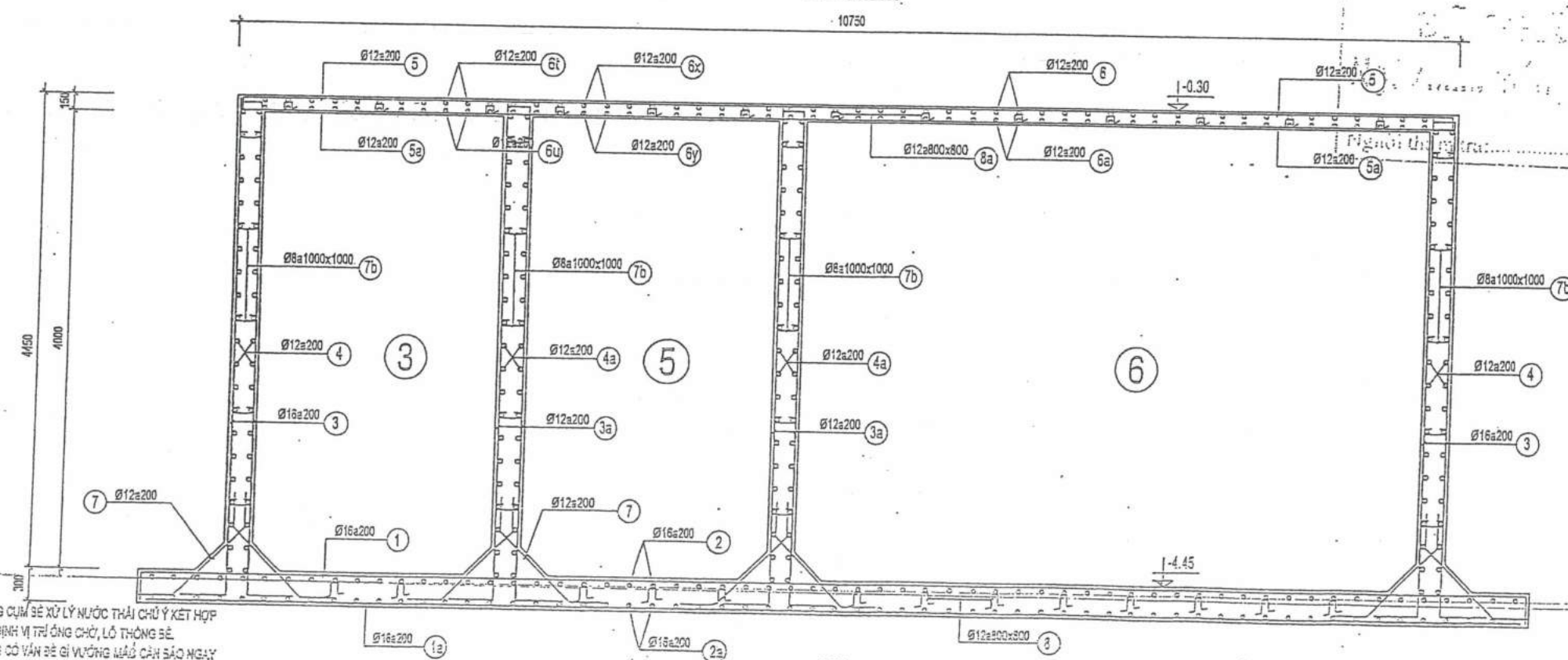


VŨ DUY

CHUYÊN THIẾT KẾ

MẶT CẮT A-A

10750



CHỈ CHÚ:  
- TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG CỤM BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI CHƯ Ý KẾT HỢP  
BẢN VẼ CÔNG NGHỆ BỂ XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ ĐÓNG CHỖ, LỖ THÔNG BỂ.  
- TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG CÓ VẤN ĐỀ GÌ VƯỚNG MẮT CẦN BÁO NGAY

HÀ TIẾN DŨNG

TRẦN SƠN HÀ

HÀ TIẾN DŨNG

TÊN BẢN VẼ  
BỂ LẮNG SƠ CẤP - BỂ YẾM KHÍ - BỂ ANOXIC  
MẶT CẮT A-A

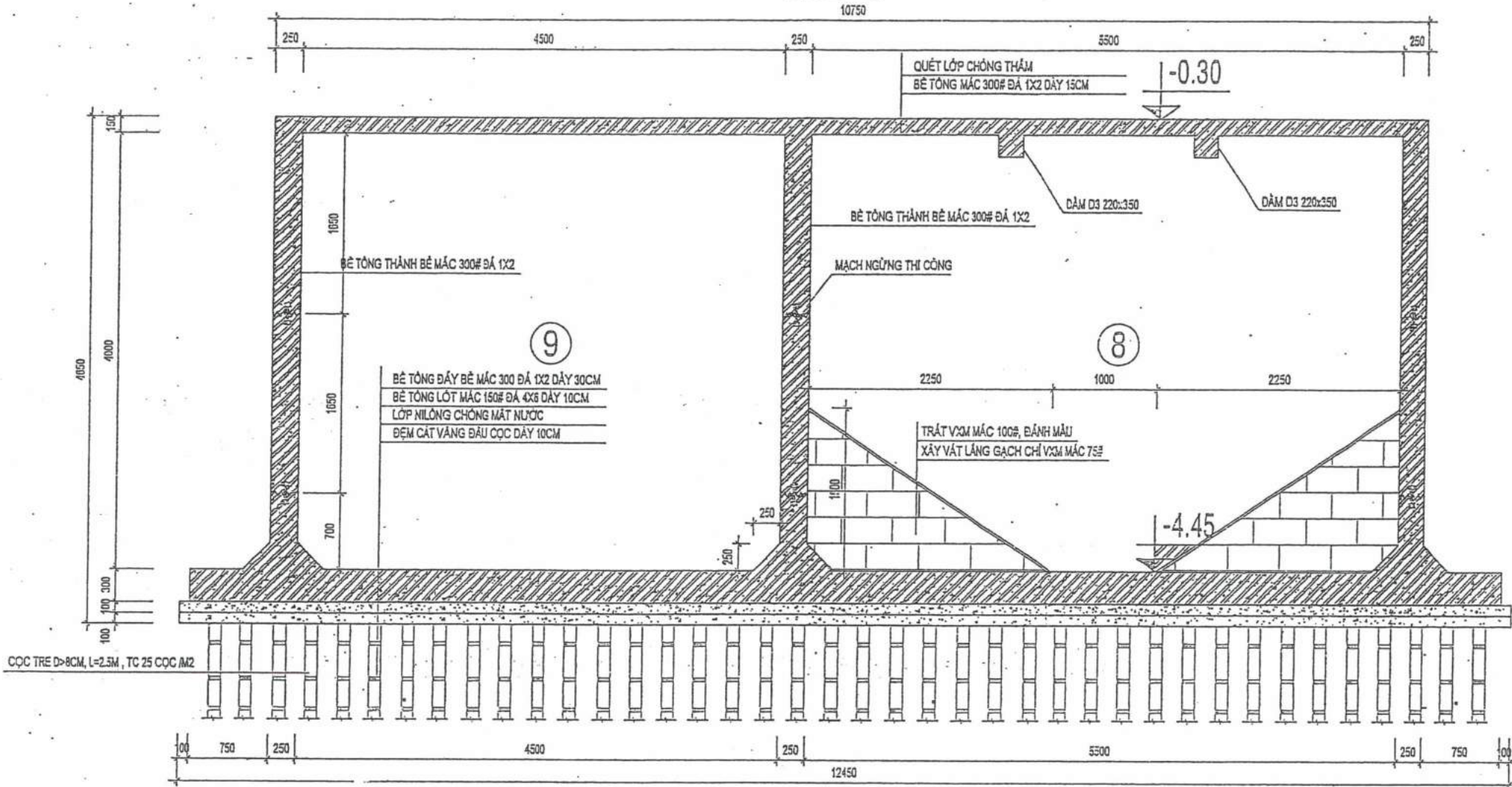
NGÀY SỬA ĐỔI

TỶ LỆ  
KỶ HIỆU BẢN VẼ  
T/TC - XD: 20



BỂ LẮNG THỨ CẤP - BỂ KHỬ TRÙNG

MẶT CẮT C-C



CHỦ ĐẦU TƯ:

BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG 1

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ



CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
ADZ VIỆT NAM

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ CHẤT THẢI  
BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG 1

ĐỊA ĐIỂM:

XÃ HÒA BÌNH, HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI

HẠNG MỤC:

THIẾT KẾ PHẦN XÂY DỰNG



VŨ DUY

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

*Hoàng*  
HÀ TÊN DŨNG

VẼ

*T.Sinh*  
TRỊNH SƠN HÀ

KIỂM TRA

*Hoàng*  
HÀ TÊN DŨNG

TÊN BẢN VẼ

BỂ THỨ CẤP - BỂ KHỬ TRÙNG  
MẶT CẮT C-C

NGÀY

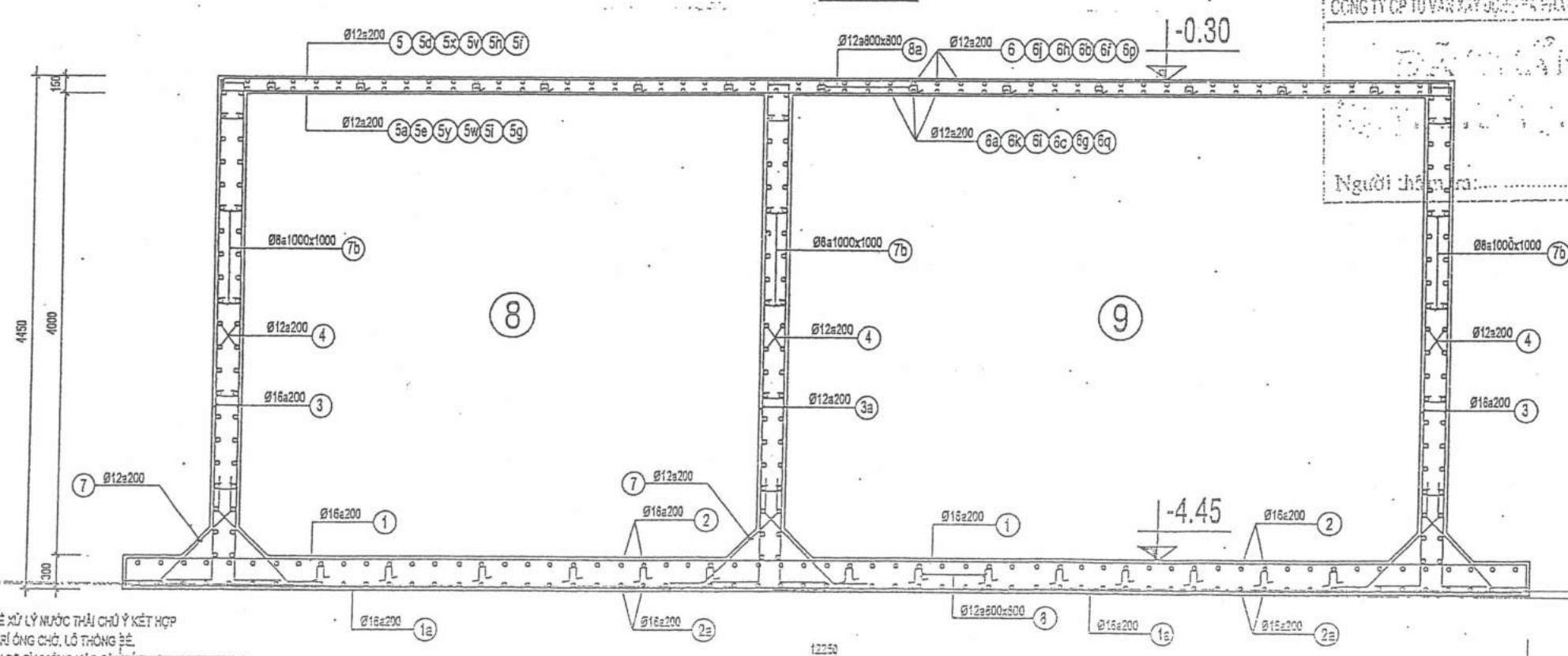
SỬA ĐỔI

TỶ LỆ

KÝ HIỆU BẢN VẼ

TKIC - XD: 22

MẶT CẮT C-C



CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ TẬP THỂ TẬP THỂ TẬP THỂ

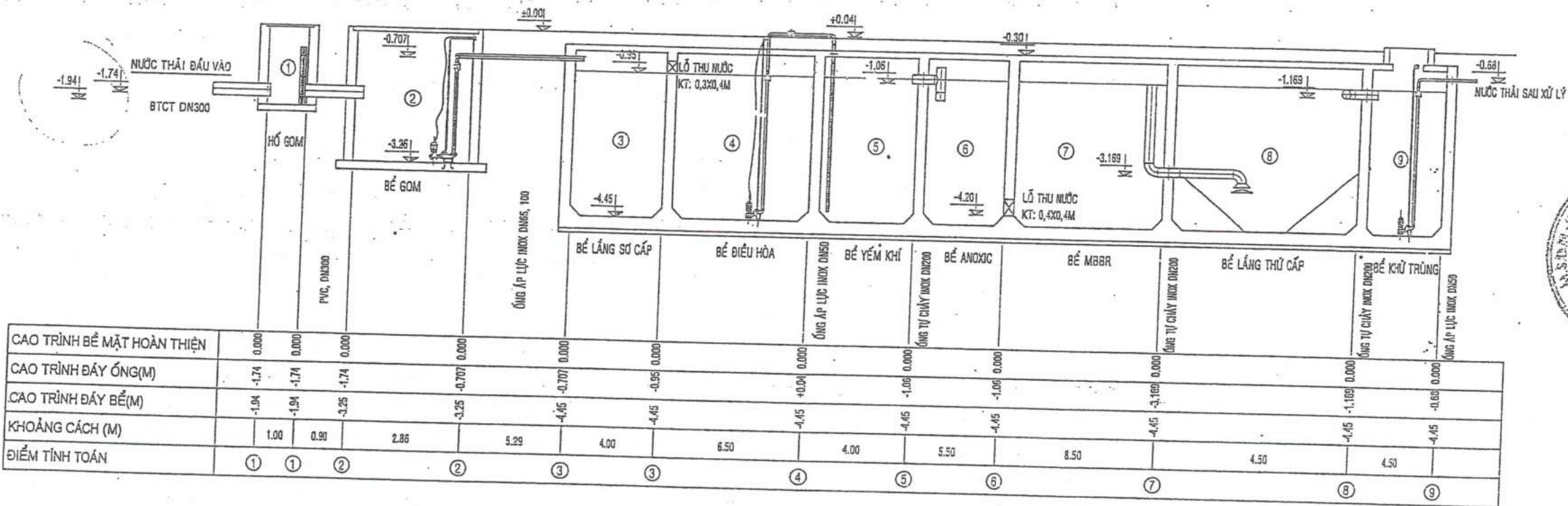
Người chịu trách nhiệm: *Hoàng*

GHI CHÚ:  
- TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG CỤM BÊ XỬ LÝ NƯỚC THẢI CHÚ Ý KẾT HỢP  
BẢN VẼ CÔNG NGHỆ BÊ XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ ống cống, LỖ THÔNG BÊ.



CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ ĐÌNH VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ  
**ĐÃ KIỂM TRA**  
 Ngày ..... tháng ..... năm .....

**TRẮC DỌC ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI: TL 1/120**



CAO TRÌNH BỀ MẶT HOÀN THIÊN	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000
CAO TRÌNH ĐÁY ỐNG(M)	-1.74	-1.74	-1.74	-0.707	0.000	-0.35	0.000	0.000	-1.06	0.000	0.000	-1.169	0.000	0.000	0.000	0.000
CAO TRÌNH ĐÁY BỂ(M)	-1.04	-1.04	-1.74	-0.707	-0.707	-0.35	-0.707	-0.35	-1.06	-1.06	-1.06	-1.169	-1.169	-1.169	-1.169	-0.68
KHOẢNG CÁCH (M)	1.00	0.90	2.86	5.29	4.00	4.45	4.45	6.50	4.00	5.50	4.45	4.45	4.50	4.50	4.45	4.45
ĐIỂM TÍNH TOÁN	①	①	②	②	③	③	④	④	⑤	⑤	⑥	⑦	⑦	⑧	⑧	⑨



CHỦ ĐẦU TƯ:  
 BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG 1

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:  
**ADZ**  
 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
 ADZ VIỆT NAM

CÔNG TRÌNH:  
 TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG  
 CÔNG SUẤT 400 M<sup>3</sup>/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM:  
 XÃ HÒA BÌNH, HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI

HẠNG MỤC:  
 THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ

WU DUY

NGUYỄN DANH HÙNG

ĐINH VĂN THÁI

NGUYỄN DANH HÙNG

TÊN BẢN VẼ:  
 TRẮC DỌC ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

NGÀY: SỬA ĐỔI

TỶ LỆ

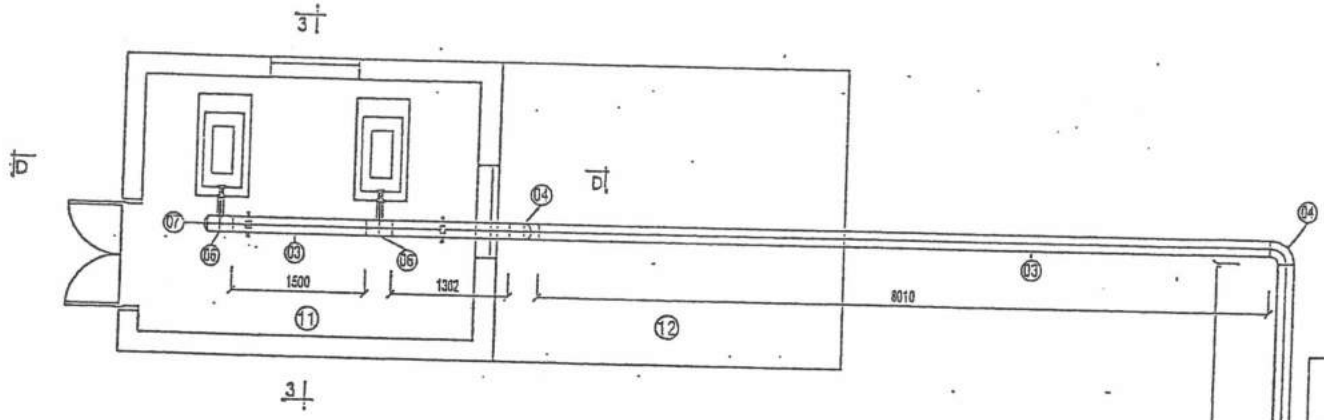
XẾ HỮU BẢN VẼ: TKTC - CN: 02

GHI CHÚ:  
 - ±0.00 COS SAN NÉN HOÀN THIÊN CỦA HỆ THỐNG  
 CỎ ĐƠN VỊ M  
 - KHOẢNG CÁCH CÁC HẠNG MỤC CỎ ĐƠN VỊ MM  
 - CÁC BỂ TUÂN THEO BẢN VẼ XÂY DỰNG



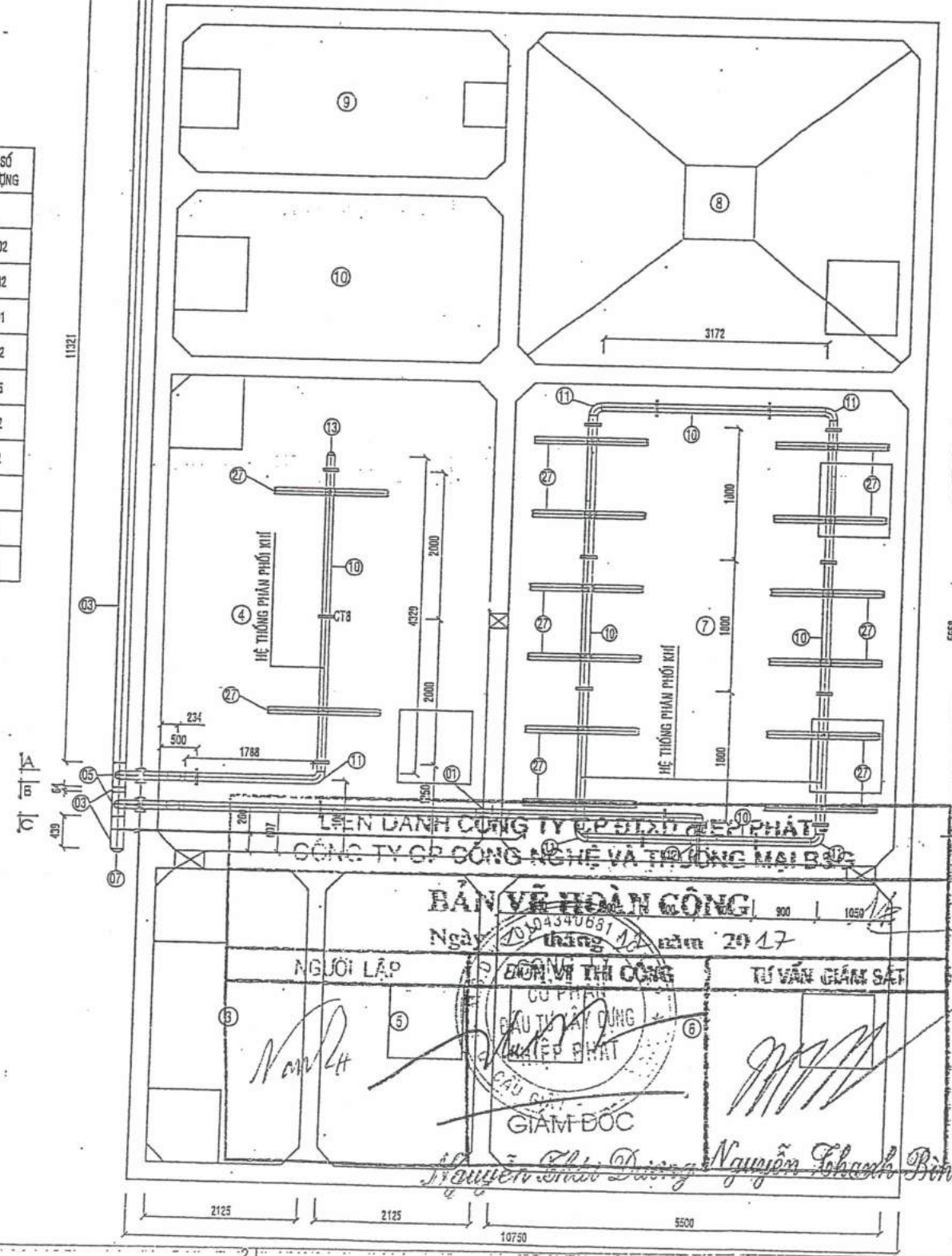






MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG KHÍ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TỶ LỆ: 1/80



BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ ĐƯỜNG ỐNG KHÍ

STT	KÍ HIỆU	TÊN VẬT TƯ + QU CÁCH	VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
I		ỐNG CHÓN THÀNH BÉ			
1	01	ĐOẠN ỐNG DN100, L=0,55M DÀY 2MM	SUS304	ĐOẠN	03
2	02	ĐOẠN ỐNG DN20, L=0,35M DÀY 2MM	SUS304	ĐOẠN	01
II		ỐNG VÀ PHỤ KIỆN CÁC LOẠI			
3	03	DN150 DÀY 3MM	SUS304	M	24
4	04	CÚT DN150 90o	SUS304	CÁI	03
5	05	TÊ DN150/100	SUS304	CÁI	02
6	06	TÊ DN150/80	SUS304	CÁI	02
7	07	BÍT DN150	SUS304	CÁI	02
8	08	DN100 DÀY 2MM	SUS304	M	12,8
9	09	CÚT DN100 90o	SUS304	CÁI	06
10	10	DN100 PN8	PVC	M	27
11	11	CÚT DN100 90o	PVC	CÁI	07
12	12	TÊ 100/100	PVC	CÁI	01
13	13	BÍT DN100	PVC	CÁI	01
14	14	DN20 DÀY 2MM	SUS304	M	10
15	15	CÚT DN20 90o	SUS304	CÁI	04
16	16	ZAC CỎ DN20	SUS304	CÁI	02
17	17	KÉP DN20	SUS304	CÁI	02
18	18	ZEN NGCÁI DN20	SUS304	CÁI	02
19	19	DN80 DÀY 2MM	SUS304	M	0,8

STT	KÍ HIỆU	TÊN VẬT TƯ + QU CÁCH	VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
III		VAN, BÍCH CÁC LOẠI			
20	20	VAN BƯỚC DN80		CÁI	02
21	21	VAN BƯỚC DN100		CÁI	02
22	22	VAN BI DN20		CÁI	01
23	23	MỐI NỐI MÉN DN80		CÁI	02
24	24	BÍCH DN100 JIS 10K	SUS304	CÁI	06
25	25	BÍCH DN100 JIS 10K	PVC	CÁI	02
26	26	BÍCH DN80 JIS 10K	SUS304	CÁI	02
IV		THIẾT BỊ CÁC LOẠI			
23	27	ĐẦU PHÂN PHỐI KHÍ BÉ 3, 7		BỘ	14
24	28	MÁY THỔI KHÍ		CÁI	02

GHI CHÚ:  
 - ±0.00 COS SAN NÉN HOÀN THIỆN CỦA HỆ THỐNG CỎ ĐƠN VỊ M  
 - KHOẢNG CÁCH CÁC HẠNG MỤC CỎ ĐƠN VỊ MM  
 - CÁC BÉ TUẦN THEO BẢN VẼ XÂY DỰNG

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHỤ KIỆN HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI  
**ĐÃ KIỂM TRA**  
 Ngày ..... tháng ..... năm .....  
 Người thẩm tra: .....

LÊN DANH CÔNG TY CP ĐIỆN LỰC PHÁT  
 CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI B3  
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 Ngày 20 tháng 04 năm 2017  
 NGƯỜI LẬP: Nguyễn Văn Thái  
 ĐƠN VỊ TH CÔNG: TƯ VẤN GIÁM SÁT  
 CỨ PHÁP: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHUẾP PHÁT  
 GIÁM ĐỐC: Nguyễn Thanh Bình



CHỦ ĐẦU TƯ:  
 BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG 1

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:  
**ADZ**  
 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
 ADZ VIỆT NAM

CÔNG TRÌNH:  
 XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHẤT THẢI BỆNH VIỆN  
 TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG 1

ĐỊA ĐIỂM:  
 XÃ HÒA BÌNH, HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI

HẠNG MỤC:  
 THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ

WU DUY  
 CHỦ THÌ THIẾT KẾ

NGUYỄN DANH HÙNG  
 VẼ

ĐINH VĂN THÁI  
 KIỂM TRA

NGUYỄN DANH HÙNG

TÊN BẢN VẼ:  
 ĐƯỜNG ỐNG KHÍ TRẠM XỬ LÝ: MẶT BẰNG  
 VÀ THỐNG KÊ 1/4

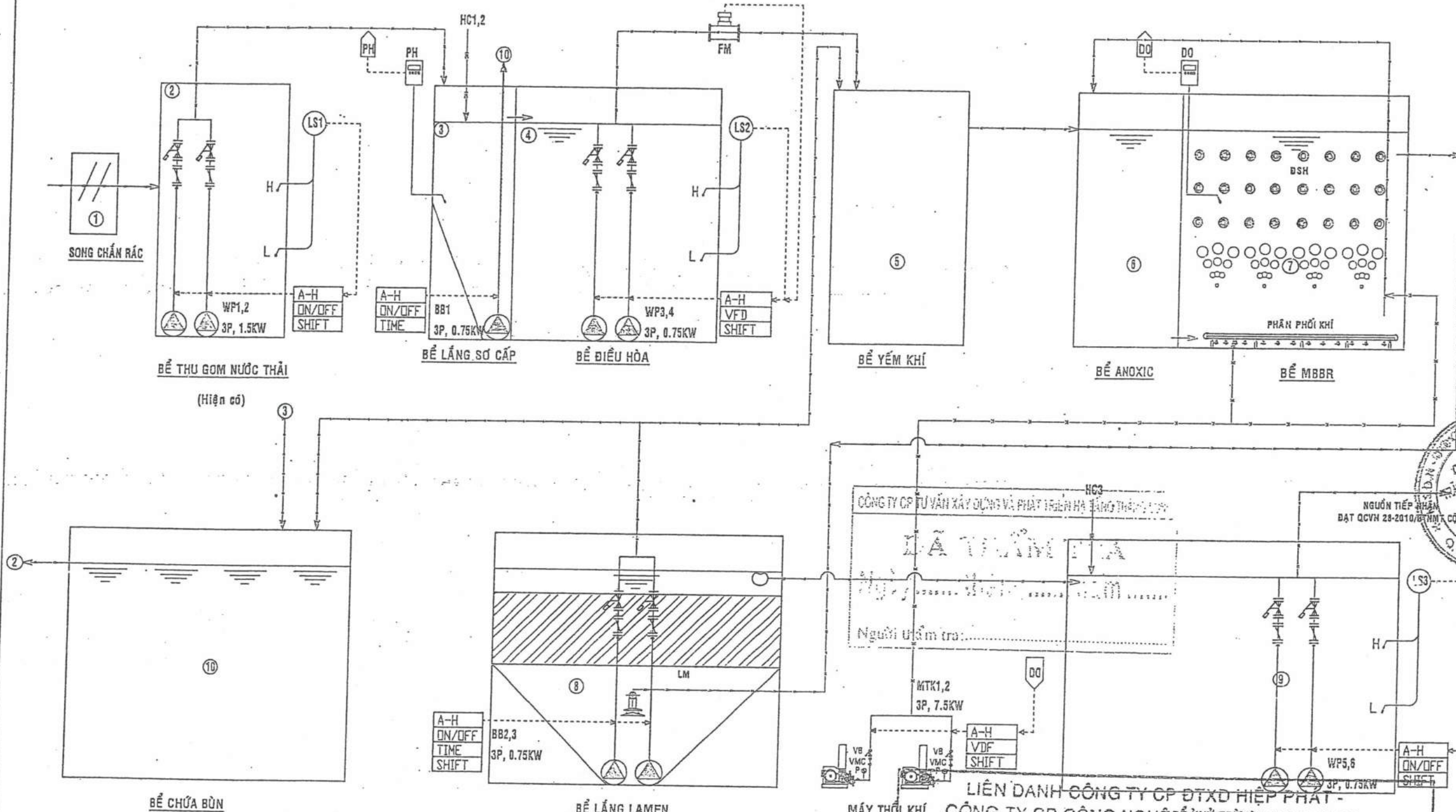
NGÀY: SỬA ĐỔI

TỶ LỆ:

KÍ HIỆU BẢN VẼ: TKC - CN: 11

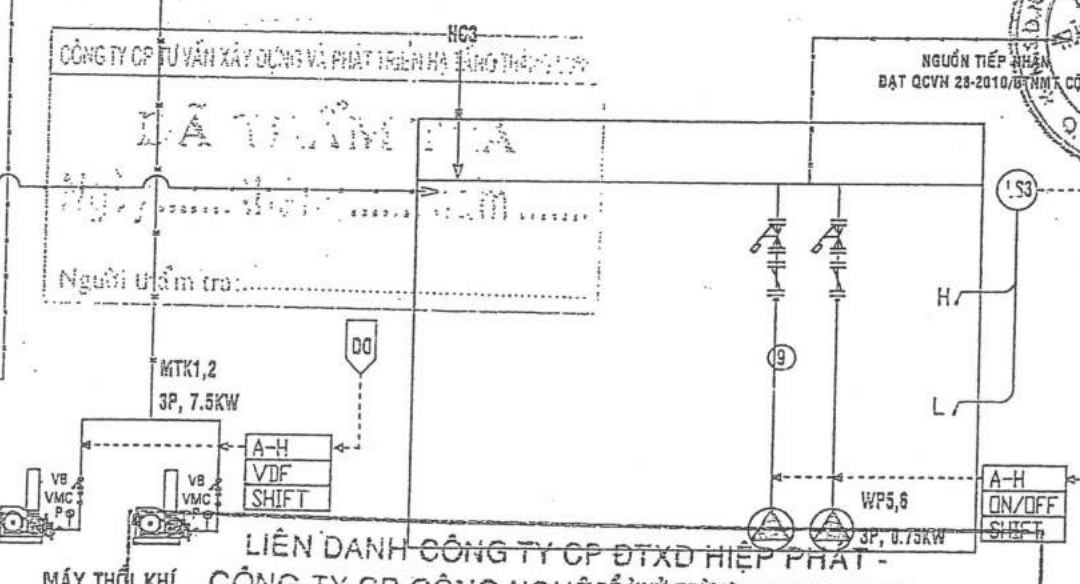
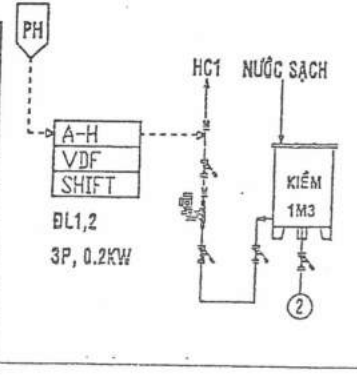
HỌ TÊN THÀNH: 01/2017

SƠ ĐỒ ĐIỀU KHIỂN P&ID TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG 1 CÔNG SUẤT: 400M3/NGÀY ĐÊM



GHI CHÚ:

KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI	KÝ HIỆU	DIỄN GIẢI
A-H	CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG AUTO-HAND	WP	BƠM NƯỚC THẢI
ON/OFF	ĐIỀU KHIỂN CHẠY-DỪNG	BB	BƠM Bùn
VFD	ĐIỀU KHIỂN QUA BIẾN TẦN	ĐL	BƠM ĐỊNH LƯỢNG
TIME	HOẠT ĐỘNG THEO CHU KỶ THỜI GIAN	MTK	MÁY THỜI KHÍ
SHIF	HOẠT ĐỘNG LUÂN PHIÊN	---	ĐƯỜNG NƯỚC THẢI
PH	THIẾT BỊ ĐO PH	---	ĐƯỜNG Bùn
DO	THIẾT BỊ ĐO DO	---	ĐƯỜNG KHÍ
FM	THIẾT BỊ ĐO LƯU LƯỢNG	---	ĐƯỜNG HÓA CHẤT
LS	THIẾT BỊ ĐO MỨC	---	ĐƯỜNG ống NƯỚC SẠCH
		---	ĐƯỜNG TÍN HIỆU



LIÊN DANH CÔNG TY CP ĐTXD HIỆP PHÁT - CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI HƯNG MẠI B&G

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 Ngày tháng năm 2017

NGƯỜI LẬP: Nguyễn Ngọc Anh  
 KIỂM TRA: Nguyễn Thanh Bình  
 GIÁM ĐỐC: Nguyễn Chí Dương

CHỦ ĐẦU TƯ:

BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG 1

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

**ADZ**  
 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
 ADZ VIỆT NAM

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ CHẤT THẢI  
 BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG 1

ĐỊA ĐIỂM:

XÃ HÒA BÌNH, HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI

HẠNG MỤC:

THIẾT KẾ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN - ĐỘNG LỰC

NGUỒN TIẾP NHẬN:  
 ĐẠT QCVN 28-2010/BTNMT CỘT B

VŨ DUY

KHÔNG ĐỨC HÙNG

TRẦN VĂN NGHỊ

KHÔNG ĐỨC HÙNG

TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ ĐIỀU KHIỂN P&ID  
 TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

NGÀY: SỬA ĐỔI:

TỶ LỆ:

KÍ HIỆU BẢN VẼ: TKTC-ĐTĐ-07

**PHỤ LỤC 4**  
**CÁC HỢP ĐỒNG THU GOM CHẤT THẢI VÀ CHỨNG TỪ**

Số: 101/HĐ-BV

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2025

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ**  
**Vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt năm 2025**

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội khóa 15;

Căn cứ Nghị Định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu.

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 Bộ tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn Nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 519/QĐ- BYT ngày 07/06/1963 của Bộ Y tế thành lập Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1;

Căn cứ Quyết định số 7293/QĐ-BYT ngày 07/12/1918 của Bộ Y tế về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-BYT ngày 11/04/2024 của Bộ Y tế về việc quy quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ phục vụ cơ quan đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ y tế;

Căn cứ Quyết định số: 4083 /QĐ - BYT ngày 31 / 12 /2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế V/v: Giao dự toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2025 của các đơn vị HCSN trực thuộc Bộ Y tế.

Căn cứ Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 1272/QĐ- QLDA ngày 27/12/2023 của Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Thường Tín về việc Phê duyệt kết quả đấu thầu Gói thầu số 01: Thực hiện dịch vụ duy trì vệ sinh môi trường giai đoạn 2024-2026 trên địa bàn huyện Thường Tín;

Căn cứ vào Quyết định số: 33/QĐ-BV ngày 13 tháng 01 năm 2025 của BVTTTW1 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp dịch vụ vận chuyển xử lý rác thải sinh hoạt năm 2025;

Căn cứ vào biên bản thương thảo, hoàn thiện hiện hợp đồng ngày 10 tháng 01 năm 2025;

Hôm nay, ngày 15 Tháng 01 năm 2025, tại Bệnh viện tâm thần trung ương 1, chúng tôi gồm:

**Chủ đầu tư: Bệnh viện Tâm thần TW I (sau đây gọi là Bên A)**

Địa chỉ: Hòa Bình - Thường Tín - Hà Nội

Điện thoại: 02433.853.227 Fax: 02433.853.190

Tài khoản: 9523.1.1057139.

Tại: Phòng giao dịch số 13- Kho Bạc nhà nước khu vực 1

Mã ĐVQHNS: 1057139.

Đại diện là ông: **Lê Ngọc Tú.**

Chức vụ: Phó Giám đốc Bệnh viện.

( Theo quyết định số: 316/QĐ- BV ngày 21/08/2024 về việc phân công công việc và ký các văn bản chứng từ liên quan đến công tác tài chính kế toán của Bệnh viện tâm thần trung ương 1 đối với phó Giám đốc Lê Ngọc Tú)

**Nhà thầu: Công ty CPDV Môi trường Thăng Long.**

Địa chỉ giao dịch: Số 11 Tô Ngọc Vân, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội.

Điện thoại : 024.22118809

Người thụ hưởng : **Công Ty cổ phần dịch vụ Môi trường Thăng Long**

Mã số thuế : 0101156758

Tài khoản : **89898988008** Mở tại : Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội; Mã ngân hàng: 01358001

Người đại diện : **Ông Tô Thanh Tùng** Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc**

Dựa trên sự thỏa thuận và thống nhất, đại diện hai bên đồng ý ký kết hợp đồng Cung cấp dịch vụ vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt năm 2025 với những điều khoản cụ thể như sau:

#### **Điều 1. Nội dung công việc:**

- Bên A thuê bên B thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt đã được bên A phân loại tại nguồn theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường tại địa chỉ: Bệnh viện tâm thần TW I, xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, TP Hà Nội bằng xe vận chuyển rác 3m3.

- Tần suất thực hiện đối với từng loại rác (theo quy định tại khoản 3 điều 17 luật BVMT số 72/2020/QH14):

Loại 1: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: Thu gom 1 tuần/lần.

Loại 2: Chất thải thực phẩm, chất thải hữu cơ: Thu gom theo tần suất hàng ngày (từ 19h đến 6h sáng.

Loại 3: Chất thải rắn sinh hoạt còn lại: Thu gom theo tần suất 1 tuần 2 lần (từ 6h sáng đến 16h chiều)

Đối với các trường hợp có nhu cầu riêng, các bên sẽ cùng thỏa thuận phương thức thực hiện thuận lợi cho các bên.

#### **Điều 2. Trách nhiệm của bên A:**

- Chịu trách nhiệm phân loại triệt để rác thải sinh hoạt của mình thành 3 loại theo quy định tại Điều 2 Hợp đồng này (*Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; Chất thải thực phẩm, chất thải hữu cơ; Chất thải rắn sinh hoạt còn lại*) đựng trong túi/bao bì/thùng rác riêng, bao kín, không để rò rỉ nước, mùi để đảm bảo vệ sinh môi trường tại khu vực tập kết của bên A và quá trình thu gom, vận chuyển của bên B.

- Tự chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển, xử lý rác chưa phân loại theo quy định tại điều 2 của hợp đồng này; Trong trường hợp không tự thực hiện phân loại tại nguồn được, bên A phải chịu chi phí phân loại theo báo giá của bên B.

- Chịu trách nhiệm trang bị dụng cụ thu chứa tại cơ sở của bên A (túi đựng rác thải, xe thu chứa, thùng thu chứa đảm bảo kín khít theo quy định tại khoản 6 điều 77 luật BVMT số 72/2020/QH14) lưu chứa hết khối lượng rác phát sinh trong thời gian chờ chuyển giao cho bên B theo thỏa thuận hợp đồng.

- Trong trường hợp khu xử lý của Thành phố bị sự cố không tiếp nhận rác, Bên B sẽ thông báo và bên A có trách nhiệm bố trí vị trí tập kết rác tạm thời tại cơ sở của mình trong thời gian chờ khắc phục sự cố (theo quy định tại khoản 6 điều 77 luật BVMT số 72/2020/QH14).

- Cử người phối hợp với bên B thực hiện các thủ tục nghiệm thu, thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý rác đúng thời hạn quy định tại hợp đồng này.

- Thanh toán đủ, đúng tiến độ cho bên B theo quy định tại hợp đồng này.

### **Điều 3. Trách nhiệm của bên B:**

- Kiểm tra, tiếp nhận để vận chuyển rác sinh hoạt của bên A đã phân loại, buộc chặt trong túi đựng, tập kết riêng đối với rác thải hữu cơ và rác thải tái chế (theo quy định tại mục 3b điều 75 luật BVMT số 72/2020/QH14) tại điểm giao rác, để vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định; Từ chối tiếp nhận thu gom, vận chuyển rác chưa phân loại hoặc phân loại chưa triệt để (theo quy định tại mục 2 điều 77 luật BVMT số 72/2020/QH14) nếu bên A không thực hiện phân loại rác thải, không sử dụng túi/thùng đựng rác kín và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xử lý theo quy định ( điều...nghị định 45/NĐ-CP ngày...)

- Bố trí người và phương tiện thực hiện vận chuyển riêng từng loại rác sau phân loại theo lịch tại điều 1 của hợp đồng này (theo khoản 4 điều 77 luật BVMT số 72/2020/QH14)

- Kịp thời thông báo cho bên A nếu phát hiện rác thải sinh hoạt bên A chưa phân loại triệt để, chưa thực hiện bỏ rác vào túi, thùng thu chứa riêng, kín khít để bên A có trách nhiệm thực hiện phân loại theo quy định hoặc thuê bên B phân loại.

- Khi có khối lượng phát sinh phải thông báo cho bên A để kịp thời kí bổ sung phụ lục hợp đồng. Được quyền từ chối thực hiện thu gom, vận chuyển nếu các loại chất thải không được phân loại theo đúng yêu cầu trong hợp đồng này.

- Chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường cho người và phương tiện trong suốt quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải.

- Cử cán bộ phối hợp với bên A trong công tác nghiệm thu thanh toán và giải quyết các phát sinh của hợp đồng.

- Cung cấp đầy đủ thông tin về hợp đồng với chủ đầu tư (Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Tín) và các đơn vị có liên quan về việc phân loại rác, khối lượng rác khi có yêu cầu.

- Cung cấp hóa đơn tài chính hợp lệ cho bên A sau khi nhận đủ tiền.

- Xe vận chuyển của bên B phải đảm bảo các điều kiện an toàn kỹ thuật và môi trường.

### **Điều 4. Thời gian thực hiện hợp đồng:**

Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến 31 tháng 12 năm 2025.

Nguồn kinh phí thực hiện Hợp đồng: Kinh phí chi thường xuyên năm 2025.

**Điều 5. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:**

**5.1: Giá trị hợp đồng**

- Đơn giá khoán gọn: 500.000 đồng/chuyến xe (đã bao gồm thuế GTGT 10%).

STT	Mô tả nội dung công việc, dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng (tạm tính)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
01	Vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt thông thường cho Bệnh viện Tâm thần TW1 đến điểm xử lý theo đúng quy định thành phố bằng xe vận chuyển rác	Chuyến	248	500.000	124.000.000
<b>Tổng cộng</b>					<b>124.000.000</b>

**Bảng chữ: Một trăm hai mươi tư triệu đồng**

(Giá trị hợp đồng sẽ được thay đổi khi Thành Phố ban hành giá mới và trong trường hợp thực tế tăng phát sinh hai bên thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng làm cơ sở nghiệm thu - thanh quyết toán theo quy định).

**5.2: Phương thức nghiệm thu - thanh toán:**

Hàng quý Bên A thanh toán chi phí cho bên B khi có biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành, có chứng từ liên quan đến số lượng, khối lượng vận chuyển thực tế được hai bên ký xác nhận và bên B xuất hóa đơn tài chính theo quy định.

**5.3: Phương thức thanh toán:** chuyển khoản bằng đồng Việt Nam.

**Điều 6. Loại hợp đồng :** Trọn gói

**Điều 7. Điều khoản chung**

7.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều ghi trong hợp đồng. Nếu bên nào vi phạm hợp đồng sẽ bồi thường mọi thiệt hại gây ra cho phía bên kia.

- Khi hợp đồng hết hạn thực hiện, nếu không có phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện, hợp đồng mặc nhiên được thanh lý khi bên A thanh toán đủ số tiền cho bên B.

7.2. Trong trường hợp cần sửa đổi hoặc chấm dứt Hợp đồng phải được các bên tham gia đồng ý và xác nhận bằng văn bản. Nếu trong trường hợp bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải báo cáo cho bên kia bằng văn bản (trước 30 ngày).

7.3. Mọi tranh chấp mà hai bên không tự giải quyết được bằng thương lượng thì một trong hai bên có quyền đưa vụ việc ra Tòa giải quyết, quyết định của Tòa án sẽ là quyết định cuối cùng, mọi chi phí sẽ do bên thua kiện chịu.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. /.

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHÓ GIÁM ĐỐC  
TS. Lê Ngọc Tú

ĐẠI DIỆN BÊN A



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Trần Thanh Tùng

BÊN  
TÂM  
THẦN  
TRUNG  
VƯƠNG



- Giấy phép kinh doanh số : 21.02.000.220 do Sở KH&ĐT tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 20/3/2002 .Giấy phép đăng ký đã thay đi lần thứ 8 ngày 09/04/2009.

*Hai bên đã cùng nhau thống nhất và ký hợp đồng theo các điều khoản sau:*

**Điều I: Đối tượng sản phẩm bán thanh lý**

Bên A bán thanh lý cho bên B các mặt hàng thuộc danh mục *chất thải thông thường* không chứa các yếu tố lây nhiễm, hóa học nguy hại, phóng xạ đã được quy định trong Quy chế quản lý chất thải ban hành kèm theo *Thông tư 20/2021/TT- BYT ngày 26/11/2021 quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế. Cụ thể:*

STT	Loại chất thải	Yêu cầu
<b>I</b>	<b>Chất thải là vật liệu nhựa</b>	
1	Các chai nhựa đựng thuốc, hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất.	Không thấm, dính, chứa máu của cơ thể, vi sinh vật gây bệnh.
2	Các chai nước giải khát bằng nhựa và các sản phẩm bằng nhựa khác sử dụng trong hoạt động sinh hoạt hàng ngày.	Không thải ra từ khu vực cách ly, điều trị người mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm nhóm A, nhóm B.
3	Các chai dịch truyền nhựa, dây truyền dịch, bơm tiêm nhựa (không bao gồm đầu sắc nhọn), vật liệu nhựa khác.	Không thấm, dính, chứa máu của cơ thể, vi sinh vật gây bệnh hoặc không có yếu tố nguy hại.
<b>II</b>	<b>Các chất thải là vật liệu thủy tinh</b>	
1	Các vỏ chai, lọ, lọ thuốc thủy tinh thải bỏ	Không dính, chứa các loại thuốc, hóa chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản. Không thấm, dính, chứa máu của cơ thể, vi sinh vật gây bệnh hoặc không có

**\*Trách nhiệm của bên B:**

- Thanh toán số tiền cho bên A theo đúng số lượng thực tế phát sinh thực tế
- Tự tổ chức vận chuyển, bốc dỡ, che chắn hàng đúng quy định khi tham gia lưu thông trên đường.
- Không bốc dỡ lên phương tiện của bên B những mặt hàng không có trong phiếu xuất kho của bên A.
- Chịu trách nhiệm về thuế đối với Nhà nước.
- Chịu trách nhiệm về các hành vi làm ô nhiễm môi trường khi tiến hành tái chế các chất thải sau khi vận chuyển ra khỏi địa bàn của bên A.

**\*Quyền lợi của bên B:**

- Được quyền từ chối không nhận hàng khi thấy bên A không tuân thủ các nội dung ghi trong điều 1 của hợp đồng này.
- Được quyền từ chối thanh toán khi thấy bên A không cung cấp đúng số lượng chất thải đã phản ánh trên phiếu xuất.

**ĐIỀU IV: Các điều khoản chung:**

- Các bên hoàn toàn chịu trách nhiệm như nhau trước các quy định của pháp luật về việc HĐKT đã ký.
- Hai bên cân chủ động thông báo cho nhau các phát sinh khách quan cần bàn bạc trong quá trình thực hiện hợp đồng và tích cực bàn bạc giải quyết.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện.
- Hợp đồng này có giá trị từ ngày ký đến hết khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng.
- Hợp đồng này có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký. Hết hạn hợp đồng, một trong hai bên không có ý kiến gì bổ sung, thì mặc nhiên hợp đồng được gia hạn thêm 01 năm.

ĐẠI DIỆN BÊN A



PHÓ GIÁM ĐỐC  
TS. Lê Ngọc Tú

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Văn Bảo

		yếu tố nguy hại.
--	--	------------------

**Điều II: Thỏa thuận về đơn giá, hình thức thanh toán và giao nhận.**

**\* Thỏa thuận về đơn giá:**

Công ty xin mua các mặt hàng phế liệu y tế tái chế như sau:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Đơn giá VNĐ	Ghi chú
1	Chai nhựa dịch huyết thanh	Kg	2.000	Không có nước
2	Giấy bìa	Kg	1.000	Bó gọn
3	Giấy vụn	Kg	500	Đóng bao

**\* Hình thức thanh toán, giao hàng:**

Giao hàng tại Bệnh viện Tâm thần TW I. Đại diện hai bên cùng nhau giao nhận hàng và tổng hợp thành phiếu xuất hàng làm căn cứ thanh toán bằng tiền mặt và phục vụ các khâu kiểm tra khi vận chuyển hàng ra khỏi bệnh viện.

**Điều III : Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi bên:**

**\*Trách nhiệm của bên A:**

- Đóng gói chất thải theo từng loại (đúng tên danh mục hàng được bán thanh lý đã nêu trong hợp đồng).
- Chịu trách nhiệm cắt sạch nước trong các chai nhựa truyền dịch.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B nhận hàng nhanh đảm bảo, đúng khối lượng. Đồng thời đảm bảo an toàn cho bên B đến khi ra khỏi cơ quan.
- Không đóng bao lẩn các mặt hàng thuộc danh mục cấm để bán cho bên B.

**\*Quyền lợi của bên A:**

- Được quyền từ chối bán, dừng bán thanh lý chất thải cho bên B khi bên B không được phép kinh doanh các mặt hàng này.
- Chấm dứt bán hàng cho bên B khi không thỏa thuận được giá bán.
- Kiểm tra và giữ lại phương tiện vận chuyển khi bên B vận chuyển không đúng chủng loại và số lượng được kê khai trong phiếu xuất kho của bên A.
- Thu tiền mặt trực tiếp từng chuyến khi bên B đã nhận đủ hàng.

Số: 000.11/HĐ-BV

**HỢP ĐỒNG**  
**THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ NĂM 2025**

- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường năm 2020 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ về "Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường"
- Căn cứ thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường, quy định về "Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường".
- Căn cứ thông tư số 20/2021/ TT - BYT ký ngày 26/11/2021 quy định về quản lý chất thải y tế.
- Căn cứ quyết định số: 4789 /QĐ-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2023 Của Bộ trưởng Bộ y tế V/v: Giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2024 của các đơn vị HCS trực thuộc Bộ Y tế.
- Căn cứ vào giấy phép môi trường số 456/GPMT-BTNMT do Bộ tài nguyên và môi trường cấp ngày 29/10/2024 cho Công ty Cổ phần đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC.
- Căn cứ Quyết định số: 548 /QĐ-BV ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại năm 2025.
- Căn cứ vào biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng ngày 26 tháng 12 năm 2024.
- Căn cứ Quyết định số: 559 /QĐ-BV ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại năm 2025.
- Căn cứ nhu cầu xử lý chất thải của Bệnh viện tâm thần trung ương 1 và khả năng của Công ty Cổ phần đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC.

**Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2025**

Tại văn phòng Công ty Cổ phần đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC. Chúng tôi gồm:

**Bên A: BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG I**

Địa chỉ: Hòa Bình – Thường Tín – Hà Nội

Điện thoại: 02433.853.227 Fax: 02433.853.190

Tài khoản: 9523.1.1057139.

Tại: Kho bạc Nhà nước huyện Thường Tín – TP.Hà Nội.

Mã ĐVQHNS: 1057139.

Đại diện là ông: **Lê Ngọc Tú.**

Chức vụ: Phó Giám đốc Bệnh viện.

(Theo quyết định số: 316/QĐ- BV ngày 21/08/2024 về việc phân công công việc và ký các văn bản chứng từ liên quan đến công tác tài chính kế toán của Bệnh viện tâm thần trung ương 1 đối với phó Giám đốc Lê Ngọc Tú)

**Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG ETC**

Địa chỉ: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02286.288.288

Người thụ hưởng: Công ty cổ phần đầu tư và kỹ thuật tài nguyên Môi trường ETC

Mã số thuế: 0600682259

Tài khoản: 0831000068899

Tại ngân hàng Vietcombank Nam Định

Người đại diện: Ông Trần Đức phú

Chức vụ: Tổng Giám đốc

**Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:**

**Điều 1: Bên A thuê Bên B thực hiện những công việc sau:**

Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế phát sinh trong quá trình hoạt động của Bệnh viện tâm thần trung ương I theo đúng các quy định về quản lý chất thải và bảo vệ môi trường của pháp luật Việt Nam hiện hành.

**Điều 2: Đặc tính chất thải, địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển:**

1. Đặc tính chất thải: Chất thải y tế lây nhiễm phát sinh trong quá trình hoạt động của Bệnh viện tâm thần trung ương I. Các chất thải có thể ở dạng rắn, bùn hoặc lỏng.

Địa điểm giao nhận chất thải tại Bệnh viện tâm thần trung ương I, địa chỉ: Xã Hòa Bình, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

2. Địa điểm lưu giữ, xử lý chất thải: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định.

3. Số lượng: Chất thải được Bên A giao cho Bên B theo số lượng thực tế phát sinh hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, theo chế độ giao nhận bằng sổ có ký giao nhận của hai bên. Cuối mỗi tháng Bên B cung cấp chứng từ chất thải cho Bên A.

4. Thời gian giao nhận: Trong vòng 48h sau khi nhận được yêu cầu bằng Fax, điện thoại, hoặc email của Bên A, Bên B sẽ bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển chuyên dụng, kịp thời phục vụ việc nhận, vận chuyển để xử lý rác nguy hại theo đúng qui định.

5. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng và nhân công bốc xếp.

**Điều 3: Đơn giá và hình thức thanh toán**

**3.1: Hình thức hợp đồng:** Trọn gói

**3.2: Thời gian thực hiện hợp đồng :** Từ ngày 02/01/2025 đến 31/12/2025

**3.3: Đơn giá xử lý:**

**3.3.1:** Đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đã bao gồm các loại thuế, phí vận chuyển và xử lý, thuế VAT là:

Stt	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng (KG)	Đơn giá VNĐ	Thành tiền VNĐ
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế năm 2025 tại kho tập kết rác của khoa KSNK. Hình thức vận chuyển bằng xe chuyên dụng, khoán gọn theo tháng.	Kg	12 tháng	6.000.000 x 12 tháng	72.000.000
<b>Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu đồng chẵn</b>					

- Tổng giá trị hợp đồng là: 72.000.000VNĐ (Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu đồng chẵn). Đã bao gồm thuế VAT

### 3.3.2 Danh mục chất thải thu gom

TT	Danh Mục	Mã chất thải	ĐVT
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	Kg
2	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	Kg
3	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	13 03 02	Kg
4	Vỏ chai lọ thuốc bằng nhựa	18 01 03	Kg
5	Vỏ chai lọ thuốc bằng thủy tinh	18 01 04	Kg
6	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	Kg
7	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Kg

### 3.4: Khối lượng chất thải:

- Chất thải được Bên A giao cho bên B theo số lượng thực tế phát sinh hàng ngày, hàng tháng, theo chế độ giao nhận bằng sổ giao nhận chất thải có ký giao nhận của hai bên. Cuối mỗi tháng bên B cung cấp chứng từ chất thải cho bên A

- Trường hợp khối lượng CTNH thu gom trong thời hạn hợp đồng  $\leq 1.500\text{Kg}$  thì Bên A sẽ phải thanh toán cho Bên B giá trị Hợp đồng trọn gói là 72.000.000 VNĐ (Đã bao gồm thuế VAT).

- Trong trường hợp khối lượng CTNH trong thời hạn hợp đồng  $> 1.500\text{Kg}$  thì Bên A phải thanh toán thêm cho Bên B 17.000 VNĐ/1 Kg CTNH tăng thêm (Đã bao gồm thuế VAT).

### 3.5: Hình thức thanh toán:

- Việc thanh toán được thực hiện bằng Việt Nam đồng ( VNĐ)
- Hai bên căn cứ vào khối lượng tại sổ giao nhận chất thải và mức đơn giá thu trong hợp đồng về số tiền dịch vụ bên A phải thanh toán cho bên B. Trong trường hợp Bên A không phát sinh chất thải thì bên A vẫn phải chịu mức phí như đã nêu tại khoản 3.2.1, điều 3 của hợp đồng này.
- Phương thức thanh toán: Bên A nghiệm thu và thanh toán cho Bên B làm 02 lần ( 06 tháng đầu năm và 06 tháng cuối năm)
- Sau khi ký biên bản nghiệm thu khối lượng, Bên Anhaanj được hóa đơn hợp lệ của Bên b thì trong vòng 15 ngày Bên A sẽ thanh toán đầy đủ số tiền cho Bên B.
- Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản.

#### **Điều 4. Trách nhiệm và quyền lợi của các Bên:**

##### **1. Trách nhiệm và quyền lợi của Bên A:**

- a. Bên A có trách nhiệm phân loại và lưu giữ tạm các loại chất thải theo quy định.
- b. Đảm bảo thành phần chất thải giao nhận đúng theo hợp đồng.
- c. Bố trí đường đi đến các địa điểm thu gom chất thải thuận tiện, không bị cản trở.
- d. Bố trí xe nâng hỗ trợ bên B xếp các thùng đựng chất thải nặng lên phương tiện vận chuyển.
- e. Cử cán bộ chuyên môn giám sát và phối hợp thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh nếu có, nhưng không ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng của Bên B.
- f. Đảm bảo các chi tiết máy, thiết bị, tài sản còn sử dụng được không lẫn trong chất thải bàn giao cho Bên B.
- g. Cử người hướng dẫn nội quy, quy định Bệnh viện tâm thần trung ương I cho nhân viên của Bên B vào thu gom chất thải.
- h. Lập, ký xác nhận và chuyển giao đầy đủ chứng từ CTNH cho bên B sau mỗi lần bên B vận chuyển chất thải theo đúng quy định tại thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 20/2021/TT-BYT.
- i. Thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng.

##### **2. Trách nhiệm và quyền lợi của Bên B**

- a. Cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý và tiêu hủy chất thải nguy hại.
- b. Có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải:
- c. Sau khi chất thải được Bên B vận chuyển ra khỏi cổng Bên A, Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 "Quy định về quản lý chất thải y tế" và các quy định hiện hành khác. Mọi sự cố xảy ra như rơi vãi, thất thoát ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường Bên B phải chịu chi phí có liên quan theo các quy định pháp luật hiện hành.

- d. Có trách nhiệm xuất trình cho bên A hợp đồng liên doanh với bên thứ ba về việc xử lý những chất thải nguy hại mà Bên B không được phép xử lý.
- e. Chịu trách nhiệm tổ chức nhân công thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải an toàn theo kế hoạch và phương án đã thống nhất giữa hai Bên, tuân thủ các nội quy và quy định của Bên A và phù hợp với pháp luật hiện hành.
- f. Cử Cán Bộ chuyên môn giám sát khối lượng chất thải giao nhận, phối hợp trong việc thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có).
- g. Có trách nhiệm kiểm tra các tài liệu liên quan đến thành phần chất thải trong hợp đồng do Bên A cung cấp. Trong trường hợp phát hiện ra sự sai lệch hoặc không phù hợp thì hai Bên sẽ cùng nhau thương lượng để giải quyết theo đúng quy định hiện hành.
- h. Có trách nhiệm xác nhận hoàn thành việc xử lý vào “Chứng từ chất thải nguy hại” và xuất hóa đơn tài chính hợp lệ đúng thời hạn.

#### **Điều 5: Trọng tài**

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có thay đổi, vướng mắc thì hai bên cùng bàn bạc, thương lượng và giải quyết thỏa đáng bằng văn bản. Nếu không giải quyết được sẽ đưa ra Tòa án Kinh tế Thành phố Hà Nội giải quyết. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng buộc hai bên phải thực hiện. Chi phí xét xử và chi phí có liên quan do bên thua kiện chịu.

#### **Điều 6: Trường hợp bất khả kháng**

- a. Bất khả kháng: là sự kiện nằm ngoài khả năng kiểm soát và không liên quan đến sự sai phạm hoặc thiếu trách nhiệm của hai bên. Những sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm: bạo loạn, chiến tranh, cháy, lụt, động đất, dịch bệnh, cấm vận vận tải.
- b. Nếu bất khả kháng xảy ra, bên xảy ra bất khả kháng phải nhanh chóng thông báo bằng văn bản cho bên kia về hoàn cảnh và nguyên nhân gây ra sự kiện đó trong vòng 7 ngày kể từ ngày xảy ra sự cố.
- c. Trường hợp bất khả kháng kéo dài sau 30 ngày, hai bên sẽ gặp nhau để tìm biện pháp giải quyết.

#### **Điều 7: Các điều khoản chung:**

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản của hợp đồng này, trong khi thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc hai bên phải chủ động gặp nhau để giải quyết và thống nhất bằng văn bản, không làm tổn hại đến lợi ích của mỗi bên.
2. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực không được tự ý chấm dứt hợp đồng.
3. Mọi sửa đổi bổ xung của hợp đồng chỉ có giá trị khi có đầy đủ chữ ký xác

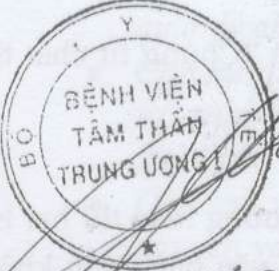
nhận của đại diện có thẩm quyền ở cả hai bên.

- 4. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này nếu các bên không thương lượng và hoà giải được với nhau sẽ được giải quyết tại toà án kinh tế nơi Bên B đặt trụ sở giao dịch, án phí do bên thua chịu.


**Điều 8: Hiệu lực của hợp đồng:**

- 1. Hợp đồng này có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký. Hết hạn hợp đồng, nếu một trong hai bên không có ý kiến gì hợp đồng mặc nhiên được tự động thanh lý.
- 2. Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt Nam, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau. / *Handwritten mark*

**ĐẠI DIỆN BÊN A 2**

  
 PHÓ GIÁM ĐỐC  
 TS. *Lê Ngọc Tú*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

  
 TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Trần Đức Phú*

TỈNH/THÀNH PHỐ  
HÀ NỘI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 625/2024/1-2-3-4-5-6.093.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC Số GPMT/Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.093.VX  
Địa chỉ văn phòng: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288  
Địa chỉ cơ sở: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Số GPMT/Mã số QLCTNH: .....  
Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....  
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG I Số GPMT /Mã số QLCTNH: .....  
Địa chỉ văn phòng: Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội ĐT: 02433.853.227  
Địa chỉ cơ sở: Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01	95	TĐ - tro xỉ HR
2	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	10.5	Phá dỡ bóng đèn - chất thải - HR

#Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....  
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....

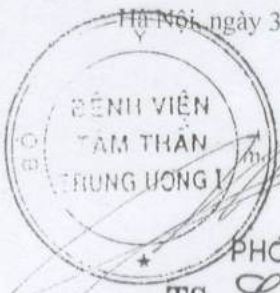
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/: Phan Quỳnh Linh Ký:..... Ngày: 31/1/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

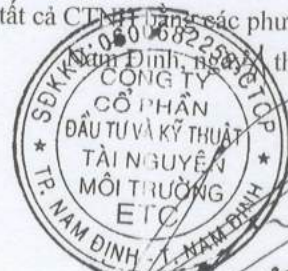
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 31 tháng 1 năm 2024



PHÓ GIÁM ĐỐC  
TS. Lê Ngọc Tú  
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

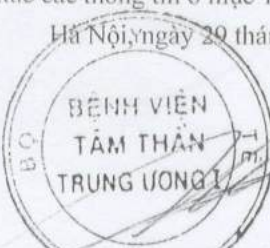
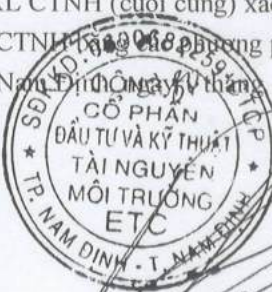


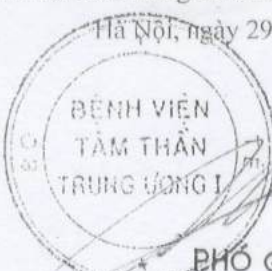
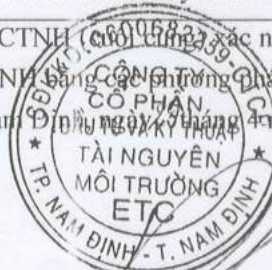
TỔNG GIÁM ĐỐC  
Trần Đức Phú  
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

\*Liên số  1 -  2 -  3 -  4

MKH: 3325

TỈNH/THÀNH PHỐ HÀ NỘI		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 1.006/2024/1-2-3-4-5-6.093.VX					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC Số GPMT/Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.093.VX Địa chỉ văn phòng: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288 Địa chỉ cơ sở: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288							
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Số GPMT/Mã số QLCTNH: ..... Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: ..... Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....							
3. Chủ nguồn thải: BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG I Số GPMT /Mã số QLCTNH: ..... Địa chỉ văn phòng: Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội ĐT: 02433.853.227 Địa chỉ cơ sở: Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội							
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01	81.1	TĐ - tro xỉ HR
2	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	9	Phá dỡ bóng đèn - chất thải - HR
*Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: T (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tích/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp)							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập:..... Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/: Phan Quỳnh Linh Ký:.....Ngày: 28/2/2024							
7.2.*Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2024				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Nam Định, ngày 28 tháng 2 năm 2024			
 <b>*PHÓ GIÁM ĐỐC</b> <b>TS. Lê Ngọc Tú</b> (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				 <b>TỔNG GIÁM ĐỐC</b> <b>Trần Đức Phú</b> (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
*Liên số <input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> - <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> - <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> - <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/>							MKH: 3325

<b>TỈNH/THÀNH PHỐ</b> <b>HÀ NỘI</b>		<b>CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI</b> <b>Số: 2221 /2024/1-2-3-4-5-6.093.VX</b>					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC Số GPMT/Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.093.VX Địa chỉ văn phòng: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288 Địa chỉ cơ sở: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288							
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Số GPMT/Mã số QLCTNH: ..... Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: ..... Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....							
3. Chủ nguồn thải: BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG I Số GPMT /Mã số QLCTNH: ..... Địa chỉ văn phòng: Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội ĐT: 02433.853.227 Địa chỉ cơ sở: Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội							
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01	89,9	TĐ - tro xỉ HR
2	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	9,5	Phá dỡ bóng đèn - chất thải - HR
<small># Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp)</small>							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập:..... Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/: Phan Quỳnh Linh Ký:..... Ngày: T3/2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH theo phương pháp như kê khai ở mục 4 Nam Định, ngày 30 tháng 3 năm 2024			
 <b>* PHÓ GIÁM ĐỐC</b> <b>TS. Lê Ngọc Tú</b> (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				 <b>TỔNG GIÁM ĐỐC</b> <b>Trần Đức Phú</b> (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
Liên số 1□ - 2□ - 3□ - 4□						MKH: 3325	

<b>TỈNH/THÀNH PHỐ</b> <b>HÀ NỘI</b>		<b>CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI</b> <b>Số: 3229/2024/1-2-3-4-5-6.093.VX</b>					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC Số GPMT/Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.093.VX Địa chỉ văn phòng: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288 Địa chỉ cơ sở: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288							
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Số GPMT/Mã số QLCTNH: ..... Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: ..... Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....							
3. Chủ nguồn thải: BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG I Số GPMT /Mã số QLCTNH: ..... Địa chỉ văn phòng: Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội ĐT: 02433.853.227 Địa chỉ cơ sở: Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội							
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lấy nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01	88.7	TĐ - tro xỉ HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	10.5	Phá dỡ bóng đèn - chất thải - HR
*Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp)							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập:..... Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/: Phạm Ngọc Thắng				Ký: <i>Phạm Ngọc Thắng</i> Ngày: T4/2024			
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: .....				Ký:..... Ngày:.....			
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2024				8. Chủ CS DV XL CTNH (có chữ ký) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Nam Định, ngày 29 tháng 4 năm 2024			
 <b>PHÓ GIÁM ĐỐC</b> <b>TS. Lê Ngọc Tú</b> (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				 <b>TỔNG GIÁM ĐỐC</b> <b>Trần Đức Phú</b> (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
*Liên số <input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4							MKH: 3325

TỈNH/THÀNH PHỐ HÀ NỘI CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 4025 /2024/1-2-3-4-5-6.093.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC Số GPMT/Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.093.VX Địa chỉ văn phòng: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288 Địa chỉ cơ sở: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Số GPMT/Mã số QLCTNH: Địa chỉ văn phòng: ĐT: Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG I Số GPMT /Mã số QLCTNH: Địa chỉ văn phòng: Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội ĐT: 02433.853.227 Địa chỉ cơ sở: Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Table with 6 columns: STT, Tên CTNH, Trạng thái tồn tại (Rắn, Lỏng, Bùn), Mã chất thải, Số lượng (kg), Phương pháp xử lý #. Rows include 'Chất thải lây nhiễm' and 'Bóng đèn huỳnh quang thải'.

\*Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập: Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/: Tô Văn Huy Ký: Ngày: T5/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2024

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2024

Seal and signature of Phó Giám đốc TS. Lê Ngọc Tú from Bệnh Viện Tâm Thần Trung Ương I.

Seal and signature of Tổng Giám đốc Trần Đức Phú from Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Kỹ Thuật Tài Nguyên Môi Trường ETC.

TỈNH/THÀNH PHỐ **HÀ NỘI** CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI  
Số: 4<sup>0</sup>27/2024/1-2-3-4-5-6.093.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC Số GPMT/Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.093.VX  
Địa chỉ văn phòng: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288  
Địa chỉ cơ sở: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Số GPMT/Mã số QLCTNH: .....  
Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....  
Địa chỉ cơ sở : ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG I Số GPMT /Mã số QLCTNH: .....  
Địa chỉ văn phòng: Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội ĐT: 02433.853.227  
Địa chỉ cơ sở: Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01	82.8	TĐ - tro xi HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	10.5	Phá dỡ bóng đèn - chất thải - HR

#Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kín); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập:.....  
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:.....


7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/: Tô Văn Huy Ký:.....Ngày: T6/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024



PHÓ GIÁM ĐỐC  
**TS. Lê Ngọc Tú**  
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH theo phương pháp như kê khai ở mục 4

Nam Định, ngày 28 tháng 6 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC  
**Trần Đức Phú**  
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

TỈNH/THÀNH PHỐ  
HÀ NỘI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: /2024/1-2-3-4-5-6.093.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC Số GPMT/Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.093.VX  
Địa chỉ văn phòng: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288  
Địa chỉ cơ sở: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Số GPMT/Mã số QLCTNH: .....  
Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....  
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG I Số GPMT /Mã số QLCTNH: .....  
Địa chỉ văn phòng: Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội ĐT: 02433.853.227  
Địa chỉ cơ sở: Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01	96.1	TĐ - tro xỉ HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	10	Phá dỡ bóng đèn - chất thải - HR

#Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập:.....  
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:.....

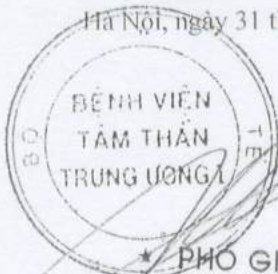
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/: Tô Văn Huy Ký:.....H.T.V...Ngày: T7/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2024



PHÓ GIÁM ĐỐC

TS. Lê Ngọc Tú

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH theo các phương pháp như kê khai ở mục 4

Nam Định, ngày 31 tháng 7 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Đức Phú

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số 1□ - 2□ - 3□ - 4□

MKH: 3325

TỈNH/THÀNH PHỐ  
HÀ NỘI

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI  
Số: 6998/2024/1-2-3-4-5-6.093.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC Số GPMT/Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.093.VX  
Địa chỉ văn phòng: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288  
Địa chỉ cơ sở: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Số GPMT/Mã số QLCTNH: .....  
Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....  
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG I Số GPMT /Mã số QLCTNH: .....  
Địa chỉ văn phòng: Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội ĐT: 02433.853.227  
Địa chỉ cơ sở: Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01	89.4	TĐ - tro xỉ HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	10.5	Phá dỡ bóng đèn - chất thải - HR

#Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập:.....  
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/: Tô Văn Huy Ký:.....Ngày: T8/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2024



PHÓ GIÁM ĐỐC

TS. Lê Ngọc Tú  
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Đức Phú  
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

\*Liên số 1□ - 2□ - 3□ - 4□

MKH: 3325

TỈNH/THÀNH PHỐ  
HÀ NỘI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI  
Số: 8012/2024/1-2-3-4-5-6.093.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC Số GPMT/Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.093.VX  
Địa chỉ văn phòng: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288  
Địa chỉ cơ sở: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Số GPMT/Mã số QLCTNH: .....  
Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....  
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG I Số GPMT /Mã số QLCTNH: .....  
Địa chỉ văn phòng: Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội ĐT: 02433.853.227  
Địa chỉ cơ sở: Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội ĐT: 02433.853.227

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01	89.7	TĐ - tro xỉ HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	11	Phá dỡ bóng đèn - chất thải - HR

# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập:.....  
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:.....

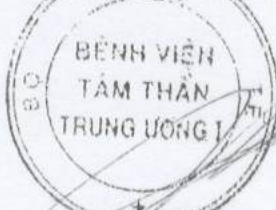
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/: Tô Văn Huy Ký: *T.V.H* Ngày: T9/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2024



PHÓ GIÁM ĐỐC

TS. *Lê Ngọc Toại*  
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Nam Định, ngày 09 tháng 9 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC

*Trần Đức Phú*  
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên số 1  - 2  - 3  - 4

MKH: 3325

TỈNH/THÀNH PHỐ  
HÀ NỘI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI  
Số: 928 /2024/1-2-3-4-5-6.093.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC Số GPMT/Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.093.VX  
Địa chỉ văn phòng: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288  
Địa chỉ cơ sở: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Số GPMT/Mã số QLCTNH: .....  
Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....  
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG I Số GPMT /Mã số QLCTNH: .....  
Địa chỉ văn phòng: Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội ĐT: 02433.853.227  
Địa chỉ cơ sở: Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội ĐT: 02433.853.227

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01	89.1	TĐ - tro xi HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	9.5	Phá dỡ bóng đèn - chất thải - HR

\*Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....  
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....

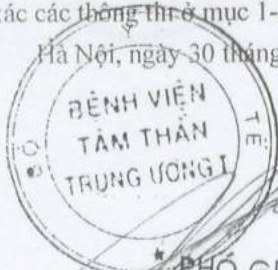
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/: Nguyễn Văn Đạt Ký:..... Ngày: T10/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024



PHÓ GIÁM ĐỐC  
TS. Lê Ngọc Tú

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Nam Định, ngày 30 tháng 10 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Trần Đức Phú

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

\*Liên số 1□ - 2□ - 3□ - 4□

MKH: 3325

**TỈNH/THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI**  
**Số: 10400/2024/456/GPMT-BTNMT**

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC Số GPMT/Mã số QLCTNH: 456/GPMT-BTNMT  
 Địa chỉ văn phòng: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288  
 Địa chỉ cơ sở: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Số GPMT/Mã số QLCTNH: .....  
 Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....  
 Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG I Số GPMT /Mã số QLCTNH: .....  
 Địa chỉ văn phòng: Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội ĐT: 02433.853.227  
 Địa chỉ cơ sở: Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội ĐT: 02433.853.227

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01	89.9	TĐ - tro xỉ HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	9.5	Phá dỡ bóng đèn - chất thải - HR

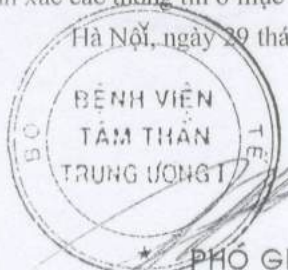
\*Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập:.....  
 Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/: Nguyễn Văn Đạt Ký:..... Ngày: T11/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)  
 Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2024  
  
 \* PHÓ GIÁM ĐỐC  
 TS. Lê Ngọc Tú  
 (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH theo phương pháp như kê khai ở mục 4  
 Nam Định, ngày 29 tháng 11 năm 2024  
  
 TỔNG GIÁM ĐỐC  
 Trần Đức Phú  
 (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

**TỈNH/THÀNH PHỐ** **CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI**  
**HÀ NỘI** Số: 1243/2024/456/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC Số GPMT/Mã số QLCTNH: 456/GPMT-BTNMT  
 Địa chỉ văn phòng: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288  
 Địa chỉ cơ sở: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Số GPMT/Mã số QLCTNH: .....  
 Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....  
 Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: BỆNH VIỆN TÂM THẦN TRUNG ƯƠNG I Số GPMT /Mã số QLCTNH: .....  
 Địa chỉ văn phòng: Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội ĐT: 02433.853.227  
 Địa chỉ cơ sở: Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội ĐT: 02433.853.227

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01	91.3	TĐ - tro xi HR
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	10.5	Phá dỡ bóng đèn - chất thải - HR

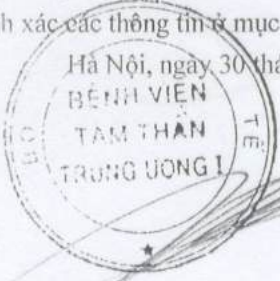
\*Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập:.....  
 Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/: Nguyễn Văn Đạt Ký:.....Ngày: T12/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)  
 Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2024  
  
 (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4  
 Nam Định, ngày 30 tháng 12 năm 2024  
  
 TÔNG GIÁM ĐỐC  
 Trần Đức Phú  
 (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

## **PHỤ LỤC 5**

**CÁC PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC NĂM 2024 VÀ 2025  
(TRƯỚC VÀ SAU CẢI TẠO HỆ THỐNG XLNT)**

Số/Ng: 24/TN5/1174

Trang/Page: 1/2

VIMCERTS 093/2024/0949

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- |                          |   |
|--------------------------|---|
| 1. Tên mẫu thử:          | Mẫu nước thải y tế sau xử lý.             |
| 2. Khách hàng:           | Bệnh Viện Tâm Thần Trung Ương I.          |
| 3. Lượng mẫu:            | 5,0L.                                     |
| 4. Ngày nhận mẫu:        | 18/06/2024.                               |
| 5. Tình trạng mẫu:       | Đựng trong chai nhựa.                     |
| 6. Thời gian thử nghiệm: | Từ ngày: 18/06/2024 đến ngày: 28/06/2024. |
| 7. Ngày hoàn thành:      | 28/06/2024.                               |

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
 MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT**

*Đặng Việt Lâm*

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

**GIÁM ĐỐC**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Ngọc Châm*

- Phiên kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
 This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.  
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
 Name of sample and customer are written as customer's request.

Số No: 24/TN5/1174

Trang/Page: 2/2

VIMCERTS 093/2024/0949

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 28:2010/BTNMT (Giá trị C)		Kết quả
				A	B	
1	pH	-	TCVN 6492: 2011	6,5-8,5	6,5-8,5	11,3
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1: 2008	≤ 30	≤ 50	217
3	COD	mg/L	SMEWW 5220 C: 2017	≤ 50	≤ 100	2441
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540 D: 2017	≤ 50	≤ 100	32,8
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/L	SMEWW 4500-S <sup>2-</sup> F:2017	≤ 1,0	≤ 4,0	0,204
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> F:2017	≤ 5	≤ 10	KPH (GHPH = 0,10)
7	Nitrat (tính theo N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 30	≤ 50	3,14
8	Phosphat (tính theo P)	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 6	≤ 10	2,49
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520 B&F: 2017	≤ 10	≤ 20	< 1,0
10	Tổng Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2: 2020	≤ 3000	≤ 5000	Không có (< 1,0)
11	Salmonella	Vi khuẩn/100mL	SMEWW 9260B: 2017	KPH	KPH	Không phát hiện
12	Shigelia	Vi khuẩn/100mL	SMEWW 9260E: 2017	KPH	KPH	Không phát hiện
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100mL	SMEWW 9260H: 2017	KPH	KPH	Không phát hiện

**Ghi chú:** QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế;  
 KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
 This test results is value only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.  
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
 Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 24/TN5/1991

Trang/Page: 1/2  
VIMCERTS 093/2024/1706

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

- Tên mẫu thử: **Mẫu nước thải y tế sau xử lý.**
- Khách hàng: **Bệnh Viện Tâm Thần Trung Ương 1.**
- Lượng mẫu: **5,0L.**
- Ngày nhận mẫu: **02/10/2024.**
- Tình trạng mẫu: **Đựng trong can nhựa.**
- Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 02/10/2024 đến ngày: 18/10/2024.**
- Ngày hoàn thành: **18/10/2024.**

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

**Đặng Việt Lâm**

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024  
**GIÁM ĐỐC**



**Him Đức Thu**

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test results are valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 24/TN5/1991

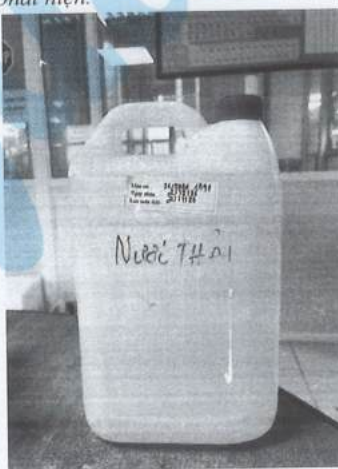
2/2  
Trang/Page:.....  
VIMCERTS 093/2024/1706

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 28:2010/BTNMT (Giá trị C)		Kết quả
				A	B	
1	pH	-	TCVN 6492: 2011	6,5 - 8,5	6,5 - 8,5	11,21
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1: 2021	≤ 30	≤ 50	5,0
3	COD	mg/L	SMEWW 5220 C: 2023	≤ 50	≤ 100	13,3
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540 D: 2023	≤ 50	≤ 100	46,0
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/L	SMEWW 4500-S <sup>2-</sup> .B&D: 2023	≤ 1,0	≤ 4,0	0,132
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> .B&F: 2023	≤ 5	≤ 10	KPH (GPHH = 0,10)
7	Nitrat (tính theo N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 30	≤ 50	KPH (GPHH = 0,02)
8	Phosphat (tính theo P)	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 6	≤ 10	0,062
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520 B&F: 2023	≤ 10	≤ 20	< 3,0
10	Tổng Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B: 2023	≤ 3000	≤ 5000	Không có (< 1,8)
11	Salmonella	Vi khuẩn/100mL	SMEWW 9274: 2023	KPH	KPH	Không phát hiện
12	Shigella	Vi khuẩn/100mL	SMEWW 9276: 2023	KPH	KPH	Không phát hiện
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100mL	SMEWW 9278 : 2023	KPH	KPH	Không phát hiện

**Ghi chú:** QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế;  
KPH: Không phát hiện; GPHH: Giới hạn phát hiện.



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test results are valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

24/TN5/2882

Trang/Page: 1/2  
VIMCERTS 093/2025/0094

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

- Tên mẫu thử: **Mẫu nước thải y tế sau xử lý.**
- Khách hàng: **Bệnh Viện Tâm Thần Trung Ương 1.**
- Lượng mẫu: **5,0L.**
- Ngày nhận mẫu: **30/12/2024.**
- Tình trạng mẫu: **Đựng trong can nhựa.**
- Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 30/12/2024 đến ngày: 17/01/2025.**
- Ngày hoàn thành: **17/01/2025.**

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT**

*Cao Lam Giang*

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Ngọc Châm*

- Chỉ kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng của tôi.  
This test results are valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test results shall not reproduced except in full, without the written approval of QUATEST 1.
- Đơn vị và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

24/TN5/2882

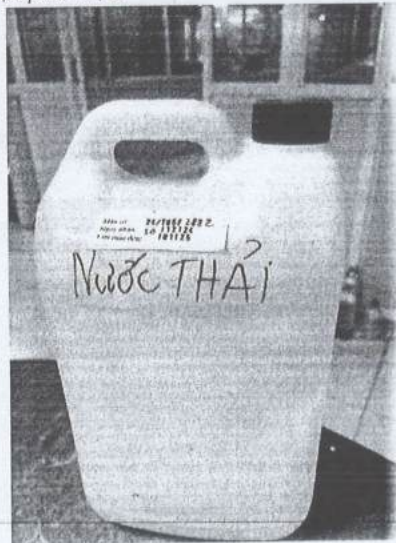
Trang/Page: 2/2

VIMCERTS 093/2025/0094

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 28:2010/BTNMT (Giá trị C)		Kết quả
				A	B	
1	pH	-	TCVN 6492: 2011	6,5 - 8,5	6,5 - 8,5	8,76
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1: 2021	≤ 30	≤ 50	9,5
3	COD	mg/L	SMEWW 5220 C: 2023	≤ 50	≤ 100	30,0
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540 D: 2023	≤ 50	≤ 100	15,2
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/L	SMEWW 4500-S <sup>2</sup> .B&D: 2023	≤ 1,0	≤ 4,0	0,198
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> .B&F: 2023	≤ 5	≤ 10	KPH (GHPH = 0,10)
7	Nitrat (tính theo N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 30	≤ 50	3,51
8	Phosphat (tính theo P)	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 6	≤ 10	0,767
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520 B&F: 2023	≤ 10	≤ 20	< 3,0
10	Tổng Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B: 2023	≤ 3000	≤ 5000	Không có (< 1,8)
11	Salmonella	Vi khuẩn/100mL	SMEWW 9274: 2023	KPH	KPH	Không phát hiện
12	Shigella	Vi khuẩn/100mL	SMEWW 9276: 2023	KPH	KPH	Không phát hiện
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100mL	SMEWW 9278 : 2023	KPH	KPH	Không phát hiện

**Ghi chú:** QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế;  
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.



1. Kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test results are valid only for samples taken by customer.
2. Hình ảnh được trích từ một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.  
Any test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số: 07568/2025/PKQ (NT/2512.397)



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Bệnh viện tâm thần Trung ương 1

Địa chỉ: xã Thường Tín, TP Hà Nội

Địa điểm quan trắc: xã Thường Tín, TP Hà Nội

Tên mẫu	Mẫu nước thải tại vị trí xả thải - NT1 (X=2308629, Y=587692)
Loại mẫu	Nước thải
Tình trạng mẫu	Bảo quản theo quy định
Ngày lấy mẫu	17/12/2025
Người bàn giao mẫu	Đình Quang Minh
Thời gian thử nghiệm	17/12/2025 – 29/12/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 28:2010/ BTNMT
					Cột A, K=1,0
1	pH <sup>(a,b)</sup>	-	TCVN 6492:2011	6,9	6,5 – 8,5
2	BOD <sub>5</sub> (20°C) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2021	10,3	30
3	COD <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2023	18,9	50
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	18	-
5	Dầu mỡ động, thực vật <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	1,3	10
6	Sunfua <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6637: 2000	<0,05	1
7	Amoni (tính theo N) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	US EPA Method 350.2	<0,35	5
8	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N) <sup>(b)</sup>	mg/L	US EPA Method 352.1	1,7	30
9	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> tính theo P) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,03	6
10	<i>Salmonella</i>	Vi khuẩn/ 100 ml	TCVN 9717: 2013	KPH	KPH
11	<i>Shigella</i>	Vi khuẩn/ 100 ml	SMEWW 9276B:2023	KPH	KPH
12	<i>Vibrio cholerae</i>	Vi khuẩn/ 100 ml	SMEWW 9278B:2023	KPH	KPH
13	Tổng coliform <sup>(b)</sup>	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B: 2023	1.100	3.000
14	Tổng hoạt độ phóng xạ α <sup>(b)</sup>	Bq/L	TCVN 8879:2011	<0,007	0,1
15	Tổng hoạt độ phóng xạ β <sup>(b)</sup>	Bq/L	TCVN 8879:2011	<0,06	1,0

### Ghi chú:

- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Nước thải Y tế;

1. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
2. Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
3. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT  
CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ĐC: Số 2 Phạm Ngũ Lão, Phường Cửa Nam, Hà Nội  
ĐT: 024.38260669/024.39334132 Email: ceecsvhcn@gmail.com  
VILAS 557 - VIMCERTS 195



- Cột A, K=1,0: Giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện;
- <: Nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- Dấu (-): là không quy định;
- <sup>(a)</sup>: Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557;
- <sup>(b)</sup>: Chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 195;
- Chỉ tiêu số 10, 11, 12 do Công ty cổ phần khoa học và công nghệ Việt Nam - Vimcerts 121 thực hiện.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Trịnh Thị Hué

CÁN BỘ QA/QC

Nguyễn Ngọc Việt

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hạnh

1. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu: (như trên)
2. Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
3. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm

Số: 07569/2025/PKQ (NT/2512.398)

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Bệnh viện tâm thần Trung ương 1

Địa chỉ: xã Thường Tín, TP Hà Nội

Địa điểm quan trắc: xã Thường Tín, TP Hà Nội

Tên mẫu	Mẫu nước thải tại vị trí cách cửa xả về phía hạ lưu 250m - NT2 (X=2308965, Y=587743)
Loại mẫu	Nước thải
Tình trạng mẫu	Bảo quản theo quy định
Ngày lấy mẫu	17/12/2025
Người bàn giao mẫu	Đình Quang Minh
Thời gian thử nghiệm	17/12/2025 – 29/12/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 28:2010/ BTNMT
					Cột A, K=1,0
1	pH <sup>(a,b)</sup>	-	TCVN 6492:2011	6,8	6,5 – 8,5
2	BOD <sub>5</sub> (20°C) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2021	20,2	30
3	COD <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2023	36,9	50
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	10	-
5	Dầu mỡ động, thực vật <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	0,5 (LOQ=0,9)	10
6	Sunfua <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6637: 2000	<0,05	1
7	Amoni (tính theo N) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	US EPA Method 350.2	<0,35	5
8	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N) <sup>(b)</sup>	mg/L	US EPA Method 352.1	1	30
9	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> tính theo P) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,03	6
10	<i>Salmonella</i>	Vi khuẩn/ 100 ml	TCVN 9717: 2013	KPH	KPH
11	<i>Shigella</i>	Vi khuẩn/ 100 ml	SMEWW 9276B:2023	KPH	KPH
12	<i>Vibrio cholerae</i>	Vi khuẩn/ 100 ml	SMEWW 9278B:2023	KPH	KPH
13	Tổng coliform <sup>(b)</sup>	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B: 2023	1.700	3.000
14	Tổng hoạt độ phóng xạ α <sup>(b)</sup>	Bq/L	TCVN 8879:2011	<0,007	0,1
15	Tổng hoạt độ phóng xạ β <sup>(b)</sup>	Bq/L	TCVN 8879:2011	<0,06	1,0

### Ghi chú:

- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Nước thải Y tế;
- Cột A, K=1,0: Giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

510.01.10 Lần ban hành:01 Trang 1/2

1. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
2. Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
3. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT  
CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ĐC: Số 2 Phạm Ngũ Lão, Phường Cửa Nam, Hà Nội  
ĐT: 024.38260669/024.39334132 Email: ceecsvhcn@gmail.com  
VILAS 557 - VIMCERTS 195



- KPH: Không phát hiện;
- <: Nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- Dấu (-): là không quy định;
- <sup>(a)</sup>: Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557;
- <sup>(b)</sup>: Chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 195;
- Chỉ tiêu số 10, 11, 12 do Công ty cổ phần khoa học và công nghệ Việt Nam - Vimcerts 121 thực hiện.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Trịnh Thị Huế

CÁN BỘ QA/QC

Nguyễn Ngọc Việt

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025



1. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
2. Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
3. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm

Số: 07572/2025/PKQ (NT/2512.417)



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Bệnh viện tâm thần Trung ương 1  
 Địa chỉ: xã Thường Tín, TP Hà Nội  
 Địa điểm quan trắc: xã Thường Tín, TP Hà Nội

Tên mẫu	Mẫu nước thải tại vị trí xả thải - NT1 (X=2308629, Y=587692)
Loại mẫu	Nước thải
Tình trạng mẫu	Bảo quản theo quy định
Ngày lấy mẫu	18/12/2025
Người bàn giao mẫu	Đình Quang Minh
Thời gian thử nghiệm	18/12/2025 – 29/12/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 28:2010/ BTNMT
					Cột A, K=1,0
1	pH <sup>(a,b)</sup>	-	TCVN 6492:2011	6,8	6,5 – 8,5
2	BOD <sub>5</sub> (20°C) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2021	7,4	30
3	COD <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2023	13,2	50
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	5 (LOQ=6)	-
5	Dầu mỡ động, thực vật <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	0,7 (LOQ=0,9)	10
6	Sunfua <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6637: 2000	<0,05	1
7	Amoni (tính theo N) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	US EPA Method 350.2	<0,35	5
8	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N) <sup>(b)</sup>	mg/L	US EPA Method 352.1	<0,1	30
9	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> tính theo P) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,03	6
10	<i>Salmonella</i>	Vi khuẩn/ 100 ml	TCVN 9717: 2013	KPH	KPH
11	<i>Shigella</i>	Vi khuẩn/ 100 ml	SMEWW 9276B:2023	KPH	KPH
12	<i>Vibrio cholerae</i>	Vi khuẩn/ 100 ml	SMEWW 9278B:2023	KPH	KPH
13	Tổng coliform <sup>(b)</sup>	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B: 2023	940	3.000
14	Tổng hoạt độ phóng xạ α <sup>(b)</sup>	Bq/L	TCVN 8879:2011	<0,007	0,1
15	Tổng hoạt độ phóng xạ β <sup>(b)</sup>	Bq/L	TCVN 8879:2011	<0,06	1,0

### Ghi chú:

- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Nước thải Y tế;
- Cột A, K=1,0: Giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

510.01.10 Lân ban hành:01 Trang 1/2

1. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
2. Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
3. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm

- KPH: Không phát hiện;
- <: Nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- Dấu (-): là không quy định;
- <sup>(a)</sup>: Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557;
- <sup>(b)</sup>: Chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 195;
- Chỉ tiêu số 10, 11, 12 do Công ty cổ phần khoa học và công nghệ Việt Nam - Vimcerts 121 thực hiện.

NGƯỜI LẬP PHIẾU



Trịnh Thị Huế

CÁN BỘ QA/QC



Nguyễn Ngọc Việt

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025



Nguyễn Thị Hạnh



Số: 07573/2025/PKQ (NT/2512.418)

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Bệnh viện tâm thần Trung ương 1  
Địa chỉ: xã Thường Tín, TP Hà Nội  
Địa điểm quan trắc: xã Thường Tín, TP Hà Nội

Tên mẫu	Mẫu nước thải tại vị trí cách cửa xả về phía hạ lưu 250m - NT2 (X=2308965, Y=587743)
Loại mẫu	Nước thải
Tình trạng mẫu	Bảo quản theo quy định
Ngày lấy mẫu	18/12/2025
Người bàn giao mẫu	Đình Quang Minh
Thời gian thử nghiệm	18/12/2025 – 29/12/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 28:2010/ BTNMT
					Cột A, K=1,0
1	pH <sup>(a,b)</sup>	-	TCVN 6492:2011	6,9	6,5 – 8,5
2	BOD <sub>5</sub> (20°C) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2021	15,5	30
3	COD <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2023	28,6	50
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	5 (LOQ=6)	-
5	Dầu mỡ động, thực vật <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	0,6 (LOQ=0,9)	10
6	Sunfua <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6637: 2000	<0,05	1
7	Amoni (tính theo N) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	US EPA Method 350.2	<0,35	5
8	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N) <sup>(b)</sup>	mg/L	US EPA Method 352.1	<0,1	30
9	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> tính theo P) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,03	6
10	<i>Salmonella</i>	Vi khuẩn/ 100 ml	TCVN 9717: 2013	KPH	KPH
11	<i>Shigella</i>	Vi khuẩn/ 100 ml	SMEWW 9276B:2023	KPH	KPH
12	<i>Vibrio cholerae</i>	Vi khuẩn/ 100 ml	SMEWW 9278B:2023	KPH	KPH
13	Tổng coliform <sup>(b)</sup>	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B: 2023	1.200	3.000
14	Tổng hoạt độ phóng xạ α <sup>(b)</sup>	Bq/L	TCVN 8879:2011	<0,007	0,1
15	Tổng hoạt độ phóng xạ β <sup>(b)</sup>	Bq/L	TCVN 8879:2011	<0,06	1,0

### Ghi chú:

- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Nước thải Y tế;
- Cột A, K=1,0: Giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

510.01.10 Lân ban hành:01 Trang 1/2

1. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
2. Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
3. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT  
CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ĐC: Số 2 Phạm Ngũ Lão, Phường Cửa Nam, Hà Nội  
ĐT: 024.38260669/024.39334132 Email: ceecsvhcn@gmail.com

VILAS 557 - VIMCERTS 195



- KPH: Không phát hiện;
- <: Nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- Dấu (-): là không quy định;
- <sup>(a)</sup>: Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557;
- <sup>(b)</sup>: Chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 195;
- Chỉ tiêu số 10, 11, 12 do Công ty cổ phần khoa học và công nghệ Việt Nam - Vimcerts 121 thực hiện.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Trịnh Thị Huế

CÁN BỘ QA/QC

Nguyễn Ngọc Việt

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025



Nguyễn Thị Hạnh

Số: 07575/2025/PKQ (NT/2512.464)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**



VILAS 557

Khách hàng: Bệnh viện tâm thần Trung ương 1  
Địa chỉ: xã Thường Tín, TP Hà Nội  
Địa điểm quan trắc: xã Thường Tín, TP Hà Nội

Tên mẫu	Mẫu nước thải tại vị trí xả thải - NT1 (X=2308629, Y=587692)
Loại mẫu	Nước thải
Tình trạng mẫu	Bảo quản theo quy định
Ngày lấy mẫu	19/12/2025
Người bàn giao mẫu	Bộ Việt Hùng
Thời gian thử nghiệm	19/12/2025 – 29/12/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 28:2010/ BTNMT
					Cột A, K=1,0
1	pH <sup>(a,b)</sup>	-	TCVN 6492:2011	7,1	6,5 – 8,5
2	BOD <sub>5</sub> (20°C) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2021	7,4	30
3	COD <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2023	13,5	50
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	7	-
5	Dầu mỡ động, thực vật <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	0,7 (LOQ=0,9)	10
6	Sunfua <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6637: 2000	<0,05	1
7	Amoni (tính theo N) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	US EPA Method 350.2	<0,35	5
8	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N) <sup>(b)</sup>	mg/L	US EPA Method 352.1	<0,1	30
9	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> tính theo P) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,03	6
10	Salmonella	Vi khuẩn/ 100 ml	TCVN 9717: 2013	KPH	KPH
11	Shigella	Vi khuẩn/ 100 ml	SMEWW 9276B:2023	KPH	KPH
12	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100 ml	SMEWW 9278B:2023	KPH	KPH
13	Tổng coliform <sup>(b)</sup>	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B: 2023	1.100	3.000
14	Tổng hoạt độ phóng xạ α <sup>(b)</sup>	Bq/L	TCVN 8879:2011	<0,007	0,1
15	Tổng hoạt độ phóng xạ β <sup>(b)</sup>	Bq/L	TCVN 8879:2011	<0,06	1,0

**Ghi chú:**

- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Nước thải Y tế;
- Cột A, K=1,0: Giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

510.01.10 Lần ban hành:01 Trang 1/2

1. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
2. Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
3. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



- KPH: Không phát hiện;
- <: Nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- Dấu (-): là không quy định;
- <sup>(a)</sup>: Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557;
- <sup>(b)</sup>: Chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 195;
- Chỉ tiêu số 10, 11, 12 do Công ty cổ phần khoa học và công nghệ Việt Nam - Vimcerts 121 thực hiện.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Trinh Thị Hué

CÁN BỘ QA/QC

Nguyễn Ngọc Việt

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hạnh

Số: 07576/2025/PKQ (NT/2512.465)

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Khách hàng: Bệnh viện tâm thần Trung ương 1

Địa chỉ: xã Thường Tín, TP Hà Nội

Địa điểm quan trắc: xã Thường Tín, TP Hà Nội

Tên mẫu	Mẫu nước thải tại vị trí cách cửa xả về phía hạ lưu 250m - NT2 (X=2308965, Y=587743)
Loại mẫu	Nước thải
Tình trạng mẫu	Bảo quản theo quy định
Ngày lấy mẫu	19/12/2025
Người bàn giao mẫu	Bý Việt Hùng
Thời gian thử nghiệm	19/12/2025 – 29/12/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 28:2010/ BTNMT
					Cột A, K=1,0
1	pH <sup>(a,b)</sup>	-	TCVN 6492:2011	7,3	6,5 – 8,5
2	BOD <sub>5</sub> (20°C) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2021	13,1	30
3	COD <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2023	23,7	50
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	6	-
5	Dầu mỡ động, thực vật <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	0,6 (LOQ=0,9)	10
6	Sunfua <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6637: 2000	<0,05	1
7	Amoni (tính theo N) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	US EPA Method 350.2	0,56 (LOQ=1,05)	5
8	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N) <sup>(b)</sup>	mg/L	US EPA Method 352.1	<0,1	30
9	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> tính theo P) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,03	6
10	<i>Salmonella</i>	Vi khuẩn/ 100 ml	TCVN 9717: 2013	KPH	KPH
11	<i>Shigella</i>	Vi khuẩn/ 100 ml	SMEWW 9276B:2023	KPH	KPH
12	<i>Vibrio cholerae</i>	Vi khuẩn/ 100 ml	SMEWW 9278B:2023	KPH	KPH
13	Tổng coliform <sup>(b)</sup>	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B: 2023	940	3.000
14	Tổng hoạt độ phóng xạ α <sup>(b)</sup>	Bq/L	TCVN 8879:2011	<0,007	0,1
15	Tổng hoạt độ phóng xạ β <sup>(b)</sup>	Bq/L	TCVN 8879:2011	<0,06	1,0

**Ghi chú:**

- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Nước thải Y tế;

1. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
2. Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
3. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT  
CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ĐC: Số 2 Phạm Ngũ Lão, Phường Cửa Nam, Hà Nội

ĐT: 024.38260669/024.39334132

Email: ceecsvhcn@gmail.com

VILAS 557 - VIMCERTS 195



- *Cột A, K=1,0: Giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;*
- *KPH: Không phát hiện;*
- *<: Nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp thử;*
- *LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử;*
- *Dấu (-): là không quy định;*
- *<sup>(a)</sup>: Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557;*
- *<sup>(b)</sup>: Chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 195;*
- *Chỉ tiêu số 10, 11, 12 do Công ty cổ phần khoa học và công nghệ Việt Nam - Vimcerts 121 thực hiện.*

NGƯỜI LẬP PHIẾU

CÁN BỘ QA/QC

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025

Trịnh Thị Huệ

Nguyễn Ngọc Việt



Nguyễn Thị Hạnh